

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1205/HĐQT-NHCT-VPHĐQT1

V/v: Công bố thông tin chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 1 (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 233/GCN-UBCKNN ngày 16/12/2024)

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- Mã chứng khoán: CTG
- Địa chỉ : 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024 39421030
- Email: investor@vietinbank.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) công bố thông tin chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 1 như sau:

- 2.1. Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 1 (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 233/GCN-UBCKNN ngày 16/12/2024);
- 2.2. Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, kèm theo các phụ lục, bao gồm:
 - **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VietinBank số 0100111948 được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp lần đầu ngày 3/7/2009; được đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/01/2024;
 - **Phụ lục II:** Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank số 13/GP-NHNN được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 17/6/2022 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (Quyết định số 2080/QĐ-NHNN ngày 03/11/2023 và Quyết định số 2472/QĐ-NHNN ngày 28/12/2023);
 - **Phụ lục III:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank, bản sửa đổi 25/06/2024 (tham khảo tại đường link: <https://investor.vietinbank.vn>, Mục "Quản trị doanh nghiệp" -> "Tài liệu quản trị" -> "Điều lệ ngân hàng");

- **Phụ lục IV:** Nghị quyết HĐQT số 240/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 03/07/2024; Quyết định của Tổng Giám đốc số 2894/QĐ-TGD-NHCT-KDVTT2 ngày 19/11/2024;
- **Phụ lục V:** Báo cáo tài chính (BCTC) riêng và hợp nhất năm 2022, 2023 (đã kiểm toán); BCTC riêng và hợp nhất bán niên 2024 (soát xét); BCTC riêng và hợp nhất Quý III/2024 tự lập của VietinBank (tham khảo tại đường link: <https://investor.vietinbank.vn>, Mục “Tài liệu dành cho Nhà đầu tư” -> “Báo cáo tài chính”);
- **Phụ lục VI:** Cam kết thực hiện nghĩa vụ của VietinBank đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác theo quy định pháp luật;

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của VietinBank vào ngày 19/12/2024 tại đường dẫn <https://investor.vietinbank.vn/Filings.aspx>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, VPHĐQT1.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 1;
- Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng và các phụ lục đính kèm.



Trần Minh Bình

Số: 2953/TB-TGD-NHCT-KDVTT2

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Chào bán trái phiếu ra công chúng (Đợt 1)

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 233/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/12/2024)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
- Tên viết tắt: VietinBank hoặc VIETINBANK
- Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 3941 8868 Số fax: 024 3942 1032 Website: www.vietinbank.vn
- Vốn điều lệ: 53.699.917.480.000 đồng (Năm mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín tỷ chín trăm mười bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).
- Mã cổ phiếu: CTG, được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Số hiệu tài khoản: 224450200.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/01/2024.
- Ngành nghề kinh doanh chính: “Hoạt động trung gian tiền tệ khác” - Mã ngành 6419, với hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của VietinBank, phù hợp với các quy định của pháp luật, bao gồm:
 - + Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
 - + Cấp tín dụng dưới các hình thức: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và GTCC khác; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước.
 - + Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng
 - + Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
 - + Mở tài khoản: mở tài khoản tại NHNN; mở tài khoản tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

- + Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
 - + Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, kết an toàn.
 - + Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
 - + Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các GTCG khác trên thị trường tiền tệ.
 - + Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
 - + Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các TCTD, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN.
 - + Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN và hướng dẫn của NHNN.
 - + Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
 - + Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
 - + Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
 - + Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
 - + Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.
 - + Lưu ký chứng khoán.
 - + Kinh doanh vàng miếng.
 - + Ví điện tử.
 - + Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
 - + Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
 - + Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.
 - + Ngân hàng giám sát theo quy định pháp luật về chứng khoán.
- Sản phẩm, dịch vụ chính:
- + Sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng cá nhân: *tiền gửi; cho vay; thanh toán; dịch vụ thẻ; dịch vụ ngân hàng số; dịch vụ kiều hối; mua bán ngoại tệ, bảo hiểm...*;
 - + Sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp: *tiền gửi; cho vay; thanh toán, quản lý dòng tiền; bảo lãnh, chiết khấu, tài trợ chuỗi cung ứng và bao thanh toán ngược, thanh toán và quản lý dòng tiền; thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn; dịch vụ ngân hàng điện tử; dịch vụ thẻ; các dịch vụ về bảo hiểm...*
9. Giấy phép thành lập và hoạt động: số 13/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 17/06/2022, Quyết định số 2080/QĐ-NHNN ngày 03/11/2023 của NHNN về việc sửa đổi nội dung hoạt động vào Giấy phép hoạt động của VietinBank và Quyết định số 2472/QĐ-NHNN ngày 28/12/2023 của NHNN về việc sửa đổi mức Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank.

II. Mục đích chào bán

Mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2024 của VietinBank là để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế.

III. Phương án chào bán

A. Thông tin chung về các đợt chào bán

VietinBank đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng số 233/GCN-UBCK ngày 16/12/2024 với các thông tin cụ thể như sau:

- Loại chứng khoán: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định của pháp luật hiện hành
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu (Một trăm nghìn đồng/trái phiếu)
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng: 80.000.000 trái phiếu (Tám mươi triệu trái phiếu) được chia thành 02 Đợt:
 - Đợt 1: 30.000.000 Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 Năm (CTG2432T2/01) và 10.000.000 Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 Năm (CTG2434T2/01);
 - Đợt 2: 30.000.000 Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 Năm (CTG2432T2/02) và 10.000.000 Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 Năm (CTG2434T2/02).

B. Thông tin về Trái phiếu chào bán ra công chúng Đợt 1

- Tên trái phiếu:
 - Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm
 - Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 năm
- Loại trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Mã trái phiếu Đợt 1:
 - Mã Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm: CTG2432T2/01
 - Mã Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 năm: CTG2434T2/01

(Khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Trái Phiếu sẽ được VSDC cấp mã Trái Phiếu khác theo quy định của pháp luật hiện hành)
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu).
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán Đợt 1: 40.000.000 (bốn mươi triệu) Trái Phiếu, cụ thể như sau:

STT	Mã trái phiếu	Tổng số lượng trái phiếu chào bán (Trái phiếu)
1	CTG2432T2/01	30.000.000
2	CTG2434T2/01	10.000.000
	Tổng cộng	40.000.000

Trường hợp Đợt 1 chưa phát hành hết khối lượng chào bán như dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được chuyển qua chào bán trong Đợt 2 tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu.

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá Đợt 1: 4.000.000.000.000 (Bốn nghìn tỷ) đồng, cụ thể như sau:

STT	Mã trái phiếu	Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá (Tỷ đồng)
1	CTG2432T2/01	3.000
2	CTG2434T2/01	1.000
	Tổng cộng	4.000

Trường hợp Đợt 1 chưa phát hành hết khối lượng chào bán như dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được chuyển qua chào bán trong Đợt 2 tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu.

7. Kỳ hạn trái phiếu:

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn
1	CTG2432T2/01	08 (tám) năm
2	CTG2434T2/01	10 (mười) năm

8. Lãi suất:

Lãi suất của các Trái Phiếu ("**Lãi Suất Trái Phiếu**") là lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh theo định kỳ), áp dụng cho toàn bộ thời hạn của Trái Phiếu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm) và được xác định theo công thức như sau:

- **Lãi Suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm (CTG2432T2/01) = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,05%/năm.**
- **Lãi Suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 năm (CTG2434T2/01) = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,15%/năm.**

Trong đó:

"**Lãi Suất Tham Chiếu**": là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (gồm 4 Ngân hàng là: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân (cụ thể: nếu chữ số thập phân thứ ba bằng hoặc lớn hơn 5 thì số được làm tròn lên, nếu chữ số thập phân thứ ba nhỏ hơn 5 thì số được làm tròn xuống).

"**Ngày Xác Định Lãi Suất**" là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

9. Kỳ trả lãi: Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ sáu (06) tháng một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu, là mỗi ngày tròn sáu (06) tháng kể từ ngày phát hành Trái Phiếu trong suốt thời hạn Trái Phiếu.
10. Giá chào bán: **100.000 đồng/Trái phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu).**
11. Phương thức phân phối: VietinBank phân phối và bán Trái Phiếu trực tiếp cho các nhà đầu tư thông qua hệ thống các Chi nhánh và Phòng giao dịch của VietinBank trên toàn quốc.

12. Số lượng đăng ký mua tối thiểu của nhà đầu tư: là **100 (một trăm) Trái Phiếu**, tương đương **10.000.000 (mười triệu) đồng** theo mệnh giá Trái Phiếu. *Để tránh hiểu lầm*, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu tối thiểu là 100 (một trăm) Trái Phiếu hoặc bội số của 100 (một trăm) Trái Phiếu.
13. Thời gian nhận đăng ký mua: **từ ngày 23/12/2024 đến ngày 15/01/2025**
14. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu:
- Tại các Chi nhánh, Phòng giao dịch của VietinBank trên toàn quốc. Chi tiết thông tin địa điểm của các Chi nhánh, Phòng giao dịch của VietinBank được đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của VietinBank theo đường dẫn: <https://www.vietinbank.vn/vn/lien-he/mang-luoi-chi-nhanh/>.
15. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: **từ ngày 23/12/2024 đến ngày 15/01/2025**
16. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu:
- Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
 - Số tài khoản: 1220003125
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.
17. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:
- Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2024 của VietinBank và các tài liệu khác có liên quan được đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của VietinBank theo đường dẫn: <https://investor.vietinbank.vn/Filings.aspx> và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam: <https://www.cts.vn>

IV. Các tổ chức liên quan

1. Tổ chức tư vấn phát hành:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760

2. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024. 7105 0000 Fax: 024. 6288 5678 Website: www.deloitte.com/vn

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2024

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Duy Hải

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, thay đổi lần thứ 13 ngày 08/01/2024)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ²³³ /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 12 năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày/...../2024 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

Website: www.vietinbank.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760

Website: www.cts.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Trần Minh Bình

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009 và thay đổi lần thứ 13 ngày 08/01/2024)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Dưới đây là các thông tin tóm tắt về một số điều khoản và điều kiện chính của Trái Phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chào bán ra công chúng theo Bản Cáo Bạch này

Tên trái phiếu:	Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 năm
Loại trái phiếu:	Là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định pháp luật hiện hành.
Mệnh giá:	100.000 (Một trăm nghìn) Đồng/01 (một) Trái Phiếu.
Tổng số lượng trái phiếu chào bán:	Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm: 60.000.000 (Sáu mươi triệu) Trái phiếu ○ Đợt 1: 30.000.000 (Ba mươi triệu) Trái Phiếu; ○ Đợt 2: 30.000.000 (Ba mươi triệu) Trái Phiếu. Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 năm: 20.000.000 (Hai mươi triệu) Trái Phiếu ○ Đợt 1: 10.000.000 (Mười triệu) Trái Phiếu; ○ Đợt 2: 10.000.000 (Mười triệu) Trái Phiếu.
Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá:	Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm: 6.000 (Sáu nghìn) tỷ đồng. ○ Đợt 1: 3.000 (Ba nghìn) tỷ đồng; ○ Đợt 2: 3.000 (Ba nghìn) tỷ đồng. Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 năm: 2.000 (Hai nghìn) tỷ đồng. ○ Đợt 1: 1.000 (Một nghìn) tỷ đồng; ○ Đợt 2: 1.000 (Một nghìn) tỷ đồng.
Kỳ hạn trái phiếu:	Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm: có kỳ hạn 8 (tám) năm kể từ Ngày Phát Hành. Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 năm: có kỳ hạn 10 (mười) năm kể từ Ngày Phát Hành.
Lãi suất	<ul style="list-style-type: none">▪ Lãi Suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,05%/năm.▪ Lãi Suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 năm = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,15%/năm. Trong đó: “Lãi Suất Tham Chiếu”: là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (gồm 04 ngân hàng là: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân “Ngày Xác Định Lãi Suất” Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

Để nắm rõ đầy đủ và biết thêm các thông tin chi tiết liên quan tới Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Quý nhà đầu tư vui lòng xem nội dung tại Mục VI có tiêu đề “Thông tin về đợt chào bán” và các nội dung khác liên quan có trong Bản Cáo Bạch này.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024. 7105 0000 Fax: 024. 6288 5678 Website: www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760 Website: www.cts.vn

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU: Không có

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1. Tổ Chức Phát Hành	6
2. Tổ Chức Tư Vấn.....	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	8
3. Rủi ro đặc thù	9
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	14
5. Rủi ro quản trị công ty.....	15
6. Các rủi ro khác	15
III. CÁC KHÁI NIỆM	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	19
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành.....	19
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành.....	21
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành	27
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành	29
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	34
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.....	37
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành.....	40
8. Hoạt động kinh doanh	44
9. Thông tin về cổ đông lớn	75
10. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng	77
11. Chính sách trả cổ tức	103
12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.....	104
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....	104
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	105
15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	105
V. KẾT QUẢ HĐKD, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	106
1. Kết quả HĐKD	106
2. Tình hình tài chính.....	115
3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành	122
4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm	123
5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....	123
6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo.....	125
VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	126
1. CƠ SỞ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	126

2.	ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI.....	126
3.	TÊN GỌI VÀ MÃ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN.....	129
4.	LOẠI TRÁI PHIẾU VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÁP LÝ CỦA TRÁI PHIẾU	129
5.	MỆNH GIÁ	129
6.	TỔNG SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN THEO MỆNH GIÁ	130
7.	KỶ HẠN (THỜI HẠN) TRÁI PHIẾU	130
8.	LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU	130
9.	KỶ HẠN TRẢ LÃI, TRẢ GÓC TRÁI PHIẾU.....	132
10.	GIÁ CHÀO BÁN	133
11.	THỨ TỰ ƯU TIÊN THANH TOÁN TRÁI PHIẾU TRONG TRƯỜNG HỢP TỜ CHỨC PHÁT HÀNH MẤT KHẢ NĂNG TRẢ NỢ HOẶC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	133
12.	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	134
13.	CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM.....	135
14.	ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ.....	135
15.	ĐẠI LÝ THANH TOÁN VÀ VIỆC THANH TOÁN LÃI TRÁI PHIẾU.....	136
16.	VIỆC CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, THAY ĐỔI THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU.....	137
17.	VIỆC MUA LẠI TRÁI PHIẾU TRƯỚC HẠN	137
18.	SỰ KIỆN VI PHẠM	138
19.	PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI.....	139
20.	ĐĂNG KÝ MUA TRÁI PHIẾU	139
21.	THỜI GIAN CHÀO BÁN VÀ LỊCH TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI TRÁI PHIẾU	140
22.	TÀI KHOẢN PHÒNG TỎA NHẬN TIỀN MUA TRÁI PHIẾU	143
23.	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CỦA TỜ CHỨC PHÁT HÀNH.....	143
24.	CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN.....	143
25.	CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC.....	144
26.	THÔNG TIN VỀ CÁC CAM KẾT	147
27.	LUẬT ĐIỀU CHỈNH.....	148
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	148
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	149
IX.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	155
X.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	156
XI.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC TƯ VẤN.....	157
XII.	PHỤ LỤC.....	159

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Phát Hành

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Ông Trần Minh Bình Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Hưng Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Ông Phạm Ngọc Hiệp Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo ủy quyền tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 146/2024/NQ-HDQT-CKCT ngày 25/07/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và Giấy ủy quyền số 17/2024/GUQ-CKCT ngày 29/07/2024 của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ số 01/2024/TVTP/VIETINBANK SECURITIES-VIETINBANK ngày 02/08/2024 ký kết với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả, liệt kê dưới đây, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. HĐKD, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả, liệt kê dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả HĐKD và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành

Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế; khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm qua đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Những cải cách kinh tế và chính trị từ giai đoạn đổi mới bắt đầu từ năm 1986 đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, giúp Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo trên thế giới đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam trong 10 năm gần đây (giai đoạn 2012-2021) đạt 5,6%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Mặc dù vậy, Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả HĐKD và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

GDP năm 2023 của Việt Nam ước tính tăng 5,05% so với năm trước, đưa quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%. GDP bình quân đầu người ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022.

Theo Tổng cục thống kê, GDP cả nước quý III/2024 vẫn tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức kỳ vọng trong bối cảnh nền kinh tế một số địa phương phía Bắc nước ta bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão Số 3 – bão Yagi đầu tháng 09/2024. Tính chung 09 tháng năm 2024, GDP ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả HĐKD của Tổ Chức Phát Hành

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô.

Năm 2023, lạm phát bình quân của Việt Nam tăng 3,25%, đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát ở mức 4,5%. Đây là năm thứ 12 liên tiếp Việt Nam duy trì được mức lạm phát một con số kể từ sau khi lạm phát tăng cao năm 2011, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài vào đồng nội tệ và môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Theo Tổng cục thống kê, CPI tháng 9/2024 tăng 0,29% so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng Chín tăng 2,18% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,63%. CPI bình quân quý III/2024 tăng 3,48% so với quý III/2023. Tính chung chín tháng năm nay, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,69%.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt khi nền kinh tế được dự báo có thể tăng trưởng nhanh trở lại. Nếu lạm phát tăng cao trở lại sẽ dẫn đến các chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành gia tăng. Nếu Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng (như lãi suất huy động tiền gửi...) vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả HDKD của Tổ Chức Phát Hành. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành không bảo đảm rằng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách kiềm chế lạm phát một cách quyết liệt và mạnh mẽ, bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá của một số mặt hàng và sản phẩm do Chính phủ quản lý, kiểm soát.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về pháp luật là các rủi ro xảy ra khi mà các quy định pháp luật hiện hành và/hoặc các quy định pháp luật mới được ban hành không còn phù hợp, chông chéo hoặc chưa đáp ứng đòi hỏi với tình hình thực tiễn, xu thế của thị trường và gây ra các khó khăn, trở ngại, vướng mắc cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp và làm doanh nghiệp phải đối mặt với các chi phí và thiệt hại phát sinh do các tranh chấp pháp lý. Việt Nam hiện vẫn đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động của TCTD tại Việt Nam. Trong thời gian vừa qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới đã được ban hành nhằm hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, thay thế các luật cũ đã không còn phù hợp. Luật các tổ chức tín dụng mới đã được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024 và hiệu lực từ ngày 01/07/2024. Sau khi Luật các TCTD mới có hiệu lực, Chính phủ và các bộ, ngành (trong đó có NHNN) dự kiến cũng sẽ ban hành nhiều Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời, với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể thấy hệ thống pháp luật về TCTD tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Tại VietinBank, công tác QLRR pháp lý/luật pháp luôn được ưu tiên hàng đầu nhằm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất, ảnh hưởng bất lợi đến HDKD và quản trị nội bộ của VietinBank, cụ thể như sau:

- VietinBank đã xây dựng hệ thống văn bản chính sách nội bộ quy định về các nguyên tắc, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, bộ mẫu biểu hợp đồng phải tuân thủ trong quá trình thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để thống nhất áp dụng trong toàn hệ thống; hệ thống văn bản chính sách được rà soát đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trước khi ban hành và hệ thống hóa, pháp điển hóa định kỳ để đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ và phù hợp trong quá trình triển khai văn bản.
- Bộ phận Pháp chế tại VietinBank chịu trách nhiệm tư vấn toàn diện các vấn đề pháp lý theo quy định pháp luật Việt Nam đối với hoạt động tổ chức, quản lý và HDKD, phù hợp với quy định pháp luật; tối đa hóa quyền và lợi ích hợp pháp của VietinBank; cử đại diện tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của VietinBank trong các hoạt động tố tụng mà VietinBank là một bên tham gia.
- Bộ phận Tuân thủ tại VietinBank có trách nhiệm quản lý thay đổi văn bản chính sách nội bộ trong hệ thống VietinBank; phòng chống rửa tiền/tài trợ khủng bố/cấm vận; phòng chống gian lận; tuân thủ Đạo luật tuân thủ thuế đối với các tài khoản ở nước ngoài của Mỹ (*Foreign Account Tax Compliance Act – FATCA*) và quản lý tuân thủ các cam kết quốc tế khác, cam kết với cổ đông chiến lược, đối tác; quản lý xung đột lợi ích; bảo vệ quyền lợi khách hàng; bảo mật thông tin khách hàng; phòng chống tham nhũng và các vấn đề tuân thủ khác theo quy định của VietinBank đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật; xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai công tác giám sát, quản lý tuân thủ trên toàn hàng định kỳ hoặc đột xuất nhằm giảm thiểu, ngăn chặn rủi ro phát sinh.

- VietinBank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật và định hướng HĐKD cho phù hợp; đồng thời kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để quy định chi tiết, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động ngân hàng.
- Công tác đào tạo, phổ biến, tuyên truyền quy định pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng luôn được chú trọng để nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật của từng cán bộ trong toàn hệ thống.
- Đối với các giao dịch có giá trị lớn, phức tạp hoặc có liên quan đến yếu tố nước ngoài, VietinBank thường chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo tính pháp lý của giao dịch phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng.

Trong năm 2023, bối cảnh kinh tế thế giới nhiều bất ổn đã ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế Việt Nam. Trước tình hình đó, VietinBank đã thận trọng đánh giá, quyết liệt triển khai đồng bộ công tác quản lý rủi ro để duy trì cân bằng giữa mục tiêu về an toàn hoạt động và tăng trưởng kinh doanh. VietinBank luôn chủ động quản lý rủi ro tín dụng trên cả cấp độ danh mục và cấp độ giao dịch, nhận diện sớm các ngành/lĩnh vực/khách hàng tiềm ẩn rủi ro để kịp thời triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh vượt qua khó khăn như cơ cấu nợ, giải ngân mới, ưu đãi lãi suất Nhờ đó, chất lượng tài sản tại VietinBank luôn được kiểm soát tốt, tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp và tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức cao so với toàn ngành.

Trong năm 2024, để nâng cao khả năng ứng phó trước nền kinh tế còn nhiều biến động, VietinBank chủ động xây dựng và tiếp tục triển khai đồng bộ nhiều giải pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng. Theo đó, VietinBank tăng cường triển khai đồng bộ các giải pháp để kiểm soát nâng cao chất lượng nợ tại tất cả các đơn vị kinh doanh, đặc biệt tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng liên quan các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao nhưng vẫn đảm bảo cân bằng với việc phát triển quy mô tín dụng theo định hướng chung.

VietinBank tiếp tục hiện đại hóa công tác kiểm tra giám sát để nhận diện sớm rủi ro tín dụng và phù hợp với tình hình thực tiễn (như đổi mới phương pháp, cách thức kiểm tra; xây dựng các công cụ giám sát tự động; khai thác tối đa tài nguyên dữ liệu trên hệ thống kết hợp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ...).

b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm:

- *Rủi ro lãi suất* là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Ngân hàng;
- *Rủi ro ngoại hối* là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng;
- *Rủi ro giá cổ phiếu* là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của Ngân hàng;
- *Rủi ro giá hàng hóa* là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của Ngân hàng.

VietinBank tiếp tục chú trọng giám sát chặt chẽ và kiểm soát kịp thời rủi ro thị trường trong quá trình kinh doanh.

Chiến lược QLRR thị trường được thiết lập gồm mục tiêu và các biện pháp kiểm soát phù hợp gắn liền với chiến lược kinh doanh trung và dài hạn của VietinBank, đảm bảo HĐKD phát triển an toàn, bền vững, tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, cam kết với đối tác chiến lược, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Mô hình 3 tuyến bảo vệ trong QLRR thị trường tiếp tục phát huy tốt với sự tham gia của Phòng Kinh doanh vốn, Phòng QLRR thị trường và Phòng Kiểm toán nội bộ. Hệ thống chính sách, quy định và phương pháp luận về QLRR thị trường, QLRR tập trung trong giao dịch tự doanh được rà soát cập nhật kịp thời phù hợp với thực tiễn thị trường và HĐKD của VietinBank, đáp ứng thông lệ Basel II và các yêu cầu của cơ quan quản lý. Nhằm kiểm soát rủi ro thị trường, VietinBank thiết lập khẩu vị và hạn mức rủi ro thị trường gồm các chỉ số như: lãi/lỗ theo giá thị trường, trạng thái, hạn mức giá trị chịu rủi ro (Value at Risk - VaR), Hạn mức độ nhạy đối với sự thay đổi của lãi suất (PV01), hạn mức trạng thái/số dư đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đối tác thuộc danh mục tự doanh có rủi ro tập trung. Các chỉ số được đo lường giám sát, báo cáo hàng ngày, kịp thời cảnh báo nguy cơ rủi ro phát sinh vượt ngưỡng chấp nhận của VietinBank và có biện pháp xử lý giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó, định kỳ phân tích mức tổn thất trong điều kiện căng thẳng, mức vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường và backtest các mô hình đo lường rủi ro thị trường để đảm bảo đánh giá chính xác mức độ rủi ro tiềm ẩn.

Từ năm 2013, VietinBank đã triển khai hệ thống Treasury Murex nhằm thực hiện nhập, phê duyệt và quản lý giao dịch kinh doanh vốn và thị trường thông suốt cả 03 cấu phần Front Office, Middle Office, Back Office. Năm 2021, VietinBank đã chủ động xây dựng và cải tiến các hệ thống như RWA – tính toán vốn yêu cầu cho các rủi ro trọng yếu, hệ thống Treasury Transaction Monitoring - hỗ trợ giám sát sau giao dịch kinh doanh vốn, hệ thống Vision Commodity - quản lý giao dịch phái sinh hàng hóa của VietinBank.

VietinBank quy định toàn bộ trạng thái ngoại tệ phát sinh được tập trung về quản lý tại Trụ sở chính thông qua phòng đầu mối là Phòng Kinh doanh vốn thuộc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường. Ngân hàng thiết lập các hạn mức về trạng thái tiền tệ với từng đồng tiền, các hạn mức dừng lỗ, hạn mức giá trị chịu rủi ro VaR... nhằm kiểm soát rủi ro phù hợp với mức độ chấp nhận của Ngân hàng và tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý. Hệ thống Treasury Murex 3 đã được triển khai ứng dụng thành công, cho phép thông tin giao dịch và trạng thái rủi ro được ghi nhận đầy đủ, minh bạch, cập nhật thường xuyên lợi nhuận theo giá trị thị trường và tình hình sử dụng hạn mức rủi ro, hỗ trợ ra quyết định nhằm đảm bảo HĐKD của Vietinbank an toàn, hiệu quả.

Trong hoạt động huy động vốn và cho vay bằng ngoại tệ, VietinBank thực hiện đo lường, phân tích và dự báo các luồng tiền ngoại tệ vào/ra trong hệ thống làm cơ sở thiết lập kế hoạch vốn kinh doanh theo từng loại tiền tệ, theo đó dự nợ cho vay ngoại tệ của Ngân hàng được tài trợ tối đa bởi nguồn vốn huy động ngoại tệ cùng đồng tiền. Lượng nguồn ngoại tệ dư thừa/thiếu hụt tạm thời (nếu phát sinh) được đầu tư hoặc hoán đổi ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng để tăng hiệu quả sử dụng vốn đồng thời giảm thiểu rủi ro ngoại hối.

c) Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất (RRLS) trên Sổ ngân hàng, phát sinh do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng. VietinBank có thể gặp bất lợi về thu nhập lãi thuần (NII) và giá trị kinh tế VCSH (*Economic Value of Equity – EVE là giá trị hiện tại ròng giữa dòng tiền vào của tài sản tài chính và dòng tiền ra của nợ phải trả trên cả nội bảng và ngoại bảng thuộc Sổ Ngân hàng*) nếu Số dư của tài sản có nhạy cảm với lãi suất thấp hơn số dư của tài sản nợ nhạy cảm với lãi suất trong bối cảnh lãi suất có xu hướng tăng và ngược lại.

Nhằm kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại, kiểm soát mức độ tác động của thay đổi lãi suất tới NII và EVE của VietinBank trong phạm vi cho phép, VietinBank đã áp dụng chính sách quản lý tập trung tại Trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Cụ thể,

VietinBank đã thiết lập quy định, quy trình quản lý RRLS trên Sổ ngân hàng; quản lý chênh lệch kỳ định giá lại lãi suất, thiết lập hạn mức đối với chênh lệch kỳ hạn định giá lại, thay đổi NII và EVE; đồng thời sử dụng các sản phẩm phái sinh phù hợp nhằm kiểm soát rủi ro ở cấp độ danh mục. Hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ (FTP) cho phép VietinBank quản lý tập trung trạng thái RRLS tại Trụ sở chính, cung cấp tự động các báo cáo chênh lệch kỳ hạn định giá lại, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất...

Mức độ RRLS và tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức RRLS được phân tích báo cáo Ban lãnh đạo tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO hàng tháng nhằm kịp thời nhận diện xu hướng thay đổi cơ cấu chênh lệch kỳ hạn định giá lại, mức độ tác động tới NII/EVE và kịp thời có những điều chỉnh để đảm bảo thực hiện mục tiêu lợi nhuận của Ngân hàng.

Ở cấp độ giao dịch, VietinBank áp dụng các điều khoản phòng ngừa RRLS trong các hợp đồng tín dụng nhằm đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường; xác định lãi suất cho vay phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng, điều hành lãi suất thông qua công cụ giá mua bán vốn nội bộ (FTP) tùy theo định hướng hoạt động của Ngân hàng và diễn biến thị trường.

d) Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động (RRHD) là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). RRHD không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, VietinBank luôn tuân thủ theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan chức năng để triển khai kiểm soát rủi ro hoạt động trong hệ thống đảm bảo an toàn, hiệu quả, bám sát khẩu vị rủi ro và các chỉ số RRHD chính trong các lĩnh vực nghiệp vụ nhất quán với mục tiêu kinh doanh tổng thể đã được đề ra. Mô hình quản trị rủi ro hoạt động tại VietinBank được vận hành với 03 tuyến bảo vệ (TBV), quy định rõ ràng vai trò cũng như trách nhiệm của từng đơn vị thuộc mỗi TBV. Các đơn vị thuộc các TBV phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện công tác quản trị rủi ro hoạt động một cách xuyên suốt từ Trụ sở chính tới Chi nhánh và toàn diện ở tất cả các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ, tiệm cận thông lệ quốc tế, phát huy tối đa hiệu quả kiểm soát rủi ro.

Chính sách quản lý Hạn mức rủi ro hoạt động (HMRRHD) gồm hạn mức tổn thất tài chính và hạn mức tổn thất phi tài chính được xây dựng theo đúng quy định của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, đồng thời quy định thực hiện theo dõi giám sát và quản lý việc tuân thủ HMRRHD đã được thiết lập đảm bảo kiểm soát rủi ro.

Trong xu hướng chuyển đổi số hiện đang diễn ra mạnh mẽ và ứng dụng công nghệ hiện đại/mới trong nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, VietinBank liên tục cập nhật và cải tiến các công cụ quản lý rủi ro hoạt động của mình nhằm nâng cao nhận diện, kiểm soát các loại rủi ro mới phát sinh/nổi cộm, đó là: đẩy mạnh quy trình tự đánh giá RRHD (RCSA) theo sản phẩm dịch vụ đồng thời mở rộng quy trình tự đánh giá RRHD từ cấp Trụ sở chính tới cấp chi nhánh đảm bảo mọi RRHD được nhận diện toàn diện, trên nhiều khía cạnh; cải tiến công cụ quản lý sự kiện rủi ro hoạt động (LDC) nhằm thu thập sự kiện rủi ro, phân tích đa chiều và đưa ra các biện pháp kiểm soát/cảnh báo phòng ngừa cho hệ thống và khách hàng; liên tục nâng cấp, hiện đại hóa Hệ thống quản lý hồ sơ rủi ro (Hệ thống Risk Profile) nhằm kết nối linh hoạt và chặt chẽ giữa các công cụ, gia tăng tính năng cảnh báo thông tin theo trực tiếp tới các đơn vị nghiệp vụ và chi nhánh, tạo lập báo cáo tổng thể để người dùng tiếp cận dữ liệu đa chiều một cách thuận tiện, hiệu quả; từ đó nhanh chóng cung cấp cái nhìn toàn diện và chi tiết về các rủi ro trọng yếu; giúp các cấp quản lý có thể phân tích các nguyên nhân dẫn đến rủi ro cũng như theo dõi diễn biến rủi ro phát sinh qua các thời điểm, nhờ đó hỗ trợ quá trình ra quyết định quản trị điều hành phù hợp cũng như định hướng phát triển kinh doanh cho ngân hàng.

Nhận diện được các rủi ro công nghệ thông tin; rủi ro gian lận; rủi ro với đối tác bên thứ ba;...là những rủi ro đang được quốc tế đánh giá là những loại rủi ro nổi cộm hiện tại và trong thời gian tới;

VietinBank đã nhanh chóng nghiên cứu chính sách và từng bước triển khai, liên tục cập nhật để đảm bảo phù hợp với xu hướng thị trường và thực tế tại VietinBank.

Đối với nhóm các sự kiện bất khả kháng có nguy cơ gây gián đoạn hoạt động kinh doanh liên tục (như thiên tai, bão lũ, động đất, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố, trộm cướp,...) VietinBank đã xây dựng chính sách và thường xuyên, liên tục triển khai các kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục nhằm phòng ngừa, giảm thiểu các ảnh hưởng có thể xảy ra khi phát sinh các tình huống khẩn cấp, đồng thời giúp các đơn vị chủ động ứng phó, khôi phục và duy trì mọi hoạt động của ngân hàng trong thời gian sớm nhất khi xảy ra sự cố/ thảm họa, cụ thể bao gồm nhưng không giới hạn các quy định như: Quy định Quản lý kinh doanh liên tục, Quy trình xây dựng kế hoạch ứng phó các tình huống khẩn cấp; Sổ tay ứng phó một số tình huống khẩn cấp tại VietinBank...

e) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

VietinBank thực hiện chiến lược QLRR thanh khoản với các mục tiêu chính như: duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản; chiến lược nguồn vốn đảm bảo đa dạng hoá về kênh huy động và cấu trúc kỳ hạn, phù hợp với cơ cấu kỳ hạn sử dụng nguồn; tăng cường các nguồn vốn có chi phí hợp lý như tiền gửi không kỳ hạn (*Current Account Savings Account – CASA*), nguồn tiền gửi Kho bạc Nhà nước, kết hợp linh hoạt khai thác nguồn vốn từ thị trường liên ngân hàng; thiết lập, mở rộng giới hạn và quan hệ giao dịch với các TCTD khác để tăng cường kênh huy động và sử dụng nguồn; định kỳ kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản nhằm đánh giá khả năng thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản.

Mô hình 3 tuyến bảo vệ được tiếp tục phát huy với Phòng Quản lý cân đối vốn đóng vai trò đầu mối phối hợp với Phòng Kinh doanh vốn và các đơn vị liên quan thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất; Phòng QLRR thị trường đóng vai trò tuyến bảo vệ thứ hai theo dõi giám sát độc lập, và Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng tuyến bảo vệ thứ ba. Tình hình cân đối vốn và các chỉ tiêu an toàn thanh khoản, hạn mức rủi ro thanh khoản được theo dõi hàng ngày, giám sát chặt chẽ đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quy định của NHNN. Định kỳ hàng tháng, tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, tình hình cân đối vốn và thanh khoản, tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức rủi ro được rà soát, báo cáo và đề xuất định hướng điều hành cân đối vốn đảm bảo thanh khoản an toàn và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.

Hệ thống quản lý tài sản Nợ - Có (ALM) được xây dựng theo thông lệ quốc tế, tiếp tục cung cấp tự động các báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hàng ngày của Ngân hàng, đồng thời phân tích, dự báo về tình hình thanh khoản trong tương lai. Qua đó, rủi ro thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo từng đồng tiền chính (VND, USD, EUR) trên cơ sở phân tích nhu cầu thanh khoản, nguồn thanh khoản của từng HĐKD; cơ cấu Tài sản/Nợ phải trả và dòng tiền của các khoản mục nội bảng và ngoại bảng; khả năng tiếp cận thanh khoản trên thị trường.

f) *Rủi ro tập trung*

Rủi ro tập trung là rủi ro do Ngân hàng có HĐKD tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của Ngân hàng.

Kết thúc quý III/2024, tổng dư nợ cho vay khách hàng (riêng) của VietinBank là gần 1.593 nghìn tỷ đồng và được phân bổ cho vay theo đa dạng, nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: *Bán buôn, bán lẻ (chiếm 38,1% tổng dư nợ); Công nghiệp chế biến chế tạo (chiếm 20,4%); Thương mại, dịch vụ (chiếm 17%); Xây dựng (chiếm 5,2%); Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước (chiếm 4,8%); Nông, lâm, thủy sản (chiếm 3,1%); Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc (chiếm 2,2%); Khai khoáng (chiếm 0,5%) và các ngành, lĩnh vực khác.*

Để phòng ngừa rủi ro tập trung, VietinBank xây dựng chiến lược QLRR tập trung dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục tín dụng nhằm phân tán rủi ro, tránh tập trung danh mục vào một khách hàng/khách hàng và người có liên quan/ngành/lĩnh vực kinh tế. Định kỳ hàng năm, VietinBank thiết lập hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng; khách hàng và người có liên quan/ngành/lĩnh vực kinh tế phù hợp các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quy định nội bộ; đồng thời, thường xuyên theo dõi cơ cấu danh mục tín dụng đa chiều, tình hình thực hiện hạn mức để có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vượt quá hạn mức rủi ro tập trung.

g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình HĐKD, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các chỉ tiêu ngoại bảng trong BCTC của Ngân hàng là các cam kết giao dịch hối đoái và các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn. Các công cụ tài chính này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Đó là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến các công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Các cam kết giao dịch hối đoái chủ yếu là các giao dịch/hợp đồng phái sinh (mua/bán ngoại tệ có kỳ hạn hoặc giao dịch hoán đổi) nên có mức độ rủi ro thấp. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn bao gồm các cam kết bảo lãnh vay vốn; cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C) và các cam kết trong bảo lãnh khác.

Tại thời điểm 30/09/2024, tổng các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng theo số liệu hợp nhất của VietinBank là 1.009.832 tỷ đồng, trong đó: các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn (gồm bảo lãnh vay vốn, cam kết trong nghiệp vụ L/C và bảo lãnh khác) là 171.709 tỷ đồng (chiếm 17%) và các cam kết đưa ra (gồm cam kết giao dịch hối đoái và cam kết khác) là 838.123 tỷ đồng (chiếm 83%).

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (như mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh...). Khi đó, VietinBank sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay cho khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, VietinBank đã ban hành các quy trình thẩm định, cấp bảo lãnh, cam kết L/C, hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại khách hàng; các quy định về tỷ lệ tài sản bảo đảm, ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng và mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh, cụ thể:

- *Đối với các cam kết bảo lãnh:* VietinBank thực hiện phân loại bảo lãnh theo các mức độ rủi ro tăng dần theo thứ tự lần lượt: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng/hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh thanh toán/vay vốn... Căn cứ mức độ rủi ro của từng sản phẩm bảo lãnh và mức độ tín nhiệm của khách hàng, VietinBank sẽ yêu cầu tỷ lệ tài sản bảo đảm/ký quỹ phù hợp để có biện pháp hạn chế, giảm thiểu rủi ro.
- *Đối với các cam kết thanh toán L/C:* VietinBank quản lý rủi ro xảy ra tổn thất thông qua việc thẩm định trước khi phát hành L/C, yêu cầu tỷ lệ ký quỹ và tài sản bảo đảm tương đương với mức độ tin cậy và tín nhiệm của từng nhóm khách hàng do VietinBank đánh giá.

h) Rủi ro đặc thù khác (Rủi ro hệ thống CNTT)

Hệ thống CNTT của VietinBank thuộc quy mô lớn, triển khai nhiều SPDV mới trên nhiều nền tảng CNTT. Quá trình số hóa hệ thống CNTT của VietinBank đang được triển khai mạnh mẽ với thay đổi cấu hình thường xuyên hơn, kết nối với nhiều hệ thống đối tác hơn. Vì vậy, công tác đảm bảo an toàn bảo mật giao dịch, dữ liệu của Ngân hàng luôn được coi là then chốt khi triển khai các hệ thống CNTT nhằm đem lại sự tin cậy cho khách hàng. VietinBank luôn chủ động thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh, an toàn trên toàn hệ thống, đồng thời triển khai nhiều biện pháp kiểm soát rủi ro như:

- Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách, thông qua các khóa học do NHNN, Bộ Thông tin và Truyền thông hay các đối tác tổ chức;
- Tăng cường phối hợp, trao đổi với các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên trách về an ninh mạng

và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao cũng như các công ty bảo mật tại Việt Nam và trên thế giới;

- Thường xuyên theo dõi cập nhật các sự kiện an toàn thông tin trên thế giới, trong nước để có các hành động kịp thời;
- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống giám sát các sự kiện bảo mật (SIEM); triển khai trung tâm giám sát An toàn thông tin (SOC) trong hệ thống CNTT của VietinBank để có thể giám sát tập trung các hệ thống bảo mật đơn lẻ, phát hiện sớm các nguy cơ để có hành động xử lý kịp thời;
- Thực hiện đánh giá, nhận diện rủi ro bảo mật thông tin, vận hành khai thác đối với các SPDV trước khi xây dựng để triển khai biện pháp kiểm soát phù hợp;
- Đánh giá bảo mật tất cả các hệ thống, dịch vụ ngân hàng điện tử và các hệ thống trọng yếu trước khi cung cấp cho khách hàng;
- Triển khai các giải pháp bảo đảm sẵn sàng của các hệ thống CNTT, đồng thời diễn tập chuyển hệ thống sang trung tâm dữ liệu dự phòng thảm họa để đảm bảo hệ thống sẵn sàng hoạt động khi xảy ra thảm họa tại trung tâm dữ liệu chính;
- Triển khai, áp dụng tiêu chuẩn Chương trình An ninh Khách hàng (CSP) cho hệ thống SWIFT, ISO27001:2013 cho hệ thống Internet Banking (ngân hàng điện tử), Bộ Tiêu chuẩn Bảo mật Dữ liệu Thẻ Thanh Toán (PCI-DSS) cho hệ thống thẻ;
- Văn bản hóa, triển khai các quy trình, chính sách bảo mật: đánh giá bảo mật, xử lý sự kiện bảo mật...;
- Triển khai hệ thống truy cập Internet tập trung với công nghệ tiên tiến hơn; tăng cường bảo mật và triển khai các giải pháp cho làm việc từ xa;
- Kiểm soát chặt chẽ kết nối giữa VietinBank với các công ty con, đơn vị thành viên cũng như với các đối tác của VietinBank phải đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn về bảo mật;
- Nghiên cứu, triển khai, áp dụng giải pháp xác thực sinh trắc học trong các giao dịch tại quầy và thiết bị di động; Thực hiện bảo mật ở mức cao nhất đối với các dữ liệu sinh trắc học của khách hàng, tuân thủ các quy định của Chính phủ, NHNN về quản lý dữ liệu sinh trắc học;
- Triển khai nhiều hệ thống bảo mật để phát hiện và ngăn chặn việc rò quét tấn công vào hệ thống, ngăn chặn gửi email đính kèm mã độc vào hệ thống;
- Nghiên cứu, thử nghiệm các hệ thống, giải pháp phòng thủ thụ động, chủ động phát hiện các dấu hiệu gian lận, thất thoát tài sản thông tin;
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho cán bộ ngân hàng;
- Thường xuyên cảnh báo khách hàng về những rủi ro bảo mật thông tin trong các dịch vụ của Ngân hàng.

4. Rủi ro về đợt chào bán

a) Rủi ro của việc chào bán

Đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của VietinBank không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt chào bán có thể không huy động được đủ số vốn dự kiến. Ngoài ra, trường hợp có nhiều TCTD khác phát hành trái phiếu với cùng đặc điểm, cùng loại trái phiếu, cùng kỳ hạn và trong cùng khoảng thời gian chào bán với trái phiếu của VietinBank sẽ làm gia tăng tính cạnh tranh giữa các sản phẩm trái phiếu; do đó có thể dẫn tới những rủi ro, bất lợi về khả năng hấp thụ thành công khối lượng trái phiếu đã đăng ký chào bán của VietinBank. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng trái phiếu đã đăng ký, VietinBank có thể huy động vốn qua các kênh khác như: huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác... phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời thực hiện

cho vay nền kinh tế đối với các ngành nghề, lĩnh vực như: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt; Công nghiệp chế biến, chế tạo; và ngành khác... Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất... đã đề cập ở trên.

5. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là các rủi ro phát sinh có thể xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động, thủ tục phối hợp giữa các bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức và kiểm soát của doanh nghiệp hoặc các rủi ro xảy ra do các xung đột lợi ích của các bên liên quan và sự thiếu minh bạch, đối xử chưa công bằng, thỏa đáng và các mâu thuẫn chưa được giải quyết trong việc bảo đảm tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan cũng như cổ đông công ty.

VietinBank đã ban hành Quy chế Quản trị nội bộ do ĐHĐCĐ phê duyệt và thông qua nhằm mục đích đưa ra các nguyên tắc cơ bản về quản trị Ngân hàng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; xác định rõ vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ và quy trình, phương thức hoạt động của các cán bộ trong cơ cấu quản trị của VietinBank; xây dựng các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành VietinBank. Quy chế quản trị này được xây dựng căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị ngân hàng, phù hợp với điều kiện của Việt Nam để thực thi các chính sách rõ ràng về Quản trị nội bộ và đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của VietinBank.

Quy chế Quản trị nội bộ của VietinBank được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc quản trị cơ bản như sau: tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ VietinBank; đảm bảo một cơ cấu quản trị, điều hành hiệu quả, hướng tới chuẩn mực quốc tế; tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; đối xử công bằng giữa các cổ đông; đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến VietinBank; ngăn ngừa xung đột lợi ích; minh bạch trong hoạt động của VietinBank.

Cùng với việc bảo đảm tuân thủ thực hiện các quy định về công tác quản trị theo Quy chế Quản trị nội bộ, VietinBank luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một công ty đại chúng lớn và có uy tín trong việc công khai, minh bạch và thường xuyên cung cấp các báo cáo và công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật bao gồm: các hoạt động của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành; các cuộc họp của HĐQT; hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành, hoạt động của các ủy ban thuộc HĐQT, thông tin về các nghị quyết do HĐQT ban hành; hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông; công bố công khai danh sách về người có liên quan của VietinBank theo quy định của pháp luật và các giao dịch của người có liên quan của VietinBank với chính VietinBank; hoặc giữa VietinBank với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ; các giao dịch giữa người nội bộ của VietinBank, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do VietinBank nắm quyền kiểm soát; các giao dịch giữa VietinBank với các đối tượng khác; các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ và các vấn đề liên quan khác.

6. Các rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng: như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra (tùy thuộc vào mức độ và phạm vi ảnh hưởng) cũng sẽ có thể tác động và ảnh hưởng đến HĐKD của VietinBank.

Minh chứng rõ nhất cho thấy sự ảnh hưởng của những rủi ro này đối với HĐKD của Tổ Chức Phát Hành là sự bùng phát của dịch bệnh COVID-19 diễn ra trên phạm vi toàn thế giới kể từ năm 2020. Đại dịch COVID-19 là cú sốc về y tế, gây tác động mạnh mẽ và tiêu cực đến mọi mặt của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, cụ thể: tăng trưởng kinh tế của toàn cầu và nhiều quốc gia, khu vực ở mức âm; đầu tư thương mại toàn cầu suy giảm; các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy; quan hệ giao thương bị đình trệ; hoạt động SXKD của các doanh nghiệp liên tục bị gián đoạn; người lao động bị mất việc làm, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao; người dân bị hạn chế đi lại và tiếp xúc... Hậu quả là đến nay, hoạt động của nhiều doanh nghiệp và người dân vẫn bị ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ...

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản Cáo Bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ Chức Phát Hành/ VietinBank/ Ngân hàng/ NHCT	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam
Tổ Chức Tư Vấn/ Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
TMCP	Thương mại cổ phần
NHTM	Ngân hàng thương mại
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
HDQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
TGD	Tổng Giám đốc
CP	Cổ phần
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
HSX/ HOSE	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
UPCOM	Thị trường các công ty đại chúng chưa niêm yết (Unlisted Public Company Market). Sàn chứng khoán UPCOM thuộc SGDCK Hà Nội (HNX) – là nơi giao dịch chứng khoán của các doanh nghiệp chưa được niêm yết và các loại chứng khoán phải đăng ký lưu ký tại VSDC.
VAMC	Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản của các TCTD Việt Nam
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
HDKD	Hoạt động kinh doanh
NSLD	Năng suất lao động
CNTT	Công nghệ thông tin
GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu


VĐL	Vốn điều lệ
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn (Current Account Savings Account)
GTCG	Giấy tờ có giá
FTP	Hệ thống điều chuyển vốn nội bộ
VaR	Giá trị chịu rủi ro (Value at Risk)
RWA	Tài sản chịu rủi ro trọng yếu (Risk Weighted Assets)
ATM	Máy rút tiền tự động (Automated Teller Machine)
VND/ VNĐ	Đồng Việt Nam (đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam)
TSC	Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
SPDV	Sản phẩm dịch vụ
BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp
NSNN	Ngân sách Nhà nước
DNNVV/ SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Small and Medium Enterprise)
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment).
DPRR	Dự phòng rủi ro
QLRR	Quản lý rủi ro
QTRR	Quản trị rủi ro
ROAE (Công ty mẹ)	Tỷ suất LNST / VCSH bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAE (Hợp nhất)	Tỷ suất Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / (VCSH – Lợi ích cổ đông không kiểm soát) bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAA (Công ty mẹ)	Tỷ suất LNST / Tổng tài sản bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAA (Hợp nhất)	Tỷ suất Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / Tổng tài sản bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
EPS	LNST trên một cổ phiếu (Earnings Per Share)
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp.
Thuế TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
TP	Trái phiếu
UB	Ủy ban
QLTS nợ - TS có	Quản lý tài sản nợ - Tài sản có
KH	Khách hàng
KTNN	Kiểm toán Nhà nước

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

1.1. Giới thiệu Tổ Chức Phát Hành

- Tên đầy đủ tiếng Việt : **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài : **VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**
- Tên viết tắt : **VietinBank** hoặc **VIETINBANK**
- Logo : 
- GCNDKDN : Số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/01/2024.
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 1900 558868 hoặc (84-24) 3941 8868
- Fax : (84-24) 3942 1032
- Website : www.vietinbank.vn
- Vốn điều lệ (thời điểm hiện tại) : **53.699.917.480.000** đồng (*Năm mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm mười bảy triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*)
- Giấy phép thành lập và hoạt động và các quyết định sửa đổi, bổ sung : 13/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 17/06/2022, Quyết định số 2080/QĐ-NHNN ngày 03/11/2023 của NHNN về việc sửa đổi nội dung hoạt động vào Giấy phép hoạt động của VietinBank và Quyết định số 2472/QĐ-NHNN ngày 28/12/2023 của NHNN về việc sửa đổi mức Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank
- Người đại diện theo pháp luật : Ông **Trần Minh Bình** – Chủ tịch HĐQT
- Mã cổ phiếu : CTG
- Sàn niêm yết cổ phiếu : Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh chính: “*Hoạt động trung gian tiền tệ khác*” - Mã số: 6419, với hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của VietinBank, phù hợp với các quy định của pháp luật, bao gồm:

- + Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- + Cấp tín dụng dưới các hình thức: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và GTCG khác; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước.
- + Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- + Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- + Mở tài khoản: mở tài khoản tại NHNN; mở tài khoản tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- + Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- + Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- + Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- + Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các GTCG khác trên thị trường tiền tệ.
- + Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- + Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các TCTD, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN.
- + Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN và hướng dẫn của NHNN.
- + Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
- + Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
- + Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
- + Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- + Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.
- + Lưu ký chứng khoán.
- + Kinh doanh vàng miếng.
- + Ví điện tử.
- + Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- + Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

- + Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.
- + Ngân hàng giám sát theo quy định pháp luật về chứng khoán.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện quan trọng
1988	<ul style="list-style-type: none"> Tiền thân là Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam theo Nghị định số 53/HDBT ngày 26/03/1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về tổ chức bộ máy NHNN.
1990	<ul style="list-style-type: none"> Chính thức được đổi tên thành Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo Quyết định số 402/CT ngày 14/11/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ). Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tham gia với ngân hàng nước ngoài thành lập Ngân hàng Liên doanh Indovina vào ngày 21/11/1990.
1993 - 1996	<ul style="list-style-type: none"> Thống đốc NHNN ký Quyết định số 67/QĐ-NH5 ngày 27/03/1993 về việc thành lập Ngân hàng Công Thương Việt Nam thuộc NHNN. Được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính Phủ, Thống đốc NHNN ký Quyết định 285/QĐ-NH5 ngày 21/09/1996 về việc thành lập lại Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo mô hình Tổng công ty Nhà nước.
2008	<ul style="list-style-type: none"> Ra mắt thương hiệu mới VietinBank vào tháng 4/2008. Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 23/09/2008 phê duyệt Phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Ngày 02/11/2008, NHNN ký Quyết định số 2604/QĐ-NHNN về việc công bố giá trị doanh nghiệp Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Ngày 25/12/2008, Ngân hàng Công Thương Việt Nam tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) để cổ phần hóa thành công.
2009	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 03/07/2009, Ngân hàng được cổ phần hóa và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 03/07/2009 của NHNN và theo GCNDKKD lần đầu số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/07/2009; Chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là "CTG" vào ngày 16/7/2009 với giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên là 40.100 đồng/cổ phiếu.
2011	<ul style="list-style-type: none"> Là NHTM CP Nhà nước đầu tiên có đối tác chiến lược nước ngoài khi thực hiện bán 10% vốn điều lệ cho IFC. Khai trương chi nhánh tại Frankfurt, Đức.
2012	<ul style="list-style-type: none"> Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thành công 250 triệu USD trái phiếu ra thị trường quốc tế và niêm yết tại SGDCK Singapore (SGX). Trái phiếu được phát hành ngày 17/5/2012, có kỳ hạn 5 năm và lãi suất cố định 8%/năm. Mở chi nhánh tại Thủ đô Vientian, Lào.
2013	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục bán 19,73% cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là MUFG Bank (Nhật Bản) và trở thành NHTM CP Nhà nước có cơ cấu cổ đông mạnh nhất Việt Nam tại thời điểm này.
2014	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng chiến lược bán lẻ, lấy khách hàng làm trung tâm, mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam.

Thời gian	Sự kiện quan trọng
2015	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp từ Chi nhánh trở thành Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (ngân hàng con); Định hướng chuyển dịch cơ cấu khách hàng sang bán lẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thu ngoài lãi.
2017	<ul style="list-style-type: none"> Chuyển đổi thành công hệ thống Core Banking (SunShine), đưa VietinBank trở thành ngân hàng sở hữu nền tảng công nghệ hiện đại bậc nhất trong Ngành Ngân hàng Việt Nam.
2018	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường hợp tác khu vực và hội nhập quốc tế, giá trị thương hiệu VietinBank được nâng cao và tăng trưởng liên tục.
2020	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành tốt Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 tại VietinBank và Kế hoạch Kinh doanh trung hạn 2018-2020. Xây dựng Chiến lược phát triển VietinBank giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045, Kế hoạch Kinh doanh trung hạn giai đoạn 2021-2023.
2021	<ul style="list-style-type: none"> VietinBank tăng vốn điều lệ từ 37.234.045.560.000 đồng lên 48.057.506.090.000 đồng thông qua đợt phát hành cổ phiếu (để trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại của các năm 2017, 2018 và 2019) với tỷ lệ 29,0695%.
2023	<ul style="list-style-type: none"> VietinBank tăng vốn điều lệ từ 48.057.506.090.000 đồng lên 53.699.917.480.000 đồng thông qua đợt phát hành cổ phiếu (từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2020) với tỷ lệ 11,7415%.

2.2. Các giải thưởng và danh hiệu tiêu biểu từ năm 2021 đến nay của VietinBank

- TOP 10 Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa Kinh doanh Việt Nam 2021** do Hiệp hội Phát triển Văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam (VNABC) tổ chức nhằm tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các doanh nghiệp có thành tích xuất sắc hướng ứng cuộc vận động "**Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam**" do Thủ tướng Chính phủ phát động, góp phần hiện thực hóa các Nghị quyết của Đảng và Chính phủ về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
- TOP 100 Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam 2021 (CSI 100) ở lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ:** Giải thưởng này do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh & Xã hội tổ chức.
- TOP 300 Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất thế giới:** Năm 2021, VietinBank lần thứ 3 liên tiếp lọt vào TOP 300 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới xác lập cú thăng hạng ngoạn mục nhất trong số 9 ngân hàng Việt Nam trong danh sách, xác lập vị trí 216, tăng 61 bậc so với năm 2020. Về Giá trị Thương hiệu, VietinBank cũng là ngân hàng xếp thứ 8 trong TOP 20 Ngân hàng thế giới có Giá trị Thương hiệu tăng cao nhất và là ngân hàng tăng trưởng mạnh nhất về Giá trị Thương hiệu tại Việt Nam (tăng 56%).
- Giải thưởng Sao Khuê 2021 và Giải thưởng Doanh nghiệp Chuyển đổi số Xuất sắc 2021:** Năm 2021 chứng kiến những thành công liên tiếp của VietinBank trong lĩnh vực ngân hàng số và chuyển đổi số. 3 SPDV Ngân hàng của VietinBank gồm: Ứng dụng Ngân hàng số VietinBank iPay Mobile (iPay Mobile), Dịch vụ Ngân hàng điện tử dành cho KHDN - VietinBank eFAST và Dịch vụ kết nối ERP dành cho KHDN - VietinBank ERP-Connect đã đạt Giải thưởng Sao Khuê 2021. Trong đó, VietinBank iPay Mobile tiếp tục lọt vào TOP 10 Sao Khuê 2 năm liên tiếp. VietinBank cũng vinh dự được bình chọn là đơn vị đạt Giải thưởng Chuyển đổi số Xuất sắc Việt Nam 2021 - giải thưởng uy tín nhất tại Việt Nam hiện nay về chuyển đổi số - ở hạng mục Doanh nghiệp Chuyển đổi số Xuất sắc do Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) tổ chức.

- **Sản phẩm Tiền gửi Tốt nhất Việt Nam 2021 (The Asian Banker), Dịch vụ Ngân hàng trên điện thoại di động tốt nhất Việt Nam 2021 (The Asian Banker) và Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2021 (International Finance Magazine):** Liên tiếp trong nhiều năm qua, VietinBank đã vinh dự được các tổ chức đánh giá, xếp hạng trao các giải thưởng, danh hiệu xuất sắc trong các mảng kinh doanh Bán lẻ. Năm 2021, VietinBank tiếp tục được Tạp chí International Finance Magazine trao giải thưởng “**Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam**” và nhiều giải thưởng uy tín khác như giải thưởng Sản phẩm Tiền gửi Tốt nhất Việt Nam 2021 và giải thưởng Dịch vụ Ngân hàng trên điện thoại di động tốt nhất Việt Nam 2021 đều do tạp chí nổi tiếng The Asian Banker trao tặng.
- **Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam 2021 (The Asian Banker và Global Banking and Finance Review) và Giải pháp tài chính đổi mới sáng tạo nhất dành cho doanh nghiệp 2021 (Global Banking and Finance Review):** Năm 2021, VietinBank đã xuất sắc giành Giải thưởng “**Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam 2021**” do The Asian Banker và Global Banking & Finance Review trao tặng, qua đó khẳng định định hướng phát triển đúng đắn, khả năng cung ứng cũng như chất lượng và lợi ích vượt trội của các SPDV dành cho khách hàng SME. Đồng thời, trong năm 2021, Global Banking and Finance Review cũng đã vinh danh VietinBank là ngân hàng có “**Giải pháp tài chính đổi mới sáng tạo nhất dành cho doanh nghiệp 2021**”.
- **Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2021 (Global Finance):** VietinBank được Tạp chí Global Finance vinh danh giải thưởng “**Đơn vị cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam**” năm thứ tư liên tiếp, khẳng định thành công của VietinBank trong đổi mới, cải tiến không ngừng hoạt động ngoại hối, nâng cao vị thế của VietinBank trên thị trường.
- **TOP 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới theo Bảng xếp hạng của Forbes.**
- **“Thương hiệu Quốc gia” năm 2022 do Bộ Công Thương xét chọn:** Đây là lần thứ 7 liên tiếp VietinBank được lựa chọn và vinh danh.
- **TOP 10 Doanh nghiệp bền vững năm 2022 trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ do Hội đồng Doanh nghiệp Phát triển Bền vững Việt Nam và VCCI xét chọn:** Đây là giải thưởng uy tín hàng đầu hiện nay tại Việt Nam trong lĩnh vực phát triển bền vững. VietinBank vinh dự 2 lần hiện diện trong TOP 10 của Chương trình này.
- **VietinBank thắng lớn tại các hạng mục giải thưởng của The Asian Banker năm 2022.** VietinBank được vinh danh và trao tặng tới 4 giải thưởng gồm: Giải thưởng Ngân hàng số sáng tạo nhất Châu Á - Thái Bình Dương; Giải thưởng Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam; Giải thưởng Ngân hàng Tài trợ Thương mại tốt nhất Việt Nam và Giải thưởng Ngân hàng mở tốt nhất Việt Nam. 4 giải thưởng danh giá do The Asian Banker trao tặng đã ghi nhận và khẳng định uy tín, chất lượng của các sản phẩm, dịch vụ xuất sắc do VietinBank cung cấp trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.
- **Giải thưởng Sao Khuê 2022:** Cụ thể: Ứng dụng “all in one” - VietinBank iPay Mobile dành cho khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng số (VietinBank eFAST) và Dịch vụ Kết nối ERP (VietinBank ERP-Connect) dành cho khách hàng doanh nghiệp đã chiến thắng vang dội tại Giải thưởng Sao Khuê. Đặc biệt, VietinBank eFAST vinh dự góp mặt vào TOP 10 Sao Khuê năm 2022.
- **Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp Dịch vụ Ngoại hối Tốt nhất Việt Nam 2022” do tạp chí uy tín thế giới Global Finance công bố thường niên:** Giải thưởng được thực hiện khảo sát, đánh giá tại 113 quốc gia và vùng lãnh thổ dựa trên các tiêu chí về khối lượng giao dịch, thị phần, phạm vi phủ sóng toàn cầu, dịch vụ khách hàng, giá cả cạnh tranh, công nghệ tiên tiến và tham khảo ý kiến chuyên gia từ các nhà phân tích trong ngành, các giám đốc điều hành, chuyên gia công nghệ... Đặc biệt năm qua, Global Finance đánh giá cao tầm quan trọng của các đối tác đã có những giải pháp về ngoại hối trong hoàn cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt đoạn. Sự công nhận và trao giải của tạp chí uy tín Global Finance là minh chứng cho thành công của VietinBank trong mảng Dịch vụ Ngoại hối.

- **Giải thưởng Ngân hàng cung cấp dịch vụ Tài trợ Thương mại (TTTM) tốt nhất Việt Nam 2022 (Best Services for Trade Finance in Vietnam 2022) do tạp chí Asiamoney trao tặng:** Giải thưởng được xây dựng và trao tặng sau khi khảo sát 10.714 ngân hàng, định chế tài chính, tổ chức, doanh nghiệp và độc giả trên toàn cầu. Giải thưởng là sự ghi nhận khách quan, có ý nghĩa và giá trị trong giới tài chính quốc tế đối với những thành tích nổi trội, uy tín và chất lượng sản phẩm, dịch vụ đa dạng, hướng tới khách hàng của VietinBank.
- **TOP 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2022 và TOP 50 Doanh nghiệp Việt có Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn năm 2022 theo xếp hạng của Alphabe:** Đây là sự ghi nhận thành quả của việc đầu tư trọng điểm vào yếu tố con người, nhằm duy trì môi trường phát triển nghề nghiệp tốt nhất tại VietinBank.
- **TOP 10 Báo cáo Thường niên (BCTN) tốt nhất tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết lần thứ 15, năm 2022 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) tổ chức:** Đây là năm thứ 3 liên tiếp, VietinBank được bình chọn TOP 10 Doanh nghiệp niêm yết có BCTN tốt nhất nhóm vốn hóa lớn. VietinBank cũng là ngân hàng TMCP có vốn Nhà nước duy nhất được vinh danh nhờ sự đầu tư kỹ lưỡng và liên tục cải tiến cả về hình thức và nội dung cho BCTN 2021.
- **Giải thưởng Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam năm 2023:** Tại Lễ trao giải Sản phẩm, dịch vụ tài chính xuất sắc toàn cầu năm 2023 do The Asian Banker tổ chức, VietinBank đã được vinh danh Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam. Đây là năm thứ 3 liên tiếp VietinBank dành được giải thưởng danh giá này (2021 – 2023). VietinBank cũng đã lọt TOP 10 Ngân hàng SME tốt nhất Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, tăng 2 bậc so với năm 2022, theo bình chọn của Hội đồng Giám khảo The Asian Banker.
- **Giải thưởng Ngân hàng xử lý giao dịch Thanh toán Quốc tế (TTQT) xuất sắc 2021 – 2022:** Ngày 29/03/2023 tại Hà Nội, Wells Fargo (Ngân hàng lớn thứ 4 tại Mỹ) đã trao tặng VietinBank giải thưởng “Ngân hàng xử lý giao dịch Thanh toán Quốc tế (TTQT) xuất sắc 2021 – 2022” (Wells Fargo Operational Excellence Award 2021 – 2022). Giải thưởng này do Ủy ban độc lập của Wells Fargo tại Mỹ trao tặng cho ngân hàng điển hình về chất lượng dịch vụ trong hoạt động thanh toán toàn cầu, thể hiện chất lượng xử lý giao dịch vượt trội, đem lại hiệu quả cao, tiết giảm chi phí ngày càng tốt hơn và tôn trọng cam kết đối với khách hàng. Chất lượng giao dịch TTQT giữa VietinBank và Wells Fargo được khẳng định qua các con số ấn tượng trong năm 2021 - 2022: Tỷ lệ điện đạt chuẩn trên 97% và tỷ lệ tra soát dưới 1%.
- **Giải thưởng Ngân hàng có chất lượng Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT và TTTM) xuất sắc năm 2022 - 2022 Elite Quality Recognition Award:** Trong khuôn khổ Diễn đàn Thanh toán ASEAN (Diễn đàn) lần thứ 13 do J.P.Morgan tổ chức tại Jakarta, Indonesia trong các ngày 21, 22/02/2023, VietinBank đã được trao tặng giải thưởng này. Giải thưởng 2022 Elite Quality Recognition Award được bộ phận độc lập tại Mỹ của J.P.Morgan đánh giá hằng năm dựa trên tỷ lệ điện TTQT (MT103) và TTTM (MT202) đạt chuẩn (Straight Through Processing - STP). Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng TTQT và TTTM của các ngân hàng.
- **Giải thưởng Sao Khuê 2023:** VietinBank đã xuất sắc giành ba giải thưởng trong mùa giải Sao Khuê 2023 bao gồm: i) Ứng dụng Ngân hàng số VietinBank iPay tại lĩnh vực: Ngân hàng số; ii) Hệ thống Quản lý tập trung hồ sơ khách hàng - Customer Profile Management tại lĩnh vực: Ngân hàng số; iii) Dịch vụ ngân hàng số dành cho khách hàng doanh nghiệp - VietinBank eFAST tại lĩnh vực: Các nền tảng chuyển đổi số.
- **Giải thưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng Sáng tạo của năm – Excellence in Innovation Contact Center Vietnam 2023:** Giải thưởng do Global Banking and Finance Review trao tặng. Trước đó VietinBank cũng xuất sắc giành giải thưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng tốt nhất Việt Nam trong 05 năm liên tiếp do Global Banking and Finance Review trao tặng.

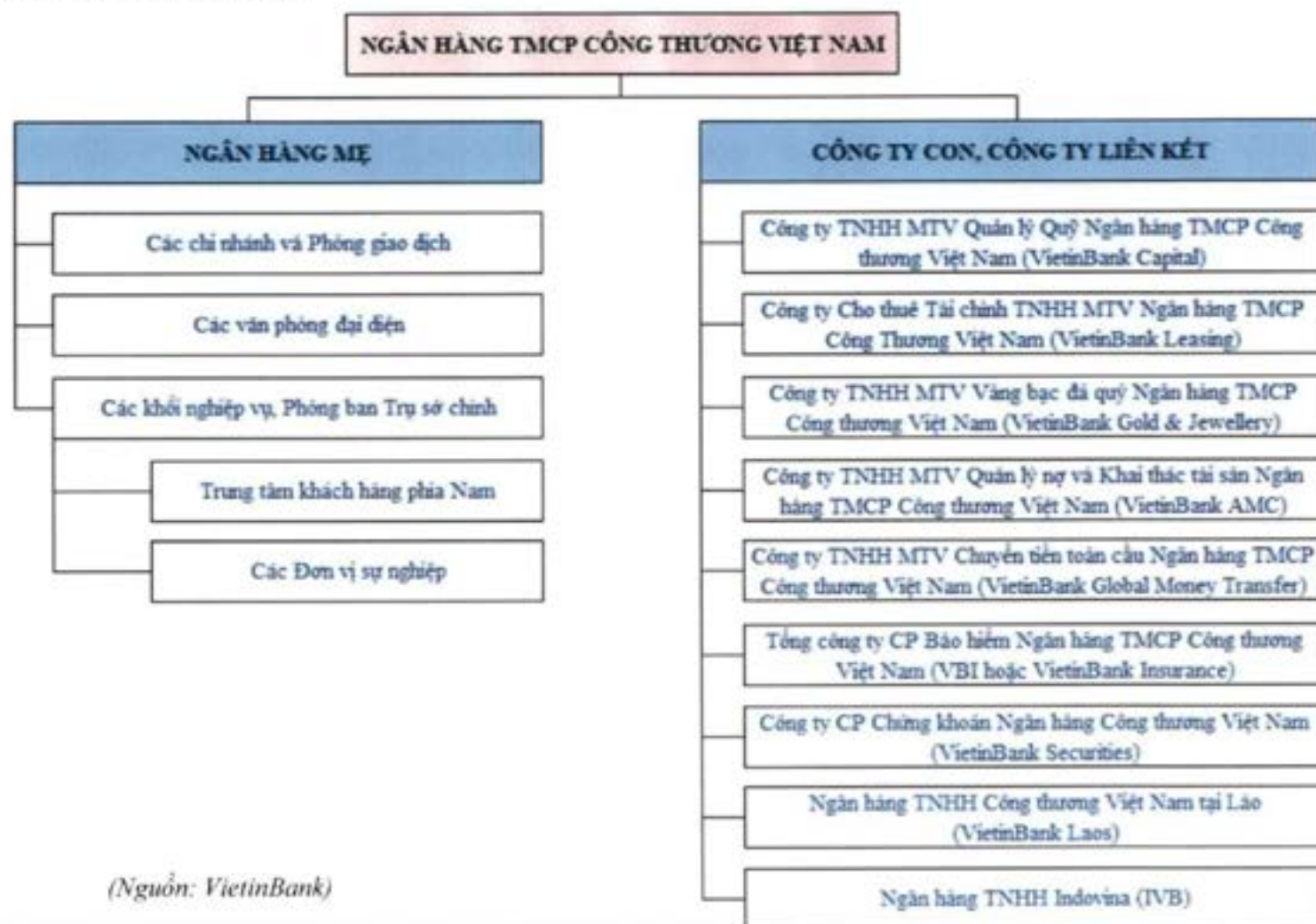
- **Ngân hàng Cung cấp Sản phẩm Phái sinh Tiêu biểu Việt Nam 2023:** Giải thưởng do Global Banking and Finance Review trao tặng: Đây là lần thứ 3 liên tiếp VietinBank được xướng danh ở hạng mục “**Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tiêu biểu Việt Nam**”. Là một trong những NHTM tiên phong trong việc cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, VietinBank đã khẳng định vị thế là nhà tạo lập thị trường với quy mô khách hàng tăng trưởng mạnh qua các năm. Giải thưởng này ghi nhận xứng đáng những nỗ lực đồng hành với doanh nghiệp của VietinBank nhằm tiệm cận với những thông lệ về quản lý rủi ro, quản trị tài chính hiện đại trên thị trường quốc tế.
- **Ngân hàng Bán lẻ Tốt nhất Việt Nam 2023:** Giải thưởng do Global Banking and Finance Review trao tặng. Liên tiếp trong nhiều năm qua, VietinBank đã vinh dự được các tổ chức đánh giá, xếp hạng trao các giải thưởng, danh hiệu xuất sắc trong các mảng kinh doanh Bán lẻ. Năm 2023, VietinBank tiếp tục được Tạp chí Global Banking and Finance Review trao giải thưởng “**Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam**” với sự ghi nhận dành cho quy mô, chất lượng và các lợi ích vượt trội của các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng bán lẻ mà VietinBank đã phát triển, cung cấp cho khách hàng.
- **Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2023:** 5 năm liên tiếp VietinBank tự hào nhận Giải thưởng “**Ngân hàng cung cấp Dịch vụ Ngoại hối Tốt nhất Việt Nam 2023**” do tạp chí uy tín thế giới Global Finance công bố thường niên. VietinBank đã xuất sắc vượt qua các ngân hàng trong nước để có mặt trong danh sách 88 ngân hàng tốt nhất quốc gia trên lĩnh vực này. Hiện nay VietinBank đang dẫn đầu trên thị trường liên ngân hàng về doanh số và thị phần; đồng thời là một trong hai ngân hàng chiếm thị phần lớn nhất trên thị trường 1 với mức thị phần trung bình ổn định từ 10% - 15%. Giải thưởng này là minh chứng cho cam kết của VietinBank không ngừng mang lại những dịch vụ tốt nhất, tiện ích tối đa đáp ứng nhanh chóng nhu cầu ngoại hối ngày càng cao và đa dạng từ khách hàng.
- **TOP 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2023 do Anphabe trao tặng:** VietinBank tiếp tục được vinh danh là đơn vị thuộc “**TOP 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam**” năm 2023. Việc VietinBank đạt được chỉ số cao trong kết quả điều tra, khảo sát chuyên nghiệp nhất tại Việt Nam chính là thành quả và sự ghi nhận nỗ lực đầu tư trọng điểm vào yếu tố con người và môi trường làm việc nhằm duy trì và phát triển nghề nghiệp tốt nhất cho người lao động. Đến nay, VietinBank là ngân hàng có đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành cũng như cán bộ nghiệp vụ được đào tạo bài bản, có năng lực, trình độ, trẻ trung, tâm huyết, năng động, sáng tạo.
- **TOP 3 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động quan hệ nhà đầu tư yêu thích nhất 2023 (IR Awards 2023)** do Hiệp hội các Nhà quản trị Tài chính Việt Nam, Tạp chí điện tử Tài chính và Cuộc sống và Vietstock.vn đồng tổ chức: Năm 2023, VietinBank đã được vinh danh ở hạng mục “**TOP 3 Doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất**”. Trước đó, Ngân hàng cũng được bình chọn “**Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2023**”. Là doanh nghiệp niêm yết với số lượng cổ đông lớn, VietinBank luôn coi trọng việc xây dựng và phát triển mối quan hệ chặt chẽ, tốt đẹp với nhà đầu tư. Giải thưởng là sự ghi nhận cho những cố gắng và nỗ lực không ngừng trong công tác quan hệ nhà đầu tư của VietinBank, góp phần gia tăng giá trị của thương hiệu VietinBank nói chung và cổ phiếu CTG nói riêng.
- **Giải thưởng Sao Khuê năm 2024:** Năm 2024 chứng kiến những thành công liên tiếp của VietinBank trong lĩnh vực ngân hàng số và chuyển đổi số với sự ghi nhận của các chuyên gia tại giải thưởng hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin và Chuyển đổi số. Trong năm nay, hai sản phẩm, dịch vụ của VietinBank đã được vinh danh tại **Giải thưởng Sao Khuê 2024** gồm: i) Sản phẩm Giải ngân & Bảo lãnh online dành cho doanh nghiệp (DN) trên nền tảng VietinBank eFAST, và ii) Ứng dụng Ngân hàng số VietinBank iPay Mobile.

- **VietinBank nằm trong TOP 500 thương hiệu ngân hàng có giá trị nhất thế giới:** Năm 2024, VietinBank lần thứ 6 liên tiếp lọt vào TOP 300 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới theo bảng xếp hạng của Brand Finance - hãng đánh giá và xếp hạng thương hiệu hàng đầu thế giới - với vị trí 157, tăng 14 bậc so với xếp hạng năm 2023, là mức tăng hạng cao nhất trong số 04 ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam (Big 4).
- **Giải thưởng Thương vụ tài trợ dự án cơ sở hạ tầng xuất sắc của năm 2024 (Project Infrastructure Finance Deal of the Year):** Giải thưởng do Tạp chí Asian Banking & Finance (ABF) của Singapore trao tặng. Trong những năm qua, VietinBank đã vươn lên trở thành ngân hàng tiên phong tài trợ cho các dự án cơ sở hạ tầng lớn tập trung vào cải thiện cơ sở hạ tầng tại Việt Nam. Hoạt động này đã góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế, gắn liền với sự phát triển bền vững của Quốc gia.
- **Giải thưởng TOP 10 Doanh nghiệp Văn hóa tiêu biểu thời kỳ hội nhập năm 2024:** VietinBank đã xuất sắc đạt Top 10 doanh nghiệp văn hóa tiêu biểu thời kỳ hội nhập năm 2024 và Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp năm 2024, giải thưởng do Liên hiệp các hội Unesco Việt Nam tổ chức, bình chọn.
- **Năm 2024, VietinBank vinh dự được đứng thứ 6 trong top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam** (theo bảng xếp hạng của Brand Finance), tăng 4 bậc so với năm 2023. Theo đó giá trị thương hiệu đạt 1,508 tỷ USD. Sức mạnh thương hiệu tăng từ AAA- lên AAA.
- **VietinBank 4 năm liên tiếp (2021-2024) được tạp chí uy tín Asian Banker trao tặng danh hiệu “Ngân hàng SME tốt nhất”.** Giải thưởng này là minh chứng cho nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp SME của VietinBank.
- **VietinBank 5 năm liên tiếp (2020 – 2024) tự hào nhận Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp Dịch vụ Ngoại hối tốt nhất Việt Nam”** do tạp chí uy tín thế giới Global Finance công bố thường niên. Giải thưởng này là minh chứng cho cam kết của VietinBank không ngừng mang lại những dịch vụ tốt nhất, tiện ích tối đa đáp ứng nhanh chóng nhu cầu ngoại hối ngày càng cao và đa dạng từ khách hàng.
- **VietinBank xuất sắc nhận giải thưởng “Trung tâm Dịch vụ khách hàng sáng tạo, đổi mới 2024” (Excellence in Innovation - Contact Center Vietnam 2024)** do Tạp chí tài chính Global Banking & Finance Review trao tặng nhằm vinh danh cho những đổi mới sáng tạo đột phá trong hoạt động chăm sóc khách hàng. Đây là lần thứ 2 liên tiếp VietinBank nhận giải thưởng này.
- **Năm 2024, VietinBank tiếp tục được xướng tên tại hạng mục “Doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn có hoạt động IR được Nhà đầu tư yêu thích nhất”** tại IR Awards 2024. Đây là năm thứ 2 liên tiếp VietinBank được xướng tên tại hạng mục này. Giải thưởng là sự ghi nhận nỗ lực không ngừng trong công tác quan hệ nhà đầu tư, góp phần gia tăng giá trị thương hiệu VietinBank nói chung và cổ phiếu CTG nói riêng.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của VietinBank



(Nguồn: VietinBank)

3.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của VietinBank

Tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, cơ cấu tổ chức của VietinBank bao gồm:

a. Ngân hàng mẹ gồm có:

- 01 Trụ sở chính đặt tại số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Ngoài các cơ quan quản trị, giám sát và điều hành Ngân hàng (gồm HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành), trụ sở chính của VietinBank bao gồm 13 Khối nghiệp vụ tương đương và các phòng ban, đơn vị chức năng;
- 155 Chi nhánh trong nước và 02 Chi nhánh nước ngoài tại Cộng hòa Liên bang Đức; 955 phòng giao dịch trải khắp trên 63 tỉnh thành của cả nước;

b. Công ty con/Ngân hàng con

VietinBank có 07 công ty con và 01 ngân hàng con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:

TT	Tên công ty con/ngân hàng con	Vốn điều lệ (tại 30/09/2024)	Tỷ lệ sở hữu của VietinBank
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Capital)	300 tỷ đồng	100%
2	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank Leasing)	1.000 tỷ đồng	100%
3	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Gold & Jewellery)	200 tỷ đồng	100%
4	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank AMC)	120 tỷ đồng	100%
5	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền toàn cầu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Global Money Transfer)	50 tỷ đồng	100%
6	Tổng công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI hoặc VietinBank Insurance)	666,67 tỷ đồng	73,37%
7	Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank Securities)	1.487,38 tỷ đồng	75,64%
8	Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Laos)	62 triệu USD	100%

Nguồn: VietinBank

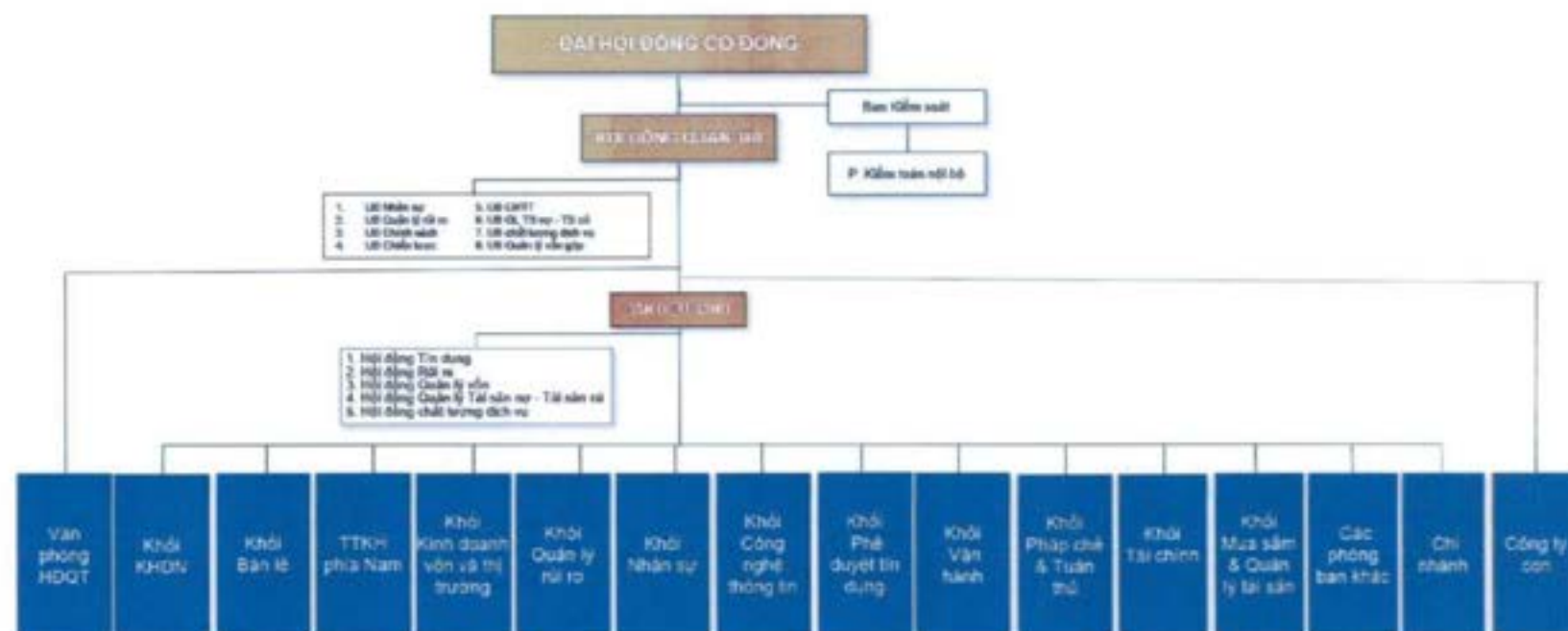
c. Khối Liên doanh

VietinBank có 01 công ty liên doanh là Ngân hàng TNHH Indovina (IVB), có vốn điều lệ là 193 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại IVB là 50% vốn điều lệ.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

4.1. Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VietinBank



(Nguồn: VietinBank)

4.2. Diễn giải cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VietinBank

a. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VietinBank, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có tên trong danh sách đăng ký cổ đông. ĐHĐCĐ có thể được tổ chức thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. ĐHĐCĐ quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng, quyết định định hướng hoạt động và phát triển của Ngân hàng, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; thông qua điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; quyết định các công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank.

b. Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh VietinBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược của VietinBank và xác định các ưu tiên trong HĐKD của VietinBank, định hướng và kiểm soát công tác quản lý, đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

Cơ cấu HĐQT tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch như sau:

1. Ông	Trần Minh Bình	- Chủ tịch HĐQT
2. Ông	Nguyễn Trần Mạnh Trung	- Thành viên HĐQT
3. Ông	Trần Văn Tân	- Thành viên HĐQT
4. Ông	Lê Thanh Tùng	- Thành viên HĐQT
5. Ông	Nguyễn Thế Huân	- Thành viên HĐQT
6. Bà	Phạm Thị Thanh Hoài	- Thành viên HĐQT
7. Ông	Nguyễn Đức Thành	- Thành viên HĐQT
8. Ông	Nguyễn Việt Dũng	- Thành viên HĐQT
9. Ông	Koji Iriguchi	- Thành viên HĐQT
10. Ông	Takeo Shimotsu	- Thành viên HĐQT
11. Ông	Cát Quang Dương	- Thành viên độc lập HĐQT

Các Ủy ban trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT, bao gồm: Ủy ban Nhân sự; Ủy ban Quản lý rủi ro; Ủy ban Chính sách. Việc thành lập các Ủy ban này đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN và các quy định của pháp luật.

- Ủy ban Nhân sự (UBNS): tham mưu, giúp việc HĐQT đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT trong việc xây dựng chính sách nhân sự, tuyển chọn và bổ trí nhân sự đối với các chức danh thuộc thẩm quyền HĐQT; giúp HĐQT thực hiện giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách nhân sự và các hoạt động quản lý nhân sự của VietinBank. Về thành phần, UBNS có tối thiểu 3 thành viên, Chủ tịch HĐQT VietinBank đồng thời là Chủ nhiệm UBNS, các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm đảm bảo có ít nhất $\frac{1}{2}$ số thành viên có quyền biểu quyết không phải là người điều hành theo quy định của pháp luật.
- Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR): tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trong công tác xây dựng chính sách QLRR và các hoạt động QLRR của NHCT. Về thành phần, UBQLRR có tối thiểu 03 thành viên, bao gồm 01 thành viên HĐQT là Chủ nhiệm Ủy ban và các thành viên trong Ủy ban do HĐQT bổ nhiệm đảm bảo có ít nhất $\frac{1}{2}$ số thành viên có quyền biểu quyết không phải là người điều hành của NHCT và có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập HĐQT.

- Ủy ban Chính sách (UBCS): tham mưu, giúp việc HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến hệ thống văn bản chính sách của VietinBank; đề xuất HĐQT kịp thời điều chỉnh hệ thống văn bản chính sách, đưa ra định hướng cụ thể đối với việc ban hành mới/hủy bỏ/sửa đổi, bổ sung/thay thế văn bản chính sách trên cơ sở đánh giá về tính cần thiết, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản chính sách. Về thành phần, 1 thành viên HĐQT là Chủ nhiệm UBCS, các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm.
- Ủy ban Chiến lược: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT theo dõi, đánh giá các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trong việc xây dựng, thực thi chiến lược của NHCT. Ủy ban Chiến lược có tối thiểu 03 thành viên, gồm: Chủ nhiệm Ủy ban là Thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm.
- Ủy ban Công nghệ thông tin: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác xây dựng, phê duyệt, theo dõi và đánh giá: (i) Chiến lược CNTT ngắn hạn và trung dài hạn; (ii) Chương trình, kế hoạch đầu tư, mua sắm hàng năm cho CNTT (bao gồm chủ trương, danh mục và kế hoạch vốn). Ủy ban CNTT có tối thiểu 03 thành viên, gồm: Chủ nhiệm Ủy ban là Thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm.
- Ủy ban Quản lý tài sản nợ - tài sản có: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trong công tác quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có, bao gồm: i) Tối ưu hiệu quả danh mục Tài sản Nợ - Tài sản Có, ii) Quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường, iii) Định hướng điều hành chính sách lãi suất của NHCT đối với khách hàng và chính sách định giá điều chuyển vốn nội bộ. Ủy ban Quản lý tài sản nợ - tài sản có có tối thiểu 03 thành viên, gồm: Chủ nhiệm Ủy ban là Thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm.
- Ủy ban Chất lượng dịch vụ: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác quản lý chất lượng dịch vụ toàn hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT. Ủy ban Chất lượng dịch vụ có tối thiểu 03 thành viên, gồm: Chủ nhiệm Ủy ban là Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm.
- Ủy ban Quản lý vốn góp: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn góp tại các đơn vị nhận vốn góp của NHCT và đưa ra các định hướng tổng thể nhằm tái cơ cấu, thúc đẩy, gia tăng giá trị phần vốn góp của NHCT tại các các đơn vị nhận vốn góp. Ủy ban có 03 thành phần, gồm: Chủ nhiệm Ủy ban là Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên HĐQT/Ban điều hành NHCT, thành viên Ủy ban khác do HĐQT bổ nhiệm.

c. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định Pháp luật và Điều lệ VietinBank trong việc quản trị và điều hành VietinBank; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ VietinBank. Ban Kiểm soát có vai trò giám sát hoạt động quản trị, điều hành VietinBank trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Cơ cấu Ban kiểm soát tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch như sau:

- | | | |
|-------|---------------------------|------------------------|
| 1. Bà | Lê Anh Hà | - Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2. Bà | Nguyễn Thị Anh Thư | - Thành viên |
| 3. Bà | Phạm Thị Thơm | - Thành viên |

d. Ban Điều hành

Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc (TGD) và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và có sự thông qua của NHNN. TGD là người điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Cơ cấu Ban Điều hành hiện tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch như sau:

1. Ông	Nguyễn Trần Mạnh Trung	- Tổng Giám đốc
2. Ông	Đỗ Thanh Sơn	- Phó Tổng Giám đốc
3. Ông	Trần Công Quỳnh Lâm	- Phó Tổng Giám đốc
4. Ông	Nguyễn Đình Vinh	- Phó Tổng Giám đốc
5. Bà	Lê Như Hoa	- Phó Tổng Giám đốc
6. Ông	Koji Iriguchi	- Phó Tổng Giám đốc
7. Ông	Lê Duy Hải	- Phó Tổng Giám đốc
8. Ông	Nguyễn Hải Hưng	- Kế toán trưởng

e. Các Hội đồng

- **Hội đồng Tín dụng (HĐTD):** Là bộ phận trực thuộc TGD, do TGD thành lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của TGD liên quan đến công tác phê duyệt cấp tín dụng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ một cách an toàn hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của NHNN; quy định nội bộ của VietinBank.
- **Hội đồng Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có:** Tham mưu, giúp việc cho TGD nhằm đảm bảo cơ cấu Tài sản nợ - Tài sản có của VietinBank phù hợp với định hướng phát triển, khẩu vị rủi ro và các quy định khác của HĐQT; Tối đa hóa lợi nhuận theo định hướng phát triển của VietinBank; Kiểm soát rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng, rủi ro thị trường của VietinBank ở mức hợp lý; Đảm bảo chính sách lãi suất, chính sách giá, chính sách điều chuyển vốn nội bộ của VietinBank hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường và kế hoạch kinh doanh của VietinBank.
- **Hội đồng rủi ro:** Tham mưu, giúp việc cho TGD nhằm đánh giá các chính sách QLRR để trình HĐQT; Xây dựng và thực thi các văn bản chính sách QLRR thuộc thẩm quyền TGD; Tham mưu cho TGD trình HĐQT xem xét, phê duyệt Hạn mức kiểm soát rủi ro thông qua Ủy ban QLRR; Tham mưu cho TGD phê duyệt Hạn mức rủi ro toàn hàng và Hạn mức rủi ro cấp khối và giám sát việc thực hiện; Giám sát trạng thái rủi ro của VietinBank; Đánh giá, nhận diện rủi ro trọng yếu đối với các SPDV có ảnh hưởng lớn đến trạng thái rủi ro, có nguy cơ dẫn đến vi phạm Hạn mức rủi ro toàn hàng; Đánh giá tác động của kịch bản căng thẳng lên Tổng tài sản tính theo các rủi ro trọng yếu và kết quả kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản, kế hoạch dự phòng thanh khoản; Tổ chức thực hiện, tham mưu cho TGD về giám sát việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về QLRR theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập các cơ quan chức năng khác, Ban kiểm soát và phòng Kiểm toán nội bộ.
- **Hội đồng Quản lý vốn:** Tham mưu, giúp việc cho TGD trong công tác quản lý vốn, nhằm đảm bảo: VietinBank tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHNN, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập và cam kết với các đối tác liên quan; VietinBank duy trì tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi; Mức vốn phù hợp với khẩu vị rủi ro và các quy định khác của HĐQT trên cơ sở diễn biến của các rủi ro trọng yếu.
- **Hội đồng chất lượng dịch vụ:** Tham mưu cho TGD chỉ đạo hoạt động Quản lý chất lượng dịch vụ toàn hệ thống, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn và cam kết chất lượng dịch vụ của NHCT, gia tăng sự hài lòng của khách hàng nội bộ và khách hàng bên ngoài.

f. Các Khối nghiệp vụ

- **Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN):** Trực tiếp bán hàng với các khách hàng là Tập đoàn, Tổng công ty, KHDN quan trọng, phát triển hoàn thiện các sản phẩm phục vụ phân khúc KHDN đồng thời triển khai các chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng, thúc đẩy bán hàng, phối hợp với các khối kinh doanh khác thúc đẩy bán chéo SPDV.
- **Khối Bán lẻ:** Đầu mối xây dựng thị trường mục tiêu, khách hàng tiềm năng liên quan đến mảng bán lẻ trong chiến lược kinh doanh tổng thể; Hỗ trợ chi nhánh trong công tác bán hàng, chịu trách nhiệm quản lý hoạt động bán hàng liên quan đến khách hàng bán lẻ.

- **Khối Kinh doanh vốn và thị trường:** Là đơn vị tạo ra lợi nhuận, thực hiện quản lý, điều hành và tổ chức kinh doanh Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng; Thực hiện các nghiệp vụ bán hàng, giao dịch kinh doanh, tư vấn, môi giới, huy động vốn và đầu tư trên thị trường tiền tệ hoặc thị trường vốn trong và ngoài nước nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng; đầu mối quản lý các đơn vị nhận vốn góp của VietinBank.
- **Khối Phê duyệt tín dụng:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban điều hành trong việc kiểm soát thẩm định tín dụng đối với hồ sơ tín dụng của khách hàng trong hệ thống VietinBank, thực hiện phê duyệt tín dụng theo phân cấp thẩm quyền.
- **Khối Quản lý rủi ro (QLRR):** Đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ hai, có nhiệm vụ xây dựng chính sách QLRR, các quy định nội bộ về QTRR; Theo dõi, giám sát và báo cáo độc lập đối với quá trình nhận diện, đo lường, quản lý, kiểm soát, ngăn ngừa toàn diện các loại rủi ro phát sinh trong HDKD của hệ thống VietinBank đảm bảo phù hợp với khẩu vị rủi ro của VietinBank, tuân thủ quy định của pháp luật, VietinBank và phù hợp thông lệ quốc tế; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định nội bộ VietinBank.
- **Khối Pháp chế và Tuân thủ:** Tư vấn các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và HDKD của ngân hàng; Xây dựng các chính sách quản lý tuân thủ, giám sát và quản lý việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế của VietinBank bao gồm công tác Phòng chống rửa tiền, FATCA; Hỗ trợ hoặc xử lý các khoản nợ có vấn đề.
- **Khối Nhân sự:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban điều hành trong công tác hoàn thiện bộ máy mô hình tổ chức mạng lưới, xây dựng các quy chế quản trị nội bộ, chính sách quản trị nhân sự, tiền lương đãi ngộ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống VietinBank; cung cấp các dịch vụ nhân sự, đào tạo cho cán bộ, người lao động.
- **Khối CNTT:** Có nhiệm vụ xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển CNTT phục vụ cho chiến lược phát triển kinh doanh SPDV và công tác quản trị, điều hành của VietinBank; đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động thông suốt, ổn định và an toàn.
- **Khối Vận hành:** Có nhiệm vụ tổ chức, triển khai, quản lý và/hoặc xử lý tập trung các giao dịch thuộc các nghiệp vụ của ngân hàng; vận hành về nghiệp vụ các hệ thống công nghệ xử lý giao dịch nhằm đảm bảo thực thi chính xác, hiệu quả các quy trình nghiệp vụ, giao dịch của VietinBank; hỗ trợ khách hàng và thúc đẩy bán hàng thông qua các kênh điện tử và tổng đài Contact Center; xây dựng tiêu chuẩn quản lý chất lượng dịch vụ và giám sát công tác quản lý chất lượng của VietinBank.
- **Khối Tài chính:** Thực hiện tập trung hóa công tác quản trị tài chính, đồng thời tổ chức chuyên môn hóa giữa các nhóm chức năng: (i) Quản lý hiệu quả hoạt động toàn hàng, (ii) Đối tác chiến lược tài chính, (iii) Quản lý cân đối vốn, (iv) Thuế, (v) Chính sách kế toán, (vi) Hạch toán kế toán, (vii) Báo cáo quản trị toàn hàng.
- **Khối Mua sắm và Quản lý tài sản:** Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Điều hành trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc, vật kiến trúc, mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ và quản lý, khai thác tài sản, đảm bảo: (i) công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ đáp ứng kịp thời về tiến độ, chất lượng theo nhu cầu của các đơn vị, tối ưu hóa về chi phí, (ii) công tác quản lý tài sản được theo dõi chính xác và khai thác, sử dụng tối ưu đối với tài sản hiện hữu của VietinBank, (iii) tuân thủ các quy định, quy trình của pháp luật và VietinBank trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ và quản lý tài sản.
- **Trung tâm khách hàng phía Nam:** Tham mưu, giúp việc cho Ban lãnh đạo trong công tác phát triển khách hàng, quản lý và triển khai HDKD đối với các Chi nhánh được phân công phụ trách thuộc khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ.
- **Văn phòng HĐQT:** Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong: (i) Xây dựng Chiến lược toàn hàng của VietinBank trong từng thời kỳ và cụ thể hóa chiến lược toàn hàng thành kế hoạch

trung hạn trong từng giai đoạn và hỗ trợ HĐQT giám sát triển khai Chiến lược; (ii) Quản trị thương hiệu VietinBank, định vị thương hiệu và phát triển nâng giá trị thương hiệu của VietinBank; quản trị công tác an sinh xã hội, trách nhiệm cộng đồng của VietinBank; hợp tác phát triển thương hiệu VietinBank; quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng thương hiệu; (iii) Thư ký HĐQT và quản lý quan hệ cổ đông.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành:

VietinBank hiện có duy nhất 01 cơ quan nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với VietinBank là **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)**, cụ thể như sau:

- NHNN đóng vai trò là Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại VietinBank.
- Trụ sở chính của NHNN đặt tại số 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- NHNN tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập vào ngày 06/05/1951 theo Sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
 - NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
 - Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của NHNN tại VietinBank (tại 30/09/2024): là 64,46% vốn điều lệ.

5.2. Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và cho đến ngày ký Bản Cáo Bạch này, VietinBank có 07 công ty con, 01 ngân hàng con sở hữu trực tiếp và 01 ngân hàng góp vốn liên doanh, cụ thể:

5.2.1 Danh sách công ty con của Tổ Chức Phát Hành

1	<p>Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (“VietinBank Capital”):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: Tầng 6, Trung tâm thương mại Chợ Cửa Nam, 34 phố Cửa Nam, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. - Ngày thành lập: 26/10/2010. - Giấy phép hoạt động: Số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 26/10/2010 và các lần điều chỉnh tại Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 16/03/2012, Giấy phép điều chỉnh số 76/GPĐC-UBCK ngày 27/11/2020, Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK ngày 21/06/2024. - Vốn điều lệ của Công ty: 300 tỷ đồng. - Vốn góp của VietinBank tại Công ty: 300 tỷ đồng.
----------	--

	- HDKD chính:	Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%.
2	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Insurance” hoặc “VBI”):	
	- Trụ sở chính:	Tầng 10-11, Tòa nhà 126 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	17/12/2008.
	- Giấy phép hoạt động:	Số 21GP/KDBH ngày 12/12/2002 và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPDC33/KDBH ngày 03/03/2022 của Bộ Tài chính.
	- Vốn điều lệ của Công ty:	666.666.670.000 đồng.
	- Vốn góp của VietinBank tại Công ty:	489.150.000.000 đồng.
	- HDKD chính:	Bảo hiểm phi nhân thọ
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	73,37%.
3	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Leasing”):	
	- Trụ sở chính:	16 Phan Đình Phùng, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	26/01/1998 (theo Quyết định số 53/1998/QĐ-NHNN5 của NHNN)
	- GCNĐKKD:	Số 0101047075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/8/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/06/2022
	- Vốn điều lệ của Công ty:	1.000 tỷ đồng
	- Vốn góp của VietinBank tại Công ty:	1.000 tỷ đồng.
	- HDKD chính:	Hoạt động Cho thuê tài chính
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%.
4	Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (“VietinBank Securities”):	
	- Trụ sở chính:	Tầng 1 - 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	01/09/2000 (theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCT1 của HĐQT VietinBank)
	- Giấy phép hoạt động:	Số 107/UBCK-GP ngày 01/7/2009 của UBCKNN, Giấy phép điều chỉnh số 20/GPDC-UBCK ngày 15/02/2022, Giấy phép điều chỉnh số 97/GPDC-UBCK ngày 10/10/2022 của UBCKNN và Giấy phép điều chỉnh số 62/GPDC-UBCK ngày 01/08/2023 của UBCKNN.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	1.487.383.110.000 đồng
	- Vốn góp của VietinBank tại Công ty:	597.231.940.000 đồng
	- Giá trị cổ phần nắm giữ của VietinBank tại Công ty (theo mệnh giá):	1.124.988.330.000 đồng

	- HDKD chính:	Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính, lưu ký chứng khoán và các nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	75,64%.
5	Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Gold & Jewellery”):	
	- Trụ sở chính:	Tầng 2 Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	15/09/2010 (theo Quyết định số 1521/QĐ-HDQT-NHCT1 của HDQT VietinBank)
	- GCNĐKKD:	Số 0105011873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/11/2010, thay đổi lần 11 ngày 02/07/2024.
	- Vốn điều lệ của Công ty:	200 tỷ đồng
	- Vốn góp của VietinBank tại Công ty:	200 tỷ đồng
	- HDKD chính:	Kinh doanh vàng, bạc, đá quý và các kim loại quý khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%.
6	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank AMC”):	
	- Trụ sở chính:	76 Nguyễn Văn Cừ, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
	- Ngày thành lập:	10/07/2000.
	- GCNĐKKD:	Số 0302077030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/07/2010, thay đổi lần 6 ngày 12/01/2021.
	- Vốn điều lệ của Công ty:	120 tỷ đồng
	- Vốn góp của VietinBank tại Công ty:	120 tỷ đồng
	- HDKD chính:	Quản lý nợ và khai thác tài sản; định giá tài sản; tiếp nhận và xử lý nợ, tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh; cho thuê tài sản; mua bán nợ theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%
7	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Global Money Transfer”):	
	- Trụ sở chính:	Tầng 3, Tòa nhà VietinBank, 126 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
	- Ngày thành lập:	03/01/2012.
	- GCNĐKKD:	Số 0105757686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/01/2012, thay đổi lần 1 ngày 13/3/2015.
	- Vốn điều lệ của Công ty:	50 tỷ đồng
	- Vốn góp của VietinBank tại Công ty:	50 tỷ đồng
	- HDKD chính:	Kinh doanh dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ kiều hối khác theo quy định của pháp luật.

	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 100%.
8	Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (“VietinBank Laos”): - Trụ sở chính: Số 268 đường Langxang, phường Hatsady, quận Chanthabouly, Thủ đô Vientian, CHDCND Lào. - Ngày thành lập: 03/02/2012. - Giấy phép đầu tư: Số 4116/ERO ngày 10/11/2011 và Giấy phép đầu tư sửa đổi số 512/BLA ngày 13/07/2015 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp. - Giấy phép hoạt động: Giấy phép thành lập Chi nhánh ngân hàng nước ngoài số 068/BOL ngày 27/01/2012 và Giấy phép chuyển đổi thành ngân hàng con số 068/BOL ngày 08/07/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lào. - Vốn điều lệ của Công ty: 62 triệu USD - Vốn góp của VietinBank tại Công ty: 62 triệu USD (giá gốc quy đổi là 1.522,66 tỷ đồng) (tỷ giá ngày 30/09/2024: 1 USD = 24.559 VND) - HDKD chính: Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành đăng ký kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo Giấy phép hoạt động do NHNN Lào cấp.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 100%

5.2.2. Công ty liên doanh, liên kết của Tổ Chức Phát Hành

1	Ngân hàng TNHH Indovina (“IVB”): - Trụ sở chính: 97A Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. - Ngày thành lập: 21/11/1990 (theo Giấy phép Đầu tư số 135/GP của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư) - GCNĐKKD hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 101/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 11/11/2019, thay thế cho Giấy phép hoạt động ngân hàng liên doanh số 08/NH-GP do NHNN cấp ngày 29/10/1992. - Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh ngân hàng. - Vốn điều lệ của Công ty: 193 triệu USD - Vốn góp của VietinBank tại Công ty: 96,5 triệu USD (giá gốc quy đổi là 1.688.788 triệu đồng) - HDKD chính: Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh theo quy định của pháp luật và theo Giấy phép hoạt động do NHNN cấp.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 50%.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Kể từ khi thành lập cho đến nay, VietinBank đã thực hiện 08 lần tăng vốn và chưa có lần giảm vốn điều lệ nào. Các lần tăng vốn của VietinBank như sau:

Thứ tự các lần tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Nội dung
	Ngày 03/07/2009	Vốn điều lệ của VietinBank theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 03/07/2009 của NHNN và theo GCNĐKDN số 0103038874 ngày 03/07/2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu là 11.252.972.800.000 đồng.
Lần 1	Ngày 18/10/2010	<ul style="list-style-type: none">- Vốn điều lệ trước khi tăng: 11.252.972.800.000 đồng- Giá trị vốn tăng thêm: 3.919.318.410.000 đồng;- Vốn điều lệ sau khi tăng: 15.172.291.210.000 đồng;- Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 6,83%) và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 28%).- Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và DHDCD.- Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có.
Lần 2	Ngày 10/03/2011	<ul style="list-style-type: none">- Vốn điều lệ trước khi tăng: 15.172.291.210.000 đồng- Giá trị vốn tăng thêm: 1.685.810.130.000 đồng;- Vốn điều lệ sau khi tăng: 16.858.101.340.000 đồng;- Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho IFC và Quỹ đầu tư cấp vốn IFC;- Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và DHDCD;- Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có.
Lần 3	Ngày 28/12/2011	<ul style="list-style-type: none">- Vốn điều lệ trước khi tăng: 16.858.101.340.000 đồng;- Giá trị vốn tăng thêm: 3.371.620.270.000 đồng;- Vốn điều lệ sau khi tăng: 20.229.721.610.000 đồng;- Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.- Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và DHDCD;- Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có.
Lần 4	Ngày 09/04/2012	<ul style="list-style-type: none">- Vốn điều lệ trước khi tăng: 20.229.721.610.000 đồng;- Giá trị vốn tăng thêm: 5.987.823.760.000 đồng;- Vốn điều lệ sau khi tăng: 26.217.545.370.000 đồng;- Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 (tỷ lệ 20%) và phát hành cổ phiếu thương (tỷ lệ 9,6%) cho cổ đông hiện hữu;- Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và DHDCD;- Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có.

Thứ tự các lần tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Nội dung
Lần 5	Ngày 14/05/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ trước khi tăng: 26.217.545.370.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 6.443.898.110.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 32.661.443.480.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd và hiện đã đổi tên thành MUFG Bank Ltd., - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHDCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có.
Lần 6	Ngày 14/10/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ trước khi tăng: 32.661.443.480.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 4.572.602.080.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 37.234.045.560.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHDCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có.
Lần 7	Ngày 08/07/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ trước khi tăng: 37.234.045.560.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 10.823.460.530.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 48.057.506.090.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017, 2018 và 2019 (tỷ lệ 29,0695%) cho cổ đông hiện hữu; - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: Thủ tướng Chính phủ, NHNN, UBCKNN và ĐHDCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có.
Lần 8	Ngày 01/12/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ trước khi tăng: 48.057.506.090.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 5.642.411.390.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 53.699.917.480.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 11,7415% cho cổ đông hiện hữu) - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: Thủ tướng Chính phủ, NHNN, UBCKNN và ĐHDCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có.

(Nguồn: VietinBank)

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

Thông tin chi tiết về cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi đang lưu hành của VietinBank tại thời điểm 30/09/2024 như sau:

STT	Loại cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết
I	Cổ phiếu phổ thông	5.369.991.748	100,00%
1	Cổ phiếu phổ thông do tổ chức nắm giữ:	5.142.016.837	95,75%
1.1	Tổ chức trong nước, trong đó:	3.717.932.087	69,23%
	- NHNN (Cơ quan đại diện sở hữu Nhà nước)	3.461.676.283	64,46%
	- Công đoàn của VietinBank	61.633.846	1,15%
	- Tổ chức trong nước khác	194.621.958	3,62%
	+ Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	149.441.500	2,78%
	+ Các tổ chức khác	45.180.458	0,84%
1.2	Tổ chức nước ngoài, trong đó:	1.424.084.750	26,52%
	- MUFG Bank Ltd., (Cổ đông Chiến lược)	1.059.477.261	19,73%
	- Các tổ chức khác	364.607.489	6,79%
2	Cổ phiếu phổ thông do cá nhân nắm giữ:	227.974.911	4,25%
2.1	Cá nhân trong nước	224.570.377	4,18%
2.2	Cá nhân nước ngoài	3.404.534	0,07%
II	Cổ phiếu ưu đãi	0	0,00%
	Tổng cộng	5.369.991.748	100,00%

(Nguồn: theo Danh sách cổ đông chốt ngày 30/09/2024 do VSDC cung cấp)

7.2. Các loại chứng khoán khác

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, VietinBank đã phát hành và đang lưu hành 45.857,020 tỷ đồng trái phiếu tính theo mệnh giá, bao gồm cả trái phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng. Toàn bộ các trái phiếu đang lưu hành của VietinBank đều là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (trái phiếu tăng vốn). Thông tin chi tiết về các trái phiếu đang lưu hành của VietinBank tại ngày ký Bản Cáo Bạch này như sau:

STT	Tên trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá	Số lượng trái phiếu (TP)	Giá trị mệnh giá (tỷ đồng)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Lãi suất TP
I	Trái phiếu phát hành ra công chúng				163.670.200	16.367,020		
1	Năm 2020	30/07/2020	10 năm	100.000 đồng/TP	35.000.000	3.500.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1%
2	Năm 2020	24/09/2020	10 năm	100.000 đồng/TP	12.824.500	1.282,450	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1%
3	Năm 2021	18/11/2021	10 năm	100.000 đồng/TP	34.922.000	3.492,200	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1%

4	Năm 2023	20/07/2023	8 năm	100.000 đồng/TP	20.000.000	2.000.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
5	Năm 2023	20/07/2023	10 năm	100.000 đồng/TP	30.000.000	3.000.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,3%
6	Năm 2023	01/11/2023	8 năm	100.000 đồng/TP	15.000.000	1.500.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
7	Năm 2023	01/11/2023	10 năm	100.000 đồng/TP	15.923.700	1.592.370	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,3%
II Trái phiếu phát hành riêng lẻ					208.500	29.490.000		
1	Năm 2015	26/06/2015	10 năm 1 ngày	01 tỷ đồng/TP	450	450.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	7,4% cho 5 năm đầu và 7,9% cho các năm còn lại
2	Năm 2018	21/06/2018	15 năm	01 tỷ đồng/TP	180	180.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+0,8%
		01/11/2018	15 năm	01 tỷ đồng/TP	100	100.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,1%
3	Năm 2019	30/07/2019	15 năm	01 tỷ đồng/TP	50	50.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 8,2%
4	Năm 2020	22/05/2020	15 năm	01 tỷ đồng/TP	50	50.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
		08/07/2020	15 năm	01 tỷ đồng/TP	500	500.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,85%
		04/08/2020	15 năm	01 tỷ đồng/TP	50	50.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,85%
		04/08/2020	15 năm	01 tỷ đồng/TP	50	50.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,85%
5	Năm 2021	10/05/2021	15 năm	01 tỷ đồng/TP	85	85.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,7%
		28/07/2021	15 năm	01 tỷ đồng/TP	700	700.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,75%
			15 năm	01 tỷ đồng/TP	50	50.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,7%
		29/07/2021	15 năm	01 tỷ đồng/TP	100	100.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,7%
			10 năm	01 tỷ đồng/TP	1.000	1.000.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1%
		17/09/2021	15 năm	01 tỷ đồng/TP	50	50.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,7%
		14/10/2021	15 năm	01 tỷ đồng/TP	50	50.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,7%
		29/11/2021	15 năm	01 tỷ đồng/TP	140	140.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
6	Năm 2022	03/06/2022	15 năm	01 tỷ đồng/TP	100	100.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
		24/06/2022	15 năm	01 tỷ đồng/TP	200	200.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,8%
		29/06/2022	8 năm	01 tỷ đồng/TP	1.200	1.200.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%
		07/07/2022	8 năm	01 tỷ đồng/TP	195	195.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%
		19/07/2022	8 năm	01 tỷ đồng/TP	50	50.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%

		21/07/2022	15 năm	01 tỷ đồng/TP	185	185,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,8%
		26/07/2022	8 năm	01 tỷ đồng/TP	70	70,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%
		28/07/2022	15 năm	01 tỷ đồng/TP	40	40,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,8%
		02/08/2022	8 năm	01 tỷ đồng/TP	50	50,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%
		19/08/2022	15 năm	01 tỷ đồng/TP	100	100,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,9%
		23/08/2022	8 năm	01 tỷ đồng/TP	230	230,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%
		30/08/2022	15 năm	01 tỷ đồng/TP	100	100,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +1,2%
		08/09/2022	10 năm	01 tỷ đồng/TP	90	90,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,8%
		15/09/2022	8 năm	01 tỷ đồng/TP	3.000	3.000,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +1,1%
7	Năm 2023	29/06/2023	10 năm	100 triệu đồng/TP	5.000	500,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,6%
		11/07/2023	10 năm	100 triệu đồng/TP	1.000	100,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,5%
		27/07/2023	15 năm	100 triệu đồng/TP	4.000	400,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
		31/07/2023	15 năm	100 triệu đồng/TP	10.150	1.015,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,7%
		21/08/2023	15 năm	01 tỷ đồng/TP	385	385,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,5%
		28/09/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	20.000	2.000,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,3%
		10/11/2023	10 năm	100 triệu đồng/TP	4.500	450,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,1%
		23/11/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	1.000	100,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +1,3%
		30/11/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	3.000	300,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,2%
		06/12/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	4.000	400,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,2%
		29/12/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	8.000	800,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,2%
		29/12/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	24.000	2.400,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,2%
		29/12/2023	10 năm	100 triệu đồng/TP	10.000	1.000,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,2%
8	Năm 2024	05/07/2024	10 năm	100 triệu đồng/TP	30.000	3.000,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,4%
		09/07/2024	15 năm	100 triệu đồng/TP	10.000	1.000,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
		11/07/2024	8 năm	100 triệu đồng/TP	4.000	400,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,2%
		17/07/2024	15 năm	100 triệu đồng/TP	2.300	230,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
		24/07/2024	10 năm	100 triệu đồng/TP	3.200	320,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,4%
		02/08/2024	8 năm	100 triệu đồng/TP	1.500	150,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%

	06/08/2024	15 năm	100 triệu đồng/TP	1.000	100,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
	15/08/2024	8 năm	100 triệu đồng/TP	2.500	250,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,1%
	20/08/2024	8 năm	100 triệu đồng/TP	10.000	1,000,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,2%
	23/08/2024	15 năm	100 triệu đồng/TP	1.250	125,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
	10/09/2024	15 năm	100 triệu đồng/TP	8.500	850	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
	11/09/2024	10 năm	100 triệu đồng/TP	20.000	2.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,4%
	15/10/2024	15 năm	100 triệu đồng/TP	9.000	900	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
	28/10/2024	15 năm	100 triệu đồng/TP	1.000	100	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
	Tổng cộng (= I + II)			163.878.700	45.857.020		

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú: "LSTC" là lãi suất tham chiếu, là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) của 4 ngân hàng tại Việt Nam: VietinBank, Vietcombank, BIDV và Agribank; "LSCD" là lãi suất cố định, áp dụng trong suốt thời hạn trái phiếu.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm HDKD

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ (SPDV)

SPDV CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN (KHCN)

(a) *Ngân hàng số*: Dịch vụ ngân hàng số của VietinBank hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch 24/24 tại bất cứ nơi đâu với một thiết bị kết nối Internet.

- *VietinBank iPay*: Là dịch vụ Ngân hàng số cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch ngân hàng trên máy tính hay thiết bị di động có kết nối Internet, hỗ trợ khách hàng chủ động quản lý thông tin tài khoản và thực hiện giao dịch an toàn với nhiều hình thức bảo mật và xác thực với các chức năng chính: Chuyển nhận tiền, Quản lý tài khoản và thẻ, Dịch vụ vay, Tiết kiệm, Thanh toán hóa đơn, Mua sắm, Dịch vụ đầu tư, Thanh toán Dịch vụ công,...
- *VietinBank iPay Mobile*: Là ứng dụng Ngân hàng số trên điện thoại di động thông minh, cho phép khách hàng thực hiện nhiều giao dịch với hạn mức giao dịch cao phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng. Bên cạnh việc sử dụng tất cả các chức năng của VietinBank iPay, VietinBank iPay Mobile còn có các tính năng vượt trội như: Du lịch và vận chuyển (đặt vé máy bay, vé tàu, vé xe, taxi, khách sạn, giao hàng...), Mua sắm và giải trí (vé xem phim, đặt sân Golf, mua e-voucher...), Sức khỏe và đời sống (Mua các loại bảo hiểm, bác sĩ gia đình ...), Xác thực KH bằng CCCD gắn chip, Cá nhân hóa giao diện...
- *Bank Plus*: Là dịch vụ Ngân hàng số của VietinBank đối với khách hàng sử dụng sim điện thoại Viettel, hỗ trợ các chức năng: Chuyển khoản trong hệ thống VietinBank, Thanh toán hóa đơn Viettel và Truy vấn số dư tài khoản.
- *SMS Banking*: Là dịch vụ Ngân hàng qua tin nhắn trên điện thoại di động, giúp khách hàng cập nhật tức thì các thông tin biến động số dư, biến động thông tin tài khoản hoặc thông báo đến hạn khoản vay.

(b) *Tiền gửi*

- *Tiền gửi không kỳ hạn*:
 - *Tài khoản thanh toán*: Là sản phẩm tiền gửi VND, USD, EUR cho khách hàng cá nhân với các tiện ích như: được gửi và rút tiền tại bất kỳ thời điểm và địa điểm giao dịch nào trong giờ giao dịch của ngân hàng; được nhận các khoản lãi không kỳ hạn; được sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng: mở tài khoản theo yêu cầu, đặt Alias, thanh toán, chuyển tiền, SMS Banking, Mobile Banking, Internet banking, phát hành thẻ, gửi tiết kiệm trực tuyến ..., được xác nhận số dư, được phát hành séc; được mở tài khoản thanh toán chung, được hưởng bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
 - *Tiết kiệm không kỳ hạn thông thường*: Là sản phẩm tiền gửi VND, USD, EUR cho KHCN với các tiện ích như: được gửi thêm hoặc rút tiền vào bất kỳ thời điểm và tại bất kỳ điểm giao dịch nào trong giờ giao dịch của ngân hàng; được nhận các khoản lãi không kỳ hạn; được phát hành sổ tiết kiệm, và cầm cố sổ tiết kiệm này để vay vốn; được mở tài khoản tiết kiệm chung hoặc chuyển quyền sở hữu; được ủy quyền cho người khác lĩnh lãi và rút tiền tiết kiệm; được lựa chọn phương thức thanh toán; được xác nhận số dư; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND và được sử dụng các tiện ích gia tăng khác.
- *Tiết kiệm có kỳ hạn*:

- Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn cho KHCN với tiền VND, USD, EUR với các tiện ích như: gửi/tắt toán tại bất kỳ điểm giao dịch của VietinBank, được nhận các khoản lãi đến hạn; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND; được mở tài khoản tiết kiệm chung hoặc chuyển quyền sở hữu; có thể ủy quyền cho người khác lĩnh lãi và rút tiền tiết kiệm; được sử dụng để cầm cố vay vốn tại ngân hàng; được xác nhận số dư tiền gửi cho các mục đích hợp pháp; được lựa chọn phương thức thanh toán lãi/gốc.
- Tiền gửi ưu đãi tỷ giá: Là sản phẩm tiền gửi dành cho khách hàng bán ngoại tệ tại VietinBank để gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam với số tiền gửi tối thiểu bằng số tiền ngoại tệ quy đổi ra VND. Ngoại tệ của khách hàng được mua với tỷ giá ưu đãi so với tỷ giá niêm yết, đồng thời khoản tiền gửi tiết kiệm VND được hưởng lãi suất ưu đãi so với lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường, được bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
- Tiền gửi tiết kiệm tích lũy: Là hình thức tiết kiệm gửi góp định kỳ hàng tháng với tiền VND, USD với kỳ hạn gửi 1 năm, 2 năm, 3 năm, 5 năm và 10 năm với một số tiện ích như: KH chủ động chọn chu kỳ trả lãi và điều chỉnh lãi suất 3 tháng hoặc 12 tháng ngay từ ngày mở tài khoản, KH được phép nộp trước tại nhiều định kỳ.
- Tiền gửi có kỳ hạn: Là sản phẩm tiền gửi dành cho khách hàng với loại đồng tiền VND, USD, EUR thông qua hình thức hợp đồng tiền gửi với các tiện ích như: gửi/tắt toán tại bất kỳ điểm giao dịch của VietinBank, được nhận các khoản lãi đến hạn; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND; được mở tài khoản tiền gửi chung; được sử dụng để làm tài sản đảm bảo vay vốn tại ngân hàng; được xác nhận số dư tiền gửi cho các mục đích hợp pháp; được rút trước hạn khi có nhu cầu.
- GTCG gồm: Kỳ phiếu, Tin phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu được VietinBank phát hành trong từng thời kỳ với mức lãi suất hấp dẫn và cạnh tranh, được chuyển nhượng và cầm cố GTCG để vay vốn hoặc bảo lãnh cho người thứ 3 vay vốn tại VietinBank hoặc các TCTD khác.
- Tiết kiệm trực tuyến: Là sản phẩm tiết kiệm VND cho KHCN với kỳ hạn từ 1 tuần đến 36 tháng, lãi suất được hưởng cao hơn lãi suất tiết kiệm tại quầy, được gửi và tắt toán mọi lúc mọi nơi, an toàn và bảo mật.

(c) Thẻ

VietinBank cung cấp đa dạng các loại thẻ và dịch vụ thẻ cho KHCN và cả KHDN. Ngoài việc cung cấp dịch vụ thanh toán truyền thống như Rút tiền, chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM, Thanh toán mua bán hàng hóa dịch vụ qua máy thanh toán thẻ POS/mPOS, VietinBank hỗ trợ nhiều dịch vụ tiện ích như: Dịch Vụ Thanh Toán Trực Tuyến; Dịch Vụ Nộp Tiền Vào Tài Khoản Tại RATM; Dịch Vụ Gửi Tiết Kiệm Tại ATM; Dịch Vụ Rút Tiền bằng mã QR tại ATM VietinBank và ATM liên ngân hàng, Dịch vụ thanh toán mua bán hàng hóa dịch vụ bằng thẻ tín dụng qua mã QR tại các đơn vị chấp nhận thẻ, Dịch vụ thanh toán mua bán hàng hóa dịch vụ qua các app liên kết với thẻ như GooglePay, SamSungPay, Tự động thu nợ thẻ tín dụng, Dịch vụ Trả lương qua thẻ, Dịch vụ thu học phí, Thu viện phí, Dịch vụ nhận tiền về qua thẻ quốc tế. Các sản phẩm thẻ hiện nay của VietinBank cung cấp cho KHCN bao gồm:

- Thẻ ghi nợ nội địa: Đa dạng theo từng đối tượng khách hàng: thẻ dành cho khách hàng cao cấp VietinBank E-Partner Chip Contactless Premium, VietinBank E-Partner Chip Contactless, thẻ phi vật lý VietinBank E-Partner Vpay và các loại thẻ ghi nợ nội địa liên kết với các đơn vị, phù hợp với từng đối tượng khách hàng đặc thù.
- Thẻ tín dụng nội địa: VietinBank 2Card, iZero, Thẻ Tài chính cá nhân.

- Thẻ ghi nợ quốc tế: sản phẩm thẻ đa dạng, phù hợp với các đối tượng khách hàng khác nhau như thẻ VietinBank Master Debit Premium dành riêng cho các khách hàng ưu tiên; thẻ Visa Debit Sống khỏe, Master Debit Eliv3 phù hợp các tập khách hàng trẻ trung, cá tính; thẻ Visa Debit Sakura hướng tới các khách hàng Nhật; thẻ Master/Visa Debit Vpay giành cho các khách hàng chuyên thanh toán trực tuyến, thẻ Visa Debit EMV USD cho các khách hàng ngoại quốc cư trú tại Việt Nam. Trong thời gian tới VietinBank sẽ tiếp tục mở rộng danh mục thẻ debit để khách hàng dễ dàng lựa chọn theo nhu cầu sử dụng.
- Thẻ tín dụng quốc tế: thẻ tín dụng quốc tế (TDQT) được phát triển dựa trên đối tượng và nhu cầu của khách hàng. Các khách hàng có nhu cầu hoàn tiền: thẻ kép Master Eliv3 với ưu đãi hoàn tiền lên đến 15%, VietinBank Mastercard Cashback; thẻ cao cấp VietinBank Signature với ưu đãi chính về Golf JCB Vietnam Airlines Ultimate cộng dặm bay Vietnam Airline, thẻ Master Premium dành riêng cho tập Khách hàng ưu tiên với ưu đãi phí chuyển đổi ngoại tệ; các dòng thẻ phí thấp phổ thông như thẻ VietinBank Visa/ Mastercard/ JCB Platinum và các dòng thẻ đồng thương hiệu với các đối tác khác.
- Thẻ Quà tặng nội địa.

(d) Cho vay

Các sản phẩm cho vay do VietinBank cung cấp rất đa dạng, phong phú đặc biệt đối với các KHCN.

- Nhóm Sản phẩm cho vay mua bất động sản: VietinBank cung cấp đa dạng sản phẩm cho vay phù hợp với từng loại hình bất động sản theo nhu cầu của KH: Cho vay mua, sửa chữa Bất động sản (BDS) tại các dự án BDS thương mại; Cho vay nhận quyền sử dụng đất, mua, xây dựng, sửa chữa nhà ở và/hoặc công trình xây dựng; Cho vay mua mua BDS nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay mua nhà ở xã hội ...
- Sản phẩm cho vay mua ô tô: bao gồm cho vay mua ô tô phục vụ nhu cầu đời sống và/hoặc phục vụ SXKD.
- Nhóm Sản phẩm cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: VietinBank cung cấp đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng: Cho vay phục vụ đời sống cho CBCNV; Cho vay phục vụ đời sống theo Hạn mức thấu chi dành cho khách hàng cá nhân tại quầy; Sản phẩm cho vay đóng học phí; cho vay du học; Nhóm sản phẩm cho vay online với luồng quy trình thực qua toàn bộ qua phương tiện điện tử gồm Sản phẩm thấu chi online cầm cố sổ tiết kiệm, Sản phẩm thấu chi online không tài sản bảo đảm, Sản phẩm tín chấp online izicash.
- Nhóm Sản phẩm cho vay SXKD: là các sản phẩm đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của KHCN với các sản phẩm dịch vụ đa dạng như: Cho vay vốn lưu động, Cho vay vốn cố định, Cho vay phục vụ phát triển Nông nghiệp Nông thôn; Cho vay Sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay hợp tác kinh doanh thuộc và thực phẩm chức năng; Cho vay người lao động Việt Nam đi làm ở nước ngoài ...
- Nhóm sản phẩm cho vay đặc thù với luồng quy trình rút gọn, phù hợp với một số mục đích/hình thức vay đặc thù gồm Sản phẩm Cho vay có bảo đảm bằng tài sản thanh khoản cao; Sản phẩm cho vay Ứng trước tiền bán chứng khoán; Sản phẩm cho vay KHCN mua chứng khoán qua công ty chứng khoán.

(e) *Bảo hiểm*

- **Bảo hiểm Nhân thọ:** VietinBank hợp tác với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Manulife Việt Nam (MVL) cung cấp các giải pháp Tài chính - Bảo hiểm toàn diện, ưu việt cho Khách hàng. Danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của tất cả các Khách hàng như: các sản phẩm bảo hiểm liên kết Đầu tư ngoài các quyền lợi cơ bản về bảo còn giúp khách hàng tạo dựng tài sản và đầu tư sinh lời hiệu quả thông qua các quỹ; sản phẩm Bảo hiểm Từ kỷ bảo vệ khách hàng toàn diện trong các trường hợp rủi ro như Từ vong, Thương tật, Ung thư; các sản phẩm Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe thuộc nhóm sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ với các quyền lợi hỗ trợ y tế, bệnh lý... giúp bảo vệ cho cả gia đình của Khách hàng. VietinBank hợp tác chặt chẽ với đối tác MVL để liên tục đưa ra các chính sách sản phẩm/cơ chế khuyến mại hấp dẫn nhằm giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận với Sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ.
- **Bảo hiểm Phi nhân thọ:** VietinBank liên kết chặt chẽ cùng Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI) cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hấp dẫn, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu của KHCN như: Bảo hiểm Sức khỏe, Bảo hiểm Người vay vốn, Bảo hiểm Tai nạn cá nhân, Bảo hiểm Ô tô, Bảo hiểm Xe máy, Bảo hiểm Nhà tư nhân, Bảo hiểm Du lịch (trong nước và quốc tế), Bảo hiểm thẻ, Bảo hiểm Ung thư, Bảo hiểm trẻ chuyển bay... Khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn và tham gia sản phẩm tại tất cả các Chi nhánh VietinBank trên toàn quốc, cũng như có thể mua trực tuyến và được hỗ trợ giải pháp khai báo bồi thường online qua ứng dụng My VBI. VietinBank và VBI tự hào là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng CNTT nhằm mang đến những trải nghiệm tuyệt vời cho Khách hàng trong quá trình tham gia sản phẩm.

SPDV CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (KHDN)

Là ngân hàng lớn, giữ vai trò chủ đạo, trụ cột trong hệ thống NHTM tại Việt Nam, VietinBank cung cấp SPDV tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích, tiêu chuẩn quốc tế. VietinBank luôn song hành với sự đổi mới của nền kinh tế, góp phần nâng cao năng lực SXKD và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, trở thành địa chỉ tin cậy cung ứng vốn cho các dự án trọng điểm quốc gia, các ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế.

VietinBank luôn nỗ lực mang đến những giải pháp tài chính toàn diện cùng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, hiệu quả, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của các KHDN.

(a) *Tiền gửi*

VietinBank cung cấp đa dạng các sản phẩm tiền gửi và dịch vụ quản lý tài khoản, cho phép doanh nghiệp quản lý dòng tiền một cách chính xác, hiệu quả, qua đó tối ưu khả năng sinh lời của nguồn vốn nhàn rỗi cũng như đáp ứng nhanh chóng nhu cầu thanh toán, chỉ tiêu phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

- *Tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán:* Cho phép doanh nghiệp thực hiện gửi/rút tiền mặt nhanh chóng và sử dụng các dịch vụ thanh toán đa dạng, tiện ích được cung ứng qua tài khoản.
- *Tiền gửi có kỳ hạn:* Doanh nghiệp chủ động lựa chọn kỳ hạn gửi tiền và hình thức linh lãi đa dạng, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn của doanh nghiệp.
- *Tiền gửi ký quỹ:* Doanh nghiệp vừa được xác nhận về khoản tiền đã ký quỹ tại VietinBank để chứng minh năng lực tài chính trong các lĩnh vực/ngành nghề/dịch vụ mà pháp luật Việt Nam quy định phải ký quỹ, đồng thời vẫn được hưởng lãi tiền gửi có kỳ hạn hoặc không kỳ hạn.
- *Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tự động:* Doanh nghiệp được tối ưu hóa việc sử dụng dòng tiền nhàn rỗi, định kỳ theo tần suất đã thỏa thuận, VietinBank tự động chuyển số dư vượt ngưỡng trên tài khoản thanh toán của doanh nghiệp để gửi tiền gửi có kỳ hạn và ngược lại.

- **Chứng chỉ tiền gửi VND:** Doanh nghiệp chủ động lựa chọn kỳ hạn chứng chỉ tiền gửi phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn của doanh nghiệp.

(b) Cho vay

Là một trong những ngân hàng có quy mô VCSH lớn nhất Việt Nam, sở hữu hệ thống chi nhánh, điểm giao dịch rộng khắp trên toàn quốc cùng đội ngũ nhân viên tận tình, chuyên nghiệp, VietinBank cam kết cung cấp các giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt đáp ứng tối ưu nhu cầu vốn ngắn hạn cũng như vốn trung dài hạn của doanh nghiệp. VietinBank tự hào là đối tác tin cậy giúp hiện thực hóa các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cho vay ngắn hạn: VietinBank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu vay vốn lưu động trên cơ sở dòng tiền và kế hoạch SXKD của doanh nghiệp:
 - Cho vay vốn lưu động: Đáp ứng mọi nhu cầu vốn lưu động thường xuyên, hợp pháp cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Kể từ Tháng 05/2024 VietinBank chính thức triển khai Giải ngân Online dành cho doanh nghiệp nhằm rút ngắn thời gian cung cấp hồ sơ, nâng cao hiệu suất lao động, tiết kiệm chi phí vận hành cho khách hàng khi thực hiện giao dịch hoàn toàn trên eFAST, giúp KH chủ động theo dõi tiến trình xử lý tại Ngân hàng.
 - Cho vay thấu chi: Cho phép doanh nghiệp chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp.
 - Các sản phẩm tài trợ theo hệ sinh thái dành cho doanh nghiệp chính và các nhà cung cấp/nhà phân phối: VietinBank luôn đi đầu trong việc chuyên biệt hóa sản phẩm phục vụ cho từng đối tượng khách hàng và các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, trong đó từ mỗi quan hệ hợp tác chiến lược với các doanh nghiệp chính, VietinBank cung cấp các giải pháp hỗ trợ tài chính cho các nhà phân phối/nhà cung cấp của doanh nghiệp chính với quy trình cấp và quản lý tín dụng phù hợp với đặc thù kinh doanh của hệ sinh thái, cung cấp trên đa dạng các kênh phân phối (kênh quầy, kênh điện tử) với chi phí tài chính cạnh tranh.
- Cho vay trung và dài hạn: VietinBank đồng hành và tài trợ nguồn vốn trung dài hạn dành cho doanh nghiệp để đầu tư dự án hay mở rộng hoạt động SXKD.
 - Cho vay đầu tư dự án: Đáp ứng nhu cầu vốn trung và dài hạn dành cho doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư mới hoặc dự án nâng cấp, mở rộng hoạt động SXKD.
 - Cho vay hợp vốn: VietinBank cùng một hoặc một số TCTD khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của doanh nghiệp.
 - Cho vay chuyên biệt: VietinBank cung cấp đa dạng giải pháp, đáp ứng linh hoạt nhu cầu vay vốn chuyên biệt của doanh nghiệp như cho vay mua xe ô tô, cho vay đại lý kinh doanh ô tô, cho vay đầu tư tài sản cố định...

(c) Dịch vụ thanh toán và Quản lý dòng tiền

VietinBank cung cấp đa dạng dịch vụ thanh toán và quản lý dòng tiền cho khách hàng doanh nghiệp, tổ chức, bao gồm:

- Thanh toán, chuyển tiền: Với việc tham gia triển khai các thỏa thuận song phương, đa phương với các tổ chức trong nước và quốc tế trong việc xây dựng các hệ thống kết nối thanh toán điện tử, các hệ thống cho phép triển khai dịch vụ chấp nhận thanh toán với đa dạng các phương tiện thanh toán qua QR, POS, ECOM...; VietinBank có khả năng cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế một cách nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại của VietinBank (internet banking, mobile banking, kết nối trực tiếp Host to Host, qua API...). Thúc đẩy cái tiến và không ngừng đổi mới phát triển, VietinBank đã và đang tiếp tục triển khai các dự án, kế hoạch chuyển đổi

số, phát triển dịch vụ thanh toán mới, nâng cấp kiến toàn hệ thống SPDV thanh toán áp dụng công nghệ hiện đại, cập nhật xu hướng; an toàn CNTT và tuân thủ các quy định của pháp luật, gia tăng trải nghiệm khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Quản lý khoản phải thu: Với hệ thống các kênh giao dịch điện tử hiện đại, mạng lưới quầy giao dịch của VietinBank và các điểm giao dịch/kênh giao dịch của các đối tác liên kết rộng khắp trên cả nước, VietinBank cung cấp đa dạng các giải pháp thu hộ cho doanh nghiệp nhằm đưa dòng tiền của doanh nghiệp về tài khoản mở tại VietinBank một cách nhanh chóng, thuận tiện và chính xác nhất, hỗ trợ doanh nghiệp quản lý khoản phải thu và đối trừ công nợ thông qua báo cáo quản lý khoản phải thu hoặc tích hợp trực tiếp với Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) của doanh nghiệp. Dịch vụ quản lý khoản phải thu bao gồm dịch vụ thu hộ qua mã Định danh Tài khoản, thanh toán hóa đơn, thu hộ theo lô, ủy nhiệm thu, thu hộ tiền mặt tại điểm chi định,...
- Quản lý khoản phải trả: Với công nghệ hiện đại tiên tiến, mạng lưới rộng khắp cùng mối quan hệ gắn kết lâu năm, VietinBank đã kết nối hệ thống với các nhà cung cấp dịch vụ tiện ích (điện, nước, viễn thông,...), kho bạc nhà nước, thuế, hải quan, cơ quan bảo hiểm xã hội, liên đoàn lao động,... để cung cấp các dịch vụ đáp ứng toàn bộ nhu cầu thanh toán, chi trả của doanh nghiệp như chi lương, thanh toán thuế, bảo hiểm, thanh toán hóa đơn, thanh toán kinh phí công đoàn, phải trả các nhà cung cấp đầu vào,... Các dịch vụ được thực hiện đơn giản qua các kênh giao dịch của VietinBank hoặc tích hợp thực hiện trực tiếp trên Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) của doanh nghiệp.
- Quản lý dòng tiền tập trung: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp quản lý và điều tiết dòng tiền một cách tự động, linh hoạt, hai chiều giữa tài khoản thanh toán của doanh nghiệp và các đơn vị thành viên mở tại VietinBank, đảm bảo khả năng thanh khoản trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tần suất điều chuyển, số tiền điều chuyển được cài đặt linh hoạt, hệ thống VietinBank xử lý điều tiết dòng tiền hoàn toàn tự động, đáp ứng các nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp.
- Nộp Ngân sách Nhà nước: Với hệ thống kết nối trực tiếp với Tổng Cục Thuế và Tổng Cục Hải Quan, VietinBank có thể hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu, các khoản phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính một cách nhanh chóng, thuận tiện thông qua các hình thức đa dạng và tiện ích như tại các quầy giao dịch của VietinBank, qua Internet Banking/Mobile Banking, qua cổng thông tin của Tổng Cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong những năm qua, VietinBank đã tích cực phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan ứng dụng công nghệ triển khai nhiều giải pháp nộp thuế tiện ích cho khách hàng như Nộp thuế điện tử, Nộp thuế hải quan điện tử và thông quan 24/7, Hải quan điện tử nhờ thu... đáp ứng xử lý tự động các yêu cầu nộp thuế của cá nhân, doanh nghiệp, mọi lúc, mọi nơi.
- Thu phí, lệ phí cho các Sở/ban/ngành kết nối với Cổng một cửa quốc gia: Với mong muốn đẩy nhanh tiến độ thông quan hàng hóa, tiết kiệm chi phí lưu kho, lưu bãi cho các doanh nghiệp, VietinBank đã tiên phong phối hợp với Tổng cục Hải quan xây dựng giải pháp và triển khai dịch vụ thu phí, lệ phí cho các cơ quan quản lý có kết nối trao đổi thông tin điện tử với Cổng một cửa quốc gia và kết nối trực tiếp với hệ thống thu phí của cơ quan ban ngành địa phương. Giải pháp đã được triển khai thành công cho việc thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng cửa khẩu, cảng biển tại Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh là cơ sở để tiếp tục phối hợp triển khai cho các Sở/ban/ngành.
- Thu phí, lệ phí dịch vụ hành chính công và nộp thuế trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công trực tuyến các tỉnh/TP: Triển khai chỉ đạo của Chính phủ trong việc đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực hành chính công, thực hiện cải cách hành chính, xây dựng nền

tăng cho Chính phủ điện tử và thành phố thông minh, VietinBank đã tiên phong xây dựng giải pháp tích hợp thanh toán đáp ứng cho người dân và doanh nghiệp thực hiện nộp phí, lệ phí cho các Sở/ban/ngành trên Cổng thông tin điện tử của các Tỉnh/Thành phố. Với việc triển khai thành công các giải pháp thanh toán tiện lợi cho người dân, doanh nghiệp, VietinBank đã vinh dự được Văn Phòng Chính Phủ lựa chọn là Ngân hàng phối hợp triển khai các giải pháp thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tích hợp toàn bộ các dịch vụ hành chính công của các Sở/ban/ngành/địa phương. VietinBank đã và đang phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các đơn vị liên quan triển khai cung ứng dịch vụ thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia như: Thu phí, lệ phí, Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông, Nộp BHXH tự nguyện, gia hạn thẻ BHYT, Nộp thuế cá nhân, thuế đất đai, lệ phí trước bạ, thanh toán viện phí và các dịch vụ thanh toán khác theo lộ trình triển khai của Văn phòng Chính phủ.

- Thu kinh phí công đoàn: VietinBank được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam lựa chọn là Ngân hàng phối hợp triển khai thu kinh phí công đoàn qua một tài khoản của Công đoàn Việt Nam tại VietinBank. Giải pháp đáp ứng việc quản lý tập trung nguồn thu kinh phí công đoàn và tự động phân bổ kinh phí công đoàn về cho các cấp theo cấu trúc và tỷ lệ quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Thông qua giải pháp này, các giao dịch thu nộp kinh phí công đoàn của doanh nghiệp được thực hiện nhanh chóng, tự động; dữ liệu được công khai, minh bạch, tập trung; hỗ trợ cho công tác chỉ đạo, giám sát, đôn đốc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thu kinh phí công đoàn.
- Nộp BHXH, BHYT, BHTN bằng phương thức điện tử: Phối hợp với BHXH Việt Nam triển khai ứng dụng công nghệ nhằm cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, VietinBank đã xây dựng giải pháp thu nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN, đáp ứng cho khách hàng thực hiện nộp tiền bảo hiểm tại các kênh giao dịch của VietinBank, thông tin nộp bảo hiểm sau đó sẽ được gửi đến cơ quan bảo hiểm để ghi nhận nhanh chóng cho Người được bảo hiểm, nhờ đó quản lý chặt chẽ, đảm bảo an toàn nguồn thu và lợi ích cho người lao động.
- Chứng khoán phái sinh: Với uy tín trong việc phối hợp với các cơ quan quản lý ứng dụng hiệu quả công nghệ và triển khai các giải pháp thanh toán hiện đại, VietinBank là ngân hàng duy nhất được UBCKNN lựa chọn là Ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán phái sinh. Theo đó VietinBank thực hiện toàn bộ các giao dịch thanh toán, bù trừ chứng khoán phái sinh, đáp ứng yêu cầu rất khắt khe của thị trường về tốc độ xử lý và an toàn, bảo mật tuyệt đối. Trong năm 2023 và cho đến thời điểm hiện tại, VietinBank đã phối hợp chặt chẽ với VSDC trao đổi và thực hiện các công tác kiểm thử với VSDC và 25 thành viên thị trường, rà soát văn bản nghiệp vụ về các nội dung của Đề án nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin chứng khoán (KRX) và sẵn sàng nguồn lực tiếp tục phối hợp chặt chẽ đảm bảo lộ trình của Bộ Tài chính, VSDC.

(d) Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam xử lý tập trung nghiệp vụ TTQT & TTTM, bên cạnh các sản phẩm truyền thống đang được VietinBank cung cấp rất hiệu quả cho khách hàng như: Thư tín dụng xuất nhập khẩu, nhờ thu xuất nhập khẩu, chuyển tiền ngoại tệ, bảo lãnh, tái bảo lãnh..., VietinBank luôn tiên phong phát triển các sản phẩm TTQT & TTTM mới, tích cực hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu như một số sản phẩm đặc thù sau:

- **UPAS LC (Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán trả ngay):** VietinBank triển khai ngay từ năm 2013 và không ngừng cải tiến nhằm tăng thêm lựa chọn cho khách hàng. Là ngân hàng uy tín hàng đầu Việt Nam có quan hệ ngân hàng đại lý khắp các châu lục, VietinBank luôn được cấp hạn mức lớn nhất, lãi suất tốt nhất trên thị trường.
- **Các sản phẩm tài trợ thương mại cấu trúc, đặc thù thiết kế riêng phù hợp nhu cầu khách**

hàng như Thanh toán trước hạn bộ chứng từ theo LC nội bộ, Chiết khấu miễn truy đòi... Với nhiều ưu điểm nổi trội, cho phép người bán nhận được tiền thanh toán trước thời hạn bộ chứng từ, miễn truy đòi lên đến 100% giá trị lô hàng mà không làm tăng dư nợ tại ngân hàng. Từ đó, doanh nghiệp có thể đẩy nhanh vòng quay vốn lưu động; tăng hiệu quả quản lý dòng tiền và công nợ phải thu hoạt động kinh doanh; tối ưu hóa giới hạn tín dụng tại ngân hàng và cải thiện các chỉ số trên báo cáo tài chính.

- **Thư tín dụng nội địa:** Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc thanh toán thư tín dụng bằng VND cho các hợp đồng mua bán trong nước, VietinBank đang tích cực triển khai sản phẩm Thư tín dụng nội địa. Ngoài ưu thế về nguồn vốn VND mạnh nhất thị trường, VietinBank tự tin thực hiện các giao dịch LC nội địa nhanh nhất, hiệu quả nhất cho khách hàng và đối tác thông qua mạng lưới 155 chi nhánh, hơn 1.000 điểm giao dịch tại các tỉnh, thành và xử lý tập trung cho cả bên bán và bên mua tại Trung tâm TTTM.
- **Hợp tác Ngân hàng đại lý chiết khấu chứng từ xuất khẩu theo LC trả chậm:** Với khách hàng xuất khẩu hàng hóa theo LC trả chậm, VietinBank cung cấp sản phẩm “Hợp tác ngân hàng đại lý chiết khấu chứng từ xuất khẩu theo LC trả chậm”. Khách hàng được bổ sung vốn lưu động kịp thời, được đảm bảo rủi ro thanh toán trong trường hợp Ngân hàng phát hành LC mất khả năng thanh toán và hưởng mức lãi suất chiết khấu cạnh tranh.
- **Bao thanh toán:** VietinBank hiện là thành viên chủ chốt của Hiệp hội Bao thanh toán quốc tế FCI. VietinBank luôn được các đại lý bao thanh toán nhập khẩu/bên mua xếp hạng cao. Với tiềm lực vốn mạnh, không chỉ chào được lãi suất chiết khấu cạnh tranh, cùng uy tín và danh tiếng của mình, VietinBank luôn có các đối tác để đảm bảo rủi ro thanh toán bên nhập khẩu/bên mua với mức phí thấp nhất giúp mang lại giải pháp tài chính hiệu quả nhất cho khách hàng. Bên cạnh các sản phẩm Bao thanh toán truyền thống, VietinBank còn cung cấp sản phẩm Bao thanh toán hiện đại là Bao thanh toán trong Tài trợ chuỗi cung ứng, mang lại nhiều giải pháp tiện ích hơn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhiều đối tượng khách hàng.
- **Chuyển tiền ngoại tệ đặc thù:** Chuyển tiền ngoại tệ cũng là một thế mạnh của VietinBank với danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hiệu quả. Ngoài sản phẩm chuyển tiền ngoại tệ truyền thống, VietinBank cung cấp cho khách hàng sản phẩm chuyển tiền ngoại tệ đặc thù, mang tính cạnh tranh như: chuyển tiền đa tệ ghi có cho người hưởng bằng các loại ngoại tệ khác nhau ngay cả đồng tiền bản tệ, đồng tiền không tự do chuyển đổi với tỷ giá cạnh tranh; Ngoài ra, VietinBank có thể đảm bảo các khoản chuyển tiền ngoại tệ của khách hàng trước giờ cut-off time tới thị trường châu Á được ghi có cho ngân hàng hưởng nhanh nhất trong ngày giao dịch; VietinBank cũng cung cấp dịch vụ thanh toán biên mậu đồng Nhân dân tệ, Việt Nam đồng tại khu vực cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc. Với tỷ lệ điện xử lý tự động STP lên tới 99,93%, VietinBank là một trong số ít ngân hàng tại khu vực châu Á cũng như toàn cầu đạt được tỷ lệ “xuất sắc” này.
- **Kênh giao dịch TTTM qua Internet Banking (VietinBank Trade Portal):** VietinBank là NHTM Việt Nam đầu tiên phát triển thành công kênh TTTM qua Internet Banking. Khách hàng có thể gửi đề nghị thực hiện giao dịch TTTM, nhận kết quả giao dịch 24/7 trên hệ thống kết nối Internet.

Ngoài ra, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, VietinBank tiếp tục phát triển và triển khai đa dạng các sản phẩm khác, tích cực hợp tác với các ngân hàng quốc tế mang đến những giải pháp tốt nhất với chi phí hợp lý nhất cho khách hàng như tài trợ xuất khẩu, thư tín dụng theo chương trình hỗ trợ xuất khẩu nông sản Mỹ, tài trợ nhập khẩu theo các chương trình bảo lãnh tín dụng xuất khẩu (ECA), tài trợ chuỗi cung ứng, tài trợ nhà phân phối...

(e) Sản phẩm bảo lãnh

Vietinbank là ngân hàng hàng đầu trong việc cung cấp các sản phẩm bảo lãnh đến khách hàng như bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thanh toán, SBLC... Trong hành trình phát triển VietinBank luôn chú trọng vào nâng cao trải nghiệm khách hàng, không ngừng đổi mới sáng tạo tư vấn và cung cấp cho khách hàng các cấu trúc bảo lãnh phù hợp với đặc thù của từng khách hàng. Từ tháng 05/2024, VietinBank chính thức triển khai Phát hành Bảo lãnh Online nhằm rút ngắn thời gian Khách hàng cung cấp hồ sơ cũng như nhận kết quả giao dịch, thuận tiện trong giao dịch khi thực hiện hoàn toàn trên eFAST, giúp KH chủ động theo dõi tiến trình xử lý tại Ngân hàng.

(f) Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn

VietinBank cung cấp các SPDV đáp ứng nhanh chóng, kịp thời các nhu cầu giao dịch ngoại tệ đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro tỷ giá. Đồng thời, VietinBank đã triển khai hệ thống hỗ trợ mua bán ngoại tệ online (FX Online 24/7) trên kênh eFAST áp dụng cho đối tượng KHDN (bên cạnh các dịch vụ mua, bán, chuyển tiền ngoại tệ Online trên kênh VietinBank iPay dành cho đối tượng khách hàng cá nhân)- trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ hiện đại này, đáp ứng nhu cầu giao dịch hiệu quả, an toàn đi đầu trong xu hướng làm việc online mọi lúc (bao gồm cả nhu cầu giao dịch trong phiên, ngoài phiên, ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ...), tại nhà hoặc bất kỳ đâu mà không phụ thuộc vào vị trí, khoảng cách địa lý:

- Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: Với thế mạnh về nguồn vốn ngoại tệ cùng mạng lưới rộng trên toàn quốc, VietinBank sẵn sàng đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cả cạnh tranh đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá, qua đó tối ưu hóa lợi nhuận của doanh nghiệp.
 - Giao dịch ngoại tệ giao ngay: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Mua bán ngoại tệ để phục vụ cho thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Góp vốn liên doanh với nước ngoài; Đóng hội phí cho các tổ chức quốc tế, các giao dịch mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích được phép diễn hình như du học, chữa bệnh, du lịch, công tác,...
 - Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng bao gồm: Thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
 - Giao dịch ngoại tệ hoán đổi: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay được nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
 - Giao dịch ngoại tệ quyền chọn: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Xác định mức chi phí tối đa (quyền chọn mua) hay mức lãi tối thiểu (quyền chọn bán)...; Lựa chọn mức tỷ giá giúp tối đa hóa lợi ích; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ các biến động có lợi của tỷ giá.
 - Hoán đổi lãi suất: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Tái cơ cấu dòng tiền và cân đối nguồn tài sản nợ; Xác định trước chi phí phải sử dụng từ đó xây dựng kế hoạch tài chính và chủ động trong kinh doanh; Phòng ngừa rủi ro biến động lãi suất cho từng khoản nợ.
 - Hoán đổi tiền tệ chéo: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Phòng ngừa rủi ro biến động lãi suất và tỷ giá, đặc biệt trong trung và dài hạn; Kiểm soát hiệu quả các dòng lưu chuyển tiền tệ của mình; Giảm thiểu chi phí vốn hoặc chi phí cơ hội về lãi trên cơ sở nhận định tốt xu hướng thị trường.
- Dịch vụ ngân hàng đầu tư: VietinBank và thông qua các công ty con (công ty chứng khoán...)

cung cấp đa dạng các dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm giúp khách hàng đa dạng hóa kênh huy động vốn, tái cơ cấu tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh... phục vụ mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững.

- Tư vấn phát hành trái phiếu: Giúp doanh nghiệp huy động nguồn vốn trung và dài hạn phục vụ việc mở rộng hoạt động SXKD, đầu tư dự án mới, cơ cấu tình hình tài chính.
- Tư vấn phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng: Là dịch vụ tư vấn giúp tăng quy mô vốn hoạt động cho doanh nghiệp thông qua việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, đưa giá trị doanh nghiệp đến tiếp cận với giá trị thị trường.
- Tư vấn cổ phần hóa: Giúp khách hàng chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần, tận dụng các lợi thế của loại hình công ty cổ phần trong việc huy động vốn.
- Tư vấn niêm yết chứng khoán: Giúp khách hàng niêm yết cổ phiếu trên SGDCK tập trung, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của doanh nghiệp.
- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp: Tư vấn cho khách hàng trong quá trình xác định giá trị của doanh nghiệp dựa trên các phương pháp định giá như chiết khấu dòng tiền, chỉ số so sánh giá và phương pháp tài sản ròng.
- Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp: Tư vấn tìm kiếm và thực hiện giao dịch với đối tác tài chính/ đối tác chiến lược cung cấp vốn lẫn nâng lực điều hành quản trị nhằm nâng cao hiệu quả HĐKD và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

(g) Dịch vụ ngân hàng điện tử - VietinBank eFAST

VietinBank eFAST là dịch vụ ngân hàng điện tử do VietinBank cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet. Các tiện ích dịch vụ bao gồm: Quản lý tài khoản, Dịch vụ chuyển tiền, Dịch vụ thanh toán; Dịch vụ tiền gửi và tín dụng; Dịch vụ nộp NSNN; Báo cáo; Dịch vụ hỗ trợ và trợ giúp. Khách hàng còn có thể thực hiện được giao dịch với ngân hàng trên phần mềm kế toán hoặc Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) của khách hàng thông qua kết nối trực tiếp giữa hệ thống Khách hàng với ngân hàng.

(h) Dịch vụ thẻ

Với những ưu đãi hấp dẫn và tiện ích đa dạng, VietinBank mang tới những giải pháp thanh toán qua thẻ tối ưu nhất dành cho doanh nghiệp như thẻ tín dụng nội địa SME Business card, Thẻ tín dụng quốc tế Diner Club...

(i) Bảo hiểm nhân thọ

VietinBank đem đến những giải pháp bảo hiểm phù hợp và tối ưu nhất dành cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp.

(j) Bảo hiểm phi nhân thọ

VietinBank liên kết cùng Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp nhiều sản phẩm bảo hiểm đa dạng dành cho doanh nghiệp với chi phí hợp lý và nhiều giá trị gia tăng bao gồm: Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm hàng hóa; Bảo hiểm kỹ thuật; Bảo hiểm tàu thuyền; Bảo hiểm sức khỏe; Bảo hiểm trách nhiệm; Bảo hiểm hỗn hợp, Bảo an doanh nghiệp...

TỶ LỆ TỪNG LOẠI SPDV TRONG DOANH THU, LỢI NHUẬN TRONG 02 NĂM LIÊN TỤC LIÊN TRƯỚC NĂM ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN VÀ ĐẾN THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI

Các SPDV cốt lõi và truyền thống của Ngân hàng như: *cho vay khách hàng, hoạt động dịch vụ (bao gồm dịch vụ thanh toán, tư vấn, ủy thác, đại lý, ngân quỹ, bảo hiểm và khác); kinh doanh ngoại hối; mua bán chứng khoán kinh doanh; mua bán chứng khoán đầu tư...* là các SPDV đóng góp chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập thuần của VietinBank.

Chi tiết tỷ lệ từng loại SPDV trong tổng doanh thu và tổng thu nhập thuần của VietinBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, cụ thể như sau:

Tỷ lệ các SPDV trong Tổng doanh thu (Hợp nhất)

Chi tiêu	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	104.665	78,74%	132.672	81,43%	61.090	76,18%	92.015	75,90%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	11.549	8,69%	12.385	7,60%	6.270	7,82%	9.395	7,75%
Thu nhập từ HDKD ngoại hối	8.541	6,43%	10.198	6,26%	9.137	11,40%	11.561	9,54%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	123	0,09%	276	0,17%	57	0,07%	100	0,08%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	0,02%	29	0,02%	7	0,01%	7	0,00%
Thu nhập từ hoạt động khác	7.507	5,65%	7.080	4,35%	3.418	4,26%	7.795	6,43%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	512	0,39%	287	0,17%	210	0,26%	361	0,30%
Tổng cộng	132.926	100%	162.927	100%	80.189	100%	121.234	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Tỷ lệ các SPDV trong Tổng doanh thu (Công ty mẹ)

Chi tiêu	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	103.386	81,51%	130.963	83,48%	60.229	78,61%	90.721	78,11%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.382	6,61%	9.507	6,06%	4.582	5,98%	6.766	5,83%
Thu nhập từ HDKD ngoại hối	7.176	5,66%	8.751	5,58%	8.416	10,99%	10.812	9,31%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	9	0,01%	1	0,00%	1	0,00%	3	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	20	0,02%	29	0,02%	6	0,01%	6	0,00%
Thu nhập từ hoạt động khác	7.321	5,76%	7.000	4,46%	3.378	4,41%	7.788	6,71%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	540	0,43%	628	0,40%	3	0,00%	46	0,04%
Tổng cộng	126.834	100%	156.879	100%	76.615	100%	116.142	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Tỷ lệ các SPDV trong Thu nhập thuần (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	47.792	74,5%	52.957	75,1%	30.513	78,8%	46.091	76,0%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.862	9,1%	7.114	10,1%	3.665	9,5%	5.466	9,0%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	3.556	5,6%	4.248	6,0%	2.530	6,5%	3.139	5,2%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-112	-0,2%	293	0,4%	63	0,2%	79	0,1%
Lãi thuần/Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	-30	0,0%	-154	-0,2%	-140	-0,3%	-341	-0,5%
Lãi thuần từ hoạt động khác	6.538	10,2%	5.803	8,2%	1.865	4,8%	5.828	9,6%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	512	0,8%	287	0,4%	210	0,5%	361	0,6%
Tổng cộng	64.118	100%	70.548	100%	38.706	100%	60.623	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Tỷ lệ các SPDV trong Thu nhập thuần (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	46.850	75,2%	51.768	75,7%	29.877	80,8%	45.151	77,8%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.022	8,1%	5.908	8,7%	2.820	7,6%	4.069	7,0%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	3.581	5,7%	4.263	6,2%	2.503	6,8%	3.123	5,4%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-40	-0,1%	-4	0,0%	1	0,0%	2	0,0%
Lãi thuần/Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	-38	-0,1%	-19	0,0%	-105	-0,3%	-295	-0,5%
Lãi thuần từ hoạt động khác	6.423	10,3%	5.832	8,5%	1.882	5,1%	5.906	10,2%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	540	0,9%	628	0,9%	3	0,0%	46	0,1%
Tổng cộng	62.338	100%	68.376	100%	36.981	100%	58.002	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: () Số liệu năm 2022 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2023 được kiểm toán của VietinBank. VietinBank thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 được kiểm toán theo ý kiến của KTNN tại Công văn số 297/KTNN-TH ngày 29/12/2023 của KTNN.*

8.1.2. Huy động vốn

➤ Tình hình huy động vốn:

Theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, tổng giá trị huy động vốn của VietinBank tại 31/12/2022, đạt 1.550 nghìn tỷ đồng, tăng 13,54% so với cùng kỳ năm 2021.

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng giá trị huy động vốn (hợp nhất) của VietinBank đạt 1.831 nghìn tỷ đồng, tăng 18,1% so với thời điểm đầu năm 2022. Trong đó: Tiền gửi của khách hàng tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng, đạt 1.411 nghìn tỷ đồng, tăng 12,95% so với năm 2022; Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt 304 nghìn tỷ đồng, tăng 45,31% so với đầu năm; Số dư phát hành GTCG là 115 nghìn tỷ đồng, tăng 26,27% so với 2022.

Tại thời điểm 30/09/2024, tổng giá trị huy động vốn (hợp nhất) của VietinBank đạt hơn 1.947 nghìn tỷ đồng.

Tình hình huy động vốn của VietinBank (Hợp nhất) (Đơn vị: Tỷ đồng)



(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

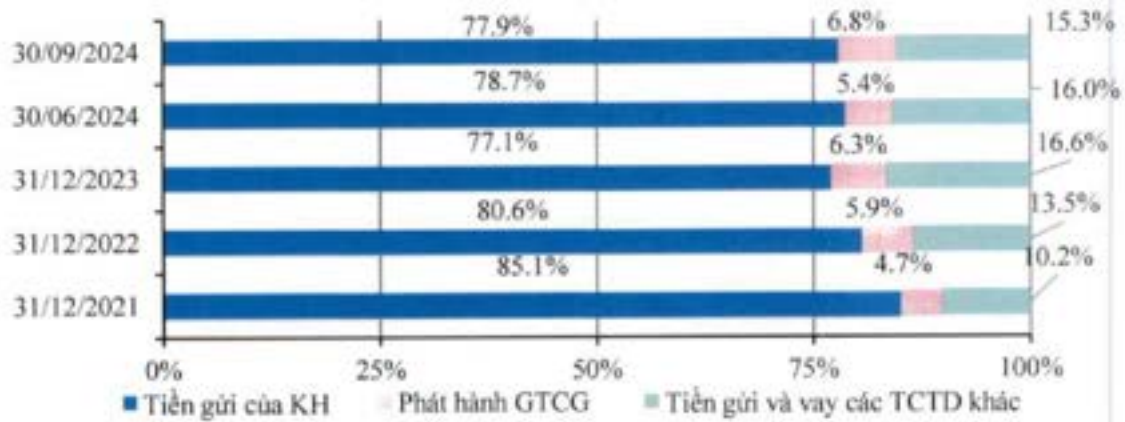
Tình hình huy động vốn của VietinBank (Công ty mẹ) (Đơn vị: Tỷ đồng)



(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

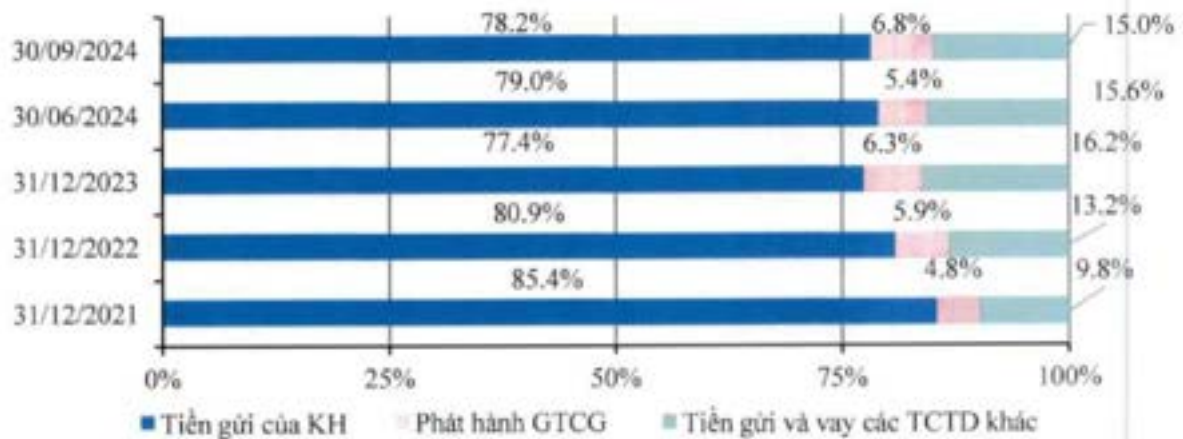
➤ **Cơ cấu nguồn vốn huy động:**

Cơ cấu huy động vốn của VietinBank (Hợp nhất)



((Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank))

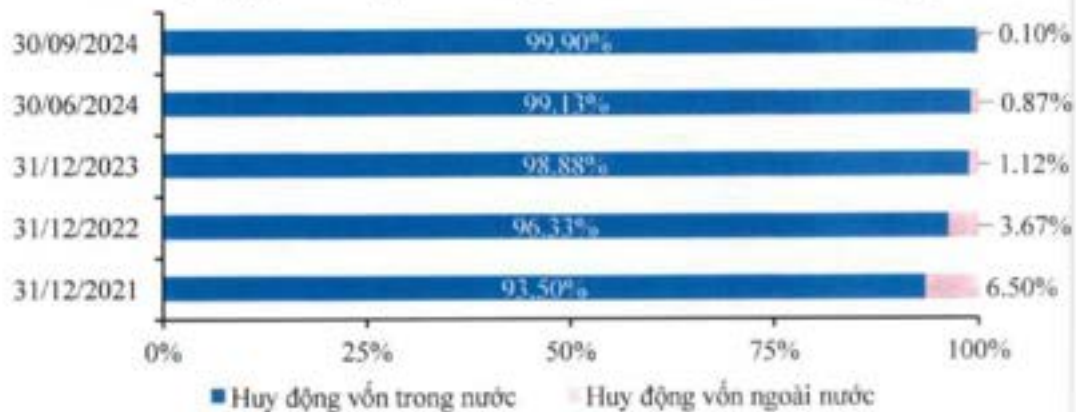
Cơ cấu huy động vốn của VietinBank (Công ty mẹ)



((Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank))

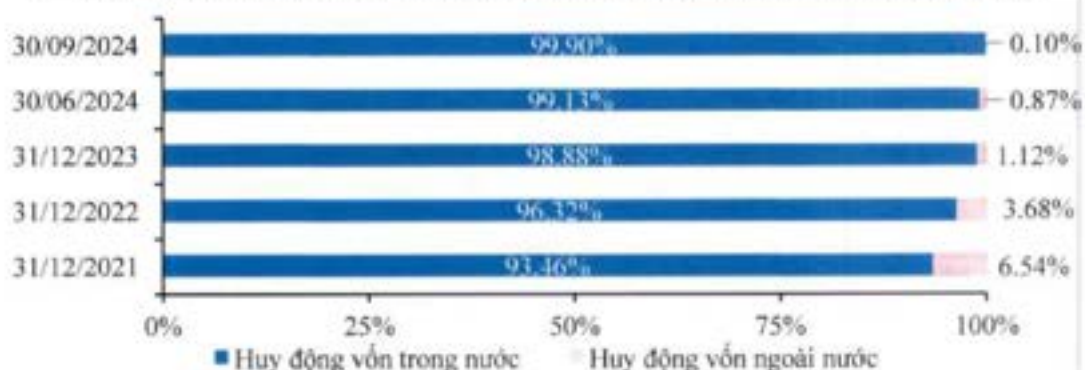
➤ **Cơ cấu nguồn vốn huy động trong nước và ngoài nước**

Cơ cấu huy động vốn trong nước và ngoài nước của VietinBank (Hợp nhất)



(Nguồn: VietinBank)

Cơ cấu huy động vốn trong nước và ngoài nước của VietinBank (Công ty mẹ)



(Nguồn: VietinBank)

8.1.3. Hoạt động tín dụng

➤ Tổng dư nợ cho vay

Theo số liệu hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022, tổng dư nợ cho vay khách hàng của VietinBank đạt 1.275 nghìn tỷ đồng, tăng 12,7% so với thời điểm cuối năm 2021. Tại thời điểm cuối năm 2023, tổng dư nợ cho vay khách hàng của VietinBank đạt 1.473 nghìn tỷ đồng, tăng 15,6% so với thời điểm cuối năm 2022.

Hết quý III/2024, tổng dư nợ cho vay theo số liệu hợp nhất đạt 1.605.381 tỷ đồng, tăng 8,96% so với đầu năm.

Hoạt động tín dụng của VietinBank tiếp tục tăng trưởng bền vững, phù hợp với diễn biến chung toàn ngành ngân hàng trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều biến động khó lường, hoạt động SXKD đang dần hồi phục nên nhu cầu tín dụng của nền kinh tế tăng cao.

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay của VietinBank (Hợp nhất)

Phân theo kỳ hạn	Tại 31/12/2022 (*)		Tại 31/12/2023		Tại 30/06/2024		Tại 30/09/2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	772.204	60,6%	961.733	65,3%	1.042.951	66,4%	1.062.692	66,2%
Nợ trung hạn	83.413	6,5%	86.854	5,9%	92.391	5,9%	92.398	5,8%
Nợ dài hạn	419.227	32,9%	424.757	28,8%	436.187	27,7%	450.291	28,0%
Tổng dư nợ cho vay	1.274.844	100%	1.473.344	100%	1.571.529	100%	1.605.381	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay của VietinBank (Công ty mẹ)

Phân theo kỳ hạn	Tại 31/12/2022 (*)		Tại 31/12/2023		Tại 30/06/2024		Tại 30/09/2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	768.842	60,8%	956.804	65,5%	1.037.975	66,6%	1.057.744	66,4%
Nợ trung hạn	78.960	6,3%	81.937	5,6%	87.548	5,6%	87.919	5,5%
Nợ dài hạn	416.397	32,9%	422.023	28,9%	433.082	27,8%	447.154	28,1%
Tổng dư nợ cho vay	1.264.199	100%	1.460.764	100%	1.558.605	100%	1.592.817	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

➤ *Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)*

Chất lượng tín dụng luôn được VietinBank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng cho kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng.

Tại 31/12/2022, tỷ lệ nợ xấu là 1,24%; tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 188,0%, tăng 7,6% so với cuối năm 2021. Tại 31/12/2023, tỷ lệ nợ xấu là 1,13%; tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 167,2%. VietinBank luôn chủ động nhận diện sớm các khoản nợ tiềm ẩn rủi ro và có biện pháp ứng xử tín dụng phù hợp để kiểm soát chất lượng nợ.

Trong năm 2024, nền kinh tế có nhiều biến động khó lường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các khách hàng vay vốn ngân hàng. Do đó, VietinBank tiếp tục tăng cường các biện pháp kiểm soát chất lượng tín dụng, đặt mục tiêu kiểm soát tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 1,8%. Hết quý III/2024, VietinBank vẫn tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp nhằm kiểm soát chất lượng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu (hợp nhất) là 1,45%, đảm bảo mục tiêu kiểm soát nợ xấu trong năm 2024 của VietinBank.

Chất lượng tín dụng và Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank (Hợp nhất)

Phân loại nợ	Tại 31/12/2022 (*)		Tại 31/12/2023		Tại 30/06/2024		Tại 30/09/2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.229.061	96,4%	1.433.907	97,3%	1.524.255	97,0%	1.559.071	97,1%
Nợ cần chú ý	29.959	2,3%	22.829	1,6%	22.629	1,4%	23.085	1,4%
Nợ dưới tiêu chuẩn	7.305	0,6%	2.508	0,2%	3.344	0,2%	9.823	0,6%
Nợ nghi ngờ	2.262	0,2%	4.721	0,3%	13.456	0,9%	7.342	0,5%
Nợ có khả năng mất vốn	6.257	0,5%	9.379	0,6%	7.845	0,5%	6.060	0,4%
Tổng dư nợ cho vay	1.274.844	100%	1.473.344	100%	1.571.529	100%	1.605.381	100%
Tỷ lệ nợ xấu	1,24%		1,13%		1,57%		1,45%	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Chất lượng tín dụng và Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank (Công ty mẹ)

Phân loại nợ	Tại 31/12/2022 (*)		Tại 31/12/2023		Tại 30/06/2024		Tại 30/09/2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.218.718	96,4%	1.421.724	97,3%	1.512.091	97,0%	1.547.102	97,1%
Nợ cần chú ý	29.748	2,3%	22.645	1,6%	22.348	1,4%	22.916	1,4%
Nợ dưới tiêu chuẩn	7.292	0,6%	2.482	0,2%	3.306	0,2%	9.696	0,6%
Nợ nghi ngờ	2.210	0,2%	4.692	0,3%	13.421	0,9%	7.277	0,5%
Nợ có khả năng mất vốn	6.231	0,5%	9.221	0,6%	7.439	0,5%	5.826	0,4%
Tổng dư nợ cho vay	1.264.199	100%	1.460.764	100%	1.558.605	100%	1.592.817	100%
Tỷ lệ nợ xấu	1,24%		1,12%		1,55%		1,43%	

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: (*) Số liệu tại thời điểm 31/12/2022 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2023 được kiểm toán của VietinBank. VietinBank thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 được kiểm toán theo ý kiến của KTNN tại Công văn số 297/KTNN-TH ngày 29/12/2023 của KTNN.

➤ **Tỷ lệ an toàn vốn (CAR):**

VietinBank luôn bảo đảm và đáp ứng các nguyên tắc về QTRR, cũng như tuân thủ đúng các quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và tỷ lệ an toàn vốn.

Tỷ lệ an toàn vốn của VietinBank (*)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2022	Tại 31/12/2023	Tại 30/06/2024	Tại 30/09/2024
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Hợp nhất	8,99%	9,31%	9,54%	9,85%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Công ty mẹ	8,91%	9,28%	9,50%	9,79%

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú: (*) Kể từ ngày 01/01/2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (tối thiểu là 8%).

➤ **Rủi ro lãi suất và việc phân loại, trích lập DPRR tín dụng**

Rủi ro lãi suất được VietinBank thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Ngân hàng áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động của thị trường...

Đối với việc phân loại nợ và trích lập DPRR tín dụng:

VietinBank tuân thủ và thực hiện theo quy định của NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập DPRR và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, VietinBank chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng. Với các biện pháp quản lý các khoản nợ

sát sao, đa dạng các ứng xử tín dụng, chất lượng nợ của VietinBank luôn được duy trì ở mức tốt trong các năm qua.

Việc trích lập DPRR tín dụng (bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể) được thực hiện theo quy định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

Số dư quỹ DPRR cho vay khách hàng của VietinBank

Khoản mục (Đơn vị: Tỷ đồng)	Hợp nhất				Công ty mẹ			
	31/12/2022 (*)	31/12/2023	30/06/2024	30/09/2024	31/12/2022 (*)	31/12/2023	30/06/2024	30/09/2024
Dự phòng chung	9.423	10.953	11.723	11.988	9.346	10.860	11.632	11.898
Dự phòng cụ thể	19.990	16.820	16.317	23.549	19.845	16.639	15.928	23.333
Tổng cộng	29.413	27.773	28.040	35.537	29.191	27.499	27.560	35.231

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất và riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất và riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: (*) Số liệu tại thời điểm 31/12/2022 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2023 được kiểm toán của VietinBank. VietinBank thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 được kiểm toán theo ý kiến của KTNN tại Công văn số 297/KTNN-TH ngày 29/12/2023 của KTNN.

8.1.4. HĐKD ngoại tệ và thanh toán

a) HĐKD ngoại tệ

HĐKD ngoại tệ của VietinBank tập trung mạnh với trọng tâm là công tác phát triển khách hàng và đa dạng hóa sản phẩm và các loại ngoại tệ giao dịch với khách hàng nhằm khai thác tối đa tệp khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới trên tất cả các phân khúc. Bên cạnh đó, VietinBank đặc biệt chú trọng đến phân khúc khách hàng FDI, SME cũng như các giao dịch mua bán sáp nhập (M&A), các giao dịch thoái vốn, bán vốn cho nhà đầu tư nước ngoài.

Năm 2022, lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ theo kết quả hợp nhất đạt 3.556 tỷ đồng, tăng 96,25% so với cùng kỳ năm 2021. Năm 2023, lãi thuần từ kinh doanh ngoại tệ theo số liệu hợp nhất năm 2023 đạt 4.248 tỷ đồng, tăng 19,46% so với năm 2022.

9 tháng đầu năm 2024, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ theo số liệu hợp nhất của Ngân hàng đạt 3.139 tỷ đồng.

Kết quả HĐKD ngoại tệ

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với 2021	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2022	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với cùng kỳ 2023	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với cùng kỳ 2023
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Hợp nhất)	3.556	96,25%	4.248	19,46%	2.530	7,71%	3.139	-9,93%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Công ty mẹ)	3.581	89,87%	4.263	19,04%	2.503	5,79%	3.123	-10,82%

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất và riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất và riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

b) Hoạt động thanh toán

(i) Hoạt động thanh toán trong nước

Năm 2022, số lượng giao dịch thanh toán trong nước đạt 1.331,38 triệu giao dịch, tăng 83,93% so

với năm 2021; doanh số thanh toán đạt 49.458 nghìn tỷ đồng, tăng 14,94% so với năm 2021.

Năm 2023, số lượng giao dịch thanh toán trong nước đạt 2.162,55 triệu giao dịch, tăng 62,43% so với năm 2022; doanh số thanh toán đạt 54.533 nghìn tỷ đồng, tăng 10,26% so với năm 2022.

Số lượng giao dịch 09 tháng đầu năm 2024 đạt 2.348,66 triệu giao dịch, tăng 56,98% so với cùng kỳ năm 2023; doanh số thanh toán đạt 46.802,95 nghìn tỷ đồng, tăng 20,88% so với cùng kỳ năm 2023.

Kết quả hoạt động thanh toán trong nước

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2021	Giá trị	% tăng/giảm so với 2022	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ 2023	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ 2023
Số lượng giao dịch (triệu giao dịch)	1.331,38	83,93%	2.162,55	62,43%	1.480,44	60,59%	2.348,66	56,98%
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	49.458	14,94%	54.533	10,26%	31.074	20,63%	46.802,95	20,88%

(Nguồn: VietinBank)

VietinBank đẩy mạnh triển khai SPDV thanh toán cho tất cả các phân khúc khách hàng, trong đó chú trọng đến các giải pháp thanh toán điện tử cung ứng cho khách hàng sử dụng dịch vụ như thanh toán qua Mobile App, QR code..., triển khai kết nối hệ thống thanh toán với các NHTM, các trung gian thanh toán, các công ty công nghệ, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán bằng các phương thức hiện đại như Giao diện lập trình ứng dụng (API), áp dụng chuẩn quốc tế ISO 20022 trong trao đổi dữ liệu điện tử.

(ii) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

VietinBank luôn nỗ lực thúc đẩy phát triển sản phẩm mới về TTQT, TTTM thông qua thiết kế, cải tiến, cung cấp các sản phẩm chuyên biệt cho từng ngành hàng/đối tượng khách hàng và nâng cấp hệ thống kỹ thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

❖ Về hoạt động Tài trợ thương mại

VietinBank luôn nỗ lực thúc đẩy phát triển sản phẩm về TTTM thông qua thiết kế, cải tiến, cung cấp các sản phẩm chuyên biệt cho từng ngành hàng/đối tượng khách hàng và nâng cấp hệ thống kỹ thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Năm 2023, doanh số thanh toán TTTM đạt 21.560,40 triệu USD, tăng 1,3% so với năm 2022; số lượng giao dịch thanh toán TTTM là 67.552 giao dịch, tăng 2% so với năm 2022.

09 tháng đầu năm 2024, doanh số thanh toán TTTM của VietinBank đạt 15.695,90 triệu USD, giảm 3,6% so với cùng kỳ năm 2023; số lượng giao dịch thanh toán TTTM đạt 53.398 giao dịch, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2023.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Kết quả hoạt động tài trợ thương mại

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2021	Giá trị	% tăng/giảm so với 2022	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ 2023
Số lượng giao dịch thanh toán TTTM	66.221	6,1%	67.552	2%	53.398	6,6%
Doanh số thanh toán TTTM (triệu USD)	21.288,66	28,1%	21.560,40	1,3%	15.695,90	3,6%

(Nguồn: VietinBank)

❖ Về hoạt động Thanh toán quốc tế:

Năm 2022, doanh số thanh toán quốc tế đạt 72.180,60 triệu USD, tăng 17,12% so với năm 2021; số lượng giao dịch thanh toán đạt 507.877 giao dịch, tăng 9,45% so với năm 2021.

Năm 2023, doanh số thanh toán quốc tế đạt 91.247,99 triệu USD, tăng 26,42% so với năm 2022; số lượng giao dịch thanh toán đạt 585.541 giao dịch, tăng 15,29% so với năm 2022.

09 tháng đầu năm 2024, doanh số thanh toán quốc tế đạt 111.704,58 triệu USD, tăng 71,67% so với cùng kỳ năm 2023; số lượng giao dịch thanh toán đạt 488.588 giao dịch, tăng 14,18% so với cùng kỳ năm 2023.

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2021	Giá trị	% tăng/giảm so với 2022	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ 2023	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ 2023
Số lượng giao dịch	507.877	9,45%	585.541	15,29%	318.335	15,94%	488.588	14,18%
Doanh số thanh toán (triệu USD)	72.180,60	17,12%	91.247,99	26,42%	75.885,73	92,98%	111.704,58	71,67%

(Nguồn: VietinBank)

8.1.5. Hoạt động đầu tư

Bên cạnh hoạt động tín dụng và nguồn vốn, VietinBank chú trọng đa dạng hóa SPDV, phát triển sản phẩm đầu tư hiện đại, giữ vững vai trò là ngân hàng tạo lập thị trường. VietinBank không ngừng đa dạng hóa HDKD, đầu tư và đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm phái sinh lãi suất, tiền tệ. Danh mục đầu tư liên tục được điều chỉnh theo hướng tăng khả năng sinh lời, đảm bảo dự trữ thanh khoản cho toàn hệ thống và nâng cao vai trò, vị thế của VietinBank trên thị trường.

Theo số liệu năm 2022 được điều chỉnh tại BCTC hợp nhất năm 2023 được kiểm toán, danh mục đầu tư của VietinBank tại thời điểm 31/12/2022 duy trì với quy mô bằng 23,6% tổng tài sản, tương ứng với giá trị là 428 nghìn tỷ đồng. Đến 31/12/2023, tỷ lệ danh mục đầu tư trên tổng tài sản hợp nhất là 23%, tương ứng với giá trị là khoảng 467 nghìn tỷ đồng; tăng 9,2% so với thời điểm cuối năm 2022.

Tại thời điểm 30/09/2024, tổng danh mục đầu tư (hợp nhất) của VietinBank là hơn 566 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 25,40% tổng tài sản.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Báo Bạch]

Cơ cấu danh mục đầu tư của VietinBank (Hợp nhất)

Danh mục đầu tư (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tại 31/12/2022 (*)		Tại 31/12/2023		Tại 30/06/2024		Tại 30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	242.432	56,7%	279.842	59,9%	351.234	67,9%	378.232	66,8%
Tiền gửi tại các TCTD khác	222.455		259.230		334.405		367.173	
Cho vay các TCTD khác	19.977		20.612		16.829		11.059	
2. Chứng khoán kinh doanh	1.406	0,3%	2.488	0,5%	2.259	0,5%	3.234	0,6%
Chứng khoán kinh doanh	1.623		2.676		2.440		3.418	
DPRR chứng khoán kinh doanh	-217		-188		-181		-184	
3. Chứng khoán đầu tư	180.313	42,2%	181.210	38,8%	159.855	30,9%	181.056	32,0%
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	178.685		180.595		149.246		159.436	
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.697		865		11.003		22.216	
DPRR chứng khoán đầu tư	-69		-250		-394		-596	
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.519	0,8%	3.426	0,8%	3.744	0,7%	3.762	0,6%
Góp vốn liên doanh	3.303		3.206		3.524		3.542	
Đầu tư dài hạn khác	234		234		234		234	
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-18		-14		-14		-14	
Tổng cộng	427.670	100%	466.966	100%	517.092	100%	566.284	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Cơ cấu danh mục đầu tư của VietinBank (Công ty mẹ)

Danh mục đầu tư (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tại 31/12/2022 (*)		Tại 31/12/2023		Tại 30/06/2024		Tại 30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	241.389	56,8%	276.784	60,1%	347.111	68,2%	374.300	67,1%
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	223.982		260.206		334.751		368.056	
Cho vay các TCTD khác	17.407		16.578		12.360		6.244	
2. Chứng khoán kinh doanh	0	0,0%	63	0,0%	0	0,0%	497	0,1%
Chứng khoán kinh doanh	0		63		0		497	
DPRR chứng khoán kinh doanh	0		0		0		0	
3. Chứng khoán đầu tư	177.796	41,9%	177.771	38,6%	155.983	30,7%	177.152	31,8%
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	176.271		177.091		145.413		155.772	
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.587		787		10.787		21.787	
DPRR chứng khoán đầu tư	-62		-107		-217		-407	
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	5.552	1,3%	5.836	1,3%	5.836	1,1%	5.836	1,0%
Đầu tư vào công ty con	3.840		4.124		4.124		4.124	
Vốn góp liên doanh	1.689		1.689		1.689		1.689	
Đầu tư dài hạn khác	23		23		23		23	
Tổng cộng	424.737	100%	460.454	100%	508.930	100%	557.785	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: (*) Số liệu tại thời điểm 31/12/2022 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2023 được kiểm toán của VietinBank. VietinBank thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 được kiểm toán theo ý kiến của KTNN tại Công văn số 297/KTNN-TH ngày 29/12/2023

8.1.6. Hoạt động ngân hàng đại lý

VietinBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng mọi nhu cầu giao dịch ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn và hiệu quả. Hiện tại VietinBank có quan hệ đại lý với trên 1.000 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tại mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ, VietinBank luôn đặt quan hệ đại lý với các ngân hàng hàng đầu và có uy tín tốt (nổi bật như tại khu vực Bắc Mỹ là 49 ngân hàng, bao gồm JPMorgan Chase Bank, N.A, Citibank N.A., Bank of America, N.A., The Bank of Nova Scotia, Bank of Montreal; tại khu vực Châu Âu là 194 ngân hàng bao gồm BNP Paribas SA, Credit Agricole SA, Deutsche Bank AG, Commerzbank AG, HSBC Bank plc, Standard Chartered Bank, Intesa Sanpaolo SpA, UniCredit SpA,; tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương là 197 ngân hàng bao gồm Industrial & Commercial Bank of China Limited, Agricultural Bank of China Limited, China Construction Bank Corporation, MUFG Bank Ltd., Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Mizuho Bank Ltd, Kookmin Bank, Shinhan Bank, KEB Hana Bank, Australia and New Zealand Banking Group Limited, ...; khu vực Trung Đông là 25 ngân hàng bao gồm First Abu Dhabi Bank PJSC, Emirates NBD Bank PJSC, Abu Dhabi Commercial Bank PJSC, Qatar National Bank,). Lĩnh vực và phạm vi hợp tác bao gồm tài trợ thương mại, kinh doanh vốn và thị trường vốn, thanh toán chuyển tiền, tư vấn, đào tạo, ...

Trong thời gian tới, chiến lược của Vietinbank đối với hoạt động ngân hàng đại lý là tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng cường huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán SPDV của VietinBank để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

8.2. Tài sản

Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của VietinBank (Hợp nhất)

T	Tên tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)	Tại 31/12/2022 (*)		Tại 31/12/2023		Tại 30/06/2024		Tại 30/09/2024	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TSCD hữu hình	16.191	6.048	16.642	6.133	16.701	5.870	16.772	5.781
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.192	5.120	8.414	5.007	8.437	4.877	8.448	4.813
2	Máy móc thiết bị	5.777	428	5.804	556	5.800	468	5.863	479
3	Phương tiện vận tải	1.817	444	1.971	487	1.993	452	1.989	423
4	TSCD hữu hình khác	405	56	453	83	471	73	472	66
II	TSCD vô hình	6.779	4.156	6.804	3.992	6.837	3.894	6.844	3.843
1	Quyền sử dụng đất	4.114	3.655	4.120	3.622	4.151	3.633	4.151	3.621
2	TSCD vô hình khác	2.665	501	2.684	370	2.686	261	2.693	222
	Tổng cộng	22.970	10.204	23.446	10.125	23.538	9.764	23.616	9.624

(Nguồn VietinBank)

Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của VietinBank (Công ty mẹ)

T T	Tên tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)	Tại 31/12/2022 (*)		Tại 31/12/2023		Tại 30/06/2024		Tại 30/09/2024	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	15.880	5.902	16.305	5.977	16.369	5.725	16.442	5.639
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.078	5.027	8.309	4.925	8.334	4.801	8.348	4.739
2	Máy móc thiết bị	5.692	416	5.705	532	5.713	449	5.776	460
3	Phương tiện vận tải	1.708	403	1.852	446	1.877	413	1.871	384
4	TSCĐ hữu hình khác	402	56	439	74	445	62	447	56
II	TSCĐ vô hình	6.643	4.077	6.665	3.918	6.665	3.790	6.672	3.741
1	Quyền sử dụng đất	4.042	3.592	4.050	3.562	4.048	3.540	4.048	3.529
2	TSCĐ vô hình khác	2.601	485	2.615	356	2.617	250	2.624	212
	Tổng cộng	22.523	9.979	22.970	9.895	23.034	9.515	23.114	9.380

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú: () Số liệu tại thời điểm 31/12/2022 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2023 được kiểm toán của VietinBank. VietinBank thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 được kiểm toán theo ý kiến của KTNN tại Công văn số 297/KTNN-TH ngày 29/12/2023 của KTNN.*

8.3. Quản lý rủi ro (QLRR) và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách QLRR đang áp dụng

a. Chính sách QLRR tín dụng:

VietinBank định hướng nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nợ đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiệu quả. Để đạt được mục tiêu trên, VietinBank sẽ tiếp tục nỗ lực chủ động rà soát, kiểm soát chất lượng tín dụng, **triển khai đồng bộ công tác quản lý rủi ro tín dụng trên cả cấp độ danh mục và cấp độ giao dịch**. Theo đó:

- **Tại cấp độ danh mục:** bên cạnh việc thiết lập hạn mức rủi ro và định hướng tín dụng hàng năm, VietinBank thường xuyên thực hiện giám sát danh mục tín dụng, cảnh báo sớm các khách hàng có dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro (thông qua Hệ thống cảnh báo sớm, công tác giám sát từ xa và kiểm tra trực tiếp), tăng cường cấp tín dụng có bảo đảm bằng tài sản.
- **Tại cấp độ giao dịch:** VietinBank chú trọng công tác thẩm định, sàng lọc kỹ khách hàng, tăng cường quản lý giám sát, kiểm soát dòng tiền, chất lượng tài sản và theo sát diễn biến hoạt động của khách hàng để triển khai các biện pháp ứng xử phù hợp, kịp thời, hạn chế tối đa tác động lên chất lượng nợ của Ngân hàng.

b. Chính sách QLRR hoạt động:

VietinBank thực hiện việc áp dụng các thông lệ quốc tế về QTRR hoạt động thông qua một số công cụ như (i) tự đánh giá rủi ro và biện pháp kiểm soát (RCSA); (ii) chỉ số rủi ro chính (KRI); (iii) thu thập và quản lý sự kiện rủi ro hoạt động (LDC) và (iv) sử dụng các phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập.

VietinBank xây dựng chính sách và hướng dẫn cho công tác QLRR hoạt động nhằm đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN như hạn mức rủi ro hoạt động (bao gồm hạn mức về tổn thất tài chính và phi tài chính); QLRR trong ứng dụng công nghệ, hoạt động thuê ngoài, đảm bảo kinh doanh liên tục (BCP). VietinBank liên tục đẩy mạnh và nâng cao nhận thức, văn hóa QLRR hoạt động trên toàn hệ thống thông qua việc chủ động tổ chức các lớp đào tạo chuyên

sâu rủi ro hoạt động, cũng như các cuộc thi nội bộ để tạo ra những làn sóng đổi mới, khơi gợi ý tưởng, sáng kiến cải tiến, QTRR. Đồng thời, VietinBank tiếp tục chú trọng đào tạo, xây dựng và tuyển dụng một đội ngũ cán bộ triển khai QLRR hoạt động chủ chốt có kinh nghiệm, có năng lực.

Việc QLRR hoạt động tại VietinBank được vận hành theo mô hình 03 tuyến bảo vệ, quy định rõ ràng vai trò cũng như trách nhiệm của từng đơn vị thuộc mỗi tuyến bảo vệ. Trên thực tế, các đơn vị thuộc các tuyến bảo vệ phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện công tác QLRR hoạt động một cách xuyên suốt từ Trụ sở chính tới Chi nhánh và toàn diện ở tất cả các HDKD, nghiệp vụ, phát huy tốt hiệu quả mô hình 3 tuyến bảo vệ, đảm bảo HDKD đúng định hướng, an toàn và tuân thủ quy định pháp luật.

c. Chính sách QLRR thị trường

VietinBank xây dựng chiến lược QLRR thị trường nhằm thiết lập mục tiêu kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động phát sinh rủi ro thị trường, các biện pháp kiểm soát phù hợp năng lực QLRR thị trường gắn với chiến lược kinh doanh trung và dài hạn của VietinBank, đảm bảo HDKD phát triển an toàn, bền vững, tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, cam kết với đối tác chiến lược.

Tất cả các rủi ro thị trường phát sinh được quản lý tập trung tại Trụ sở chính VietinBank theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Phòng Kinh doanh vốn đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ nhất, chủ động nhận dạng, kiểm soát trạng thái rủi ro thị trường, thiết lập các chốt kiểm soát và giám sát tại đơn vị mình, đảm bảo tuân thủ các hạn mức, khẩu vị rủi ro thị trường. Phòng QLRR thị trường đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ 2, thực hiện chức năng kiểm soát rủi ro thị trường một cách độc lập thông qua thiết lập các văn bản chính sách và xây dựng mô hình đo lường rủi ro, đồng thời báo cáo trực tiếp cho Phó TGD phụ trách/Giám đốc Khối QLRR và độc lập với đơn vị Kinh doanh vốn & Thị trường. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng tuyến bảo vệ thứ ba, kiểm toán tại các đơn vị thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai, đảm bảo kiểm tra, giám sát rủi ro thị trường một cách độc lập, hiệu quả.

VietinBank đã xây dựng hệ thống chính sách, quy định về QLRR thị trường, trong đó QLRR tập trung trong giao dịch tự doanh đầy đủ, đồng bộ các bước nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro, định kỳ được rà soát, cập nhật kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu HDKD thực tế, phù hợp với thông lệ quốc tế (Basel II, Basel III) và các yêu cầu của cơ quan quản lý.

Mục tiêu của việc kiểm soát rủi ro thị trường là quản lý mức độ tổn thất của VietinBank trước các biến động có thể xảy ra của các yếu tố rủi ro thị trường (tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, giá cổ phiếu, mức độ tập trung giao dịch tự doanh). VietinBank thực hiện kiểm soát rủi ro thị trường thông qua việc thiết lập, cập nhật, duy trì và quản lý, giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro thị trường và hạn mức rủi ro thị trường thông qua các chỉ số đo lường như: lãi/lỗ, trạng thái, giá trị chịu rủi ro (VaR), chỉ số đo lường độ nhạy với lãi suất (PV01), hạn mức trạng thái/số dư đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đối tác giao dịch thuộc danh mục tự doanh có rủi ro tập trung; mức tổn thất trong điều kiện căng thẳng (Stress loss); tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường; thực hiện kiểm định mô hình (test hệ thống, xác thực giá độc lập, backtesting).

d. Chính sách QLRR lãi suất trên Sổ Ngân hàng

VietinBank đã thiết lập hệ thống quy định, quy trình và hạn mức kiểm soát rủi ro lãi suất (RRLS) trên Sổ Ngân hàng đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý và theo thông lệ Basel II. Công tác quản lý RRLS trên Sổ Ngân hàng được triển khai thông qua mô hình 3 tuyến bảo vệ nhằm đảm bảo sự chuyên sâu, toàn diện, mang tính hệ thống và phù hợp với thông lệ thị trường. VietinBank áp dụng bộ công cụ quản lý RRLS theo các chỉ số về (i) trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap), (ii) tác động thay đổi lãi suất đến thu nhập lãi thuần (Delta NII) và/hoặc giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (Delta EVE). VietinBank đã triển khai hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ (FTP) cho phép quản lý tập trung trạng thái RRLS tại Trụ sở chính Vietinbank, cung cấp tự động các báo cáo đo lường chỉ số, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất... nhằm kiểm soát RRLS trong phạm vi cho phép, đưa ra các biện pháp phòng ngừa và xây dựng các chính sách lãi suất phù hợp. Ở cấp độ giao dịch, tất cả các hợp đồng tín dụng của VietinBank đều phải có các điều khoản phòng ngừa RRLS để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến

động bất thường của thị trường; lãi suất cho vay phải được xây dựng dựa trên cơ sở phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng.

e. Chính sách quản lý, bảo đảm hệ số an toàn vốn:

VietinBank đã ban hành quy định và quy trình quản lý vốn tự có và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn trong hệ thống VietinBank bao gồm (i) các nguyên tắc, chính sách quản lý vốn tự có; (ii) quy trình cụ thể nhằm xác định vốn mục tiêu và lập kế hoạch vốn; (iii) giám sát và báo cáo về vốn và tỷ lệ CAR; (iv) trách nhiệm và quyền hạn các bên liên quan; đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, cam kết với các đối tác và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Hàng năm, kế hoạch vốn được xây dựng trên cơ sở dự kiến về các biện pháp tăng vốn tự có và kiểm soát tài sản có rủi ro, từ đó làm cơ sở xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong từng giai đoạn. Định kỳ, kế hoạch vốn được rà soát, cập nhật nhằm phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tuân thủ, đồng thời tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

Về hệ thống, VietinBank đã xây dựng hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn tự động trên nền tảng các dữ liệu nguồn của Ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Vốn và tỷ lệ an toàn vốn được định kỳ giám sát, dự báo và báo cáo Ban Điều hành, các Hội đồng nhằm kiểm soát, đảm bảo tuân thủ theo quy định.

8.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Trong năm 2022, trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 cũng như ảnh hưởng của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine đã tác động tiêu cực đến đời sống và hoạt động SXKD của người dân và doanh nghiệp trên cả nước, VietinBank đã triển khai rất quyết liệt nhiều biện pháp kiểm soát chất lượng nợ, chủ động nhận diện sớm các ngành/lĩnh vực/khách hàng tiềm ẩn rủi ro để phân luồng giải pháp thu hồi xử lý nợ kịp thời, giảm tổn thất cho ngân hàng. Bên cạnh đó, VietinBank tích cực triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng phù hợp, thiết thực, kịp thời như cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ theo các văn bản hướng dẫn của NHNN, chủ động cắt giảm lợi nhuận từ giảm lãi suất cho vay và phí dịch vụ, đưa ra các gói giải pháp hỗ trợ giúp khách hàng khắc phục khó khăn, phục hồi và phát triển HĐKD. Công tác trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được triển khai tuân thủ quy định của pháp luật và NHNN. Nhờ vậy, tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2022 đã được kiểm soát ở mức 1,24%, tuân thủ hạn mức NHNN và ĐHDCĐ giao. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu được cải thiện tích cực ở mức 188%, tiếp tục được cải thiện so với cuối năm 2021 (180,4%).

Sang năm 2023, VietinBank đã liên tục nâng cấp và hoàn thiện, gia tăng tiện ích và tăng cường các giải pháp ngân hàng trên kênh điện tử để cung cấp một cách nhanh chóng, thuận tiện, đa tiện ích và bảo đảm an toàn, bảo mật cho các khách hàng, tăng mức độ tiếp cận và bao phủ về dịch vụ tài chính ngân hàng cho doanh nghiệp và người dân. VietinBank tiếp tục phát triển mạnh các giải pháp ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, bảo mật, đẩy mạnh chuyên dịch kênh thông qua đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng từ quản lý tài khoản, mở thẻ trực tuyến, cho vay thấu chi online, thanh toán với hệ sinh thái đa dạng cho tới các dịch vụ tiện ích như tài khoản số đẹp, biệt danh tài khoản (Alias)... Triển khai nền tảng ngân hàng số eFAST mới cho gần 70% khách hàng tổ chức của VietinBank, tích hợp toàn bộ các sản phẩm ngân hàng giao dịch như thanh toán, quản lý khoản phải thu/phải trả, quản lý thanh khoản, tài trợ thương mại, tài trợ chuỗi cung ứng... Mở rộng hệ sinh thái, tiến tới Ngân hàng mở, cung cấp dịch vụ kết nối ERP doanh nghiệp, mở tài khoản, mở thẻ của VietinBank trên ứng dụng của Grab, Shopee, Sendo... VietinBank triển khai phân tích dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo, học máy trong phân tích và xử lý dữ liệu, giúp ích cho công tác quản trị điều hành và hoạch định kinh doanh. Trong năm, VietinBank triển khai hệ thống hóa đơn điện tử (e-Invoice) và ứng dụng các giải pháp số hóa trong công tác vận hành như Chatbox 4.0 – Trợ lý ảo thông minh LUNA, Số điện tử, Chữ ký số, tự động hóa quy trình... giúp tiết giảm chi phí hoạt động và nâng cao năng lực thực thi nhanh.

Bên cạnh đó, việc hoàn tất việc tăng VDL vào thời điểm cuối năm 2023 để tăng vốn điều lệ VietinBank từ 48,058 nghìn tỷ đồng lên 53,7 nghìn tỷ đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2020 (tỷ lệ

phát hành: 11,7415%) đã tạo tiền đề để VietinBank nâng cao năng lực tài chính, tiếp tục mở rộng HDKD, tăng cường khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế; đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn, nâng cao năng lực QTRR, tạo đà tăng trưởng bền vững của VietinBank. Đồng thời, với dòng vốn được khơi thông, VietinBank có thể chủ động phát huy tối đa vị thế, tiềm năng, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ hiện đại, phát triển dịch vụ, kiện toàn mạng lưới, góp phần gia tăng lợi ích cho khách hàng, thúc đẩy kinh tế - xã hội đất nước cũng như nâng cao giá trị cho cổ đông.

Tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2023 đã được kiểm soát ở mức 1,13%, tuân thủ hạn mức NHNN và DHDCD giao. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu duy trì ở mức cao (167,2%), tiếp tục củng cố đệm dự phòng tài chính cho hoạt động của VietinBank để sẵn sàng ứng phó với các biến động kinh tế có thể xảy ra cũng như công tác chuyển đổi báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang chuẩn mực quốc tế (IFRS).

Đến hết quý III/2024, tỷ lệ nợ xấu của VietinBank ở mức 1,45%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu là 153%, đảm bảo tuân thủ hạn mức NHNN và DHDCD thường niên 2024 đã giao. Trong thời gian tới, VietinBank sẽ tiếp tục đầu tư nguồn lực để triển khai, nâng cấp các ứng dụng, công cụ, mô hình quản lý rủi ro để giám sát, đo lường đưa ra các cảnh báo kịp thời để đảm bảo luôn tuân thủ hạn mức theo quy định.

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện:

- **Mạng lưới trong nước:** Tính đến ngày ký Bản Cáo Bạch này, VietinBank có 155 Chi nhánh trong nước; 955 phòng giao dịch trải khắp trên 63 tỉnh thành. Ngoài ra, VietinBank còn có 02 văn phòng đại diện đặt tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Mạng lưới quốc tế:** Tính đến ngày ký Bản Cáo Bạch này, VietinBank có 02 Chi nhánh hoạt động tại Đức, 01 ngân hàng con hoạt động tại Lào và 01 Văn phòng đại diện đặt tại Myanmar.

8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

- **Mạng lưới khách hàng:** Tính đến thời điểm 30/09/2024, mạng lưới khách hàng của VietinBank phân loại theo từng đối tượng khách hàng gồm có:
 - ✓ **KHDN lớn:** bao gồm 11.989 khách hàng, chiếm 4% tổng số KHDN và tăng 7% so với đầu năm 2024. Theo địa bàn hoạt động, số lượng khách hàng tại miền Bắc là 5.582 (chiếm 47%), miền Trung là 1.762 (chiếm 15%) và miền Nam là 4.645 (chiếm 38%).
 - ✓ **KHDN nhỏ và vừa:** gồm có 260.750 khách hàng, chiếm 93% tổng số KHDN và tăng 2% so với đầu năm 2024. Phân theo địa bàn hoạt động: miền Bắc có 121.770 khách hàng (chiếm 47%), miền Trung có 48.556 khách hàng (chiếm 19%) và miền Nam có 90.424 khách hàng (chiếm 34%).
 - ✓ **KHDN FDI:** bao gồm 6.014 khách hàng, chiếm 2% tổng số KHDN và tăng 10% so với đầu năm 2024. Theo địa bàn hoạt động: miền Bắc có 2.985 khách hàng (chiếm 50%), miền Trung có 505 khách hàng (chiếm 8%) và miền Nam có 2.524 khách hàng (chiếm 42%).
 - ✓ **Khách hàng Định chế tài chính ("DCTC"):** VietinBank thiết lập và mở rộng quan hệ với 287 khách hàng DCTC, bao gồm:
 - 172 khách hàng DCTC là TCTD; trong đó: có 53 TCTD trong nước (gồm 46 NHTM, 5 công ty tài chính và 2 tổ chức tài chính vi mô) và 114 NHTM nước ngoài và 05 công ty tài chính nước ngoài.
 - 113 khách hàng DCTC phi TCTD; trong đó: có 45 công ty bảo hiểm (gồm 25 công ty trong nước và 20 công ty nước ngoài) và 68 công ty chứng khoán (55 công ty trong nước và 13 công ty nước ngoài);
 - 02 khách hàng DCTC là tổ chức đa phương, gồm Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Công ty Tài chính Quốc tế (IFC)

- ✓ **KHCN:** Quy mô KHCN của VietinBank đến 31/12/2023 đạt gần 18,6 triệu khách hàng¹, tăng 26% so với đầu năm 2023. Quy mô KHCN của VietinBank cập nhật tới ngày 30/09/2024 là 20,3 triệu khách hàng. Với tốc độ tăng trưởng hiện tại, dự kiến đến cuối 2024, quy mô KHCN của VietinBank sẽ đạt mức 20,8 triệu khách hàng.

- **Các SPDV cho khách hàng:**

- ✓ **Các SPDV dành cho cá nhân:** bao gồm:

- **Ngân hàng số:** bao gồm các dịch vụ như VietinBank iPay, iPay Mobile, SMS Banking và Bank Plus;
- **Tiền gửi:** gồm các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm; tiền gửi tài khoản thanh toán và sản phẩm GTCG khác như kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu...
- **Thẻ:** bao gồm các sản phẩm thẻ, dịch vụ thanh toán thẻ và các dịch vụ khác dành cho thẻ;
- **Cho vay:** gồm các sản phẩm cho vay tiêu dùng và cho vay phục vụ SXKD;
- **Bảo hiểm:** gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ dành cho nhu cầu cá nhân.

- ✓ **Các SPDV dành cho doanh nghiệp:** bao gồm:

- **Tiền gửi:** gồm tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán; tiền gửi có kỳ hạn; tiền gửi ký quỹ; đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tự động;
- **Cho vay:** bao gồm các sản phẩm cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; cho vay chuyên biệt; các chương trình tín dụng quốc tế;
- **Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại:** gồm các sản phẩm dành cho doanh nghiệp xuất/nhập khẩu; chuyển tiền ngoại tệ; bảo lãnh; tài trợ thương mại nội địa; VietinBank Trade Portal...;
- **Thanh toán và quản lý dòng tiền:** các dịch vụ quản lý khoản phải chi/phải thu; quản lý dòng tiền; chuyển tiền và quản lý tài khoản;
- **Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn:** gồm các dịch vụ ngân hàng đầu tư; kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh lãi suất; ngân hàng lưu ký giám sát và các sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
- **Ngân hàng điện tử:** dịch vụ VietinBank eFast cung cấp và hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet.
- **Bảo hiểm:** gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp.

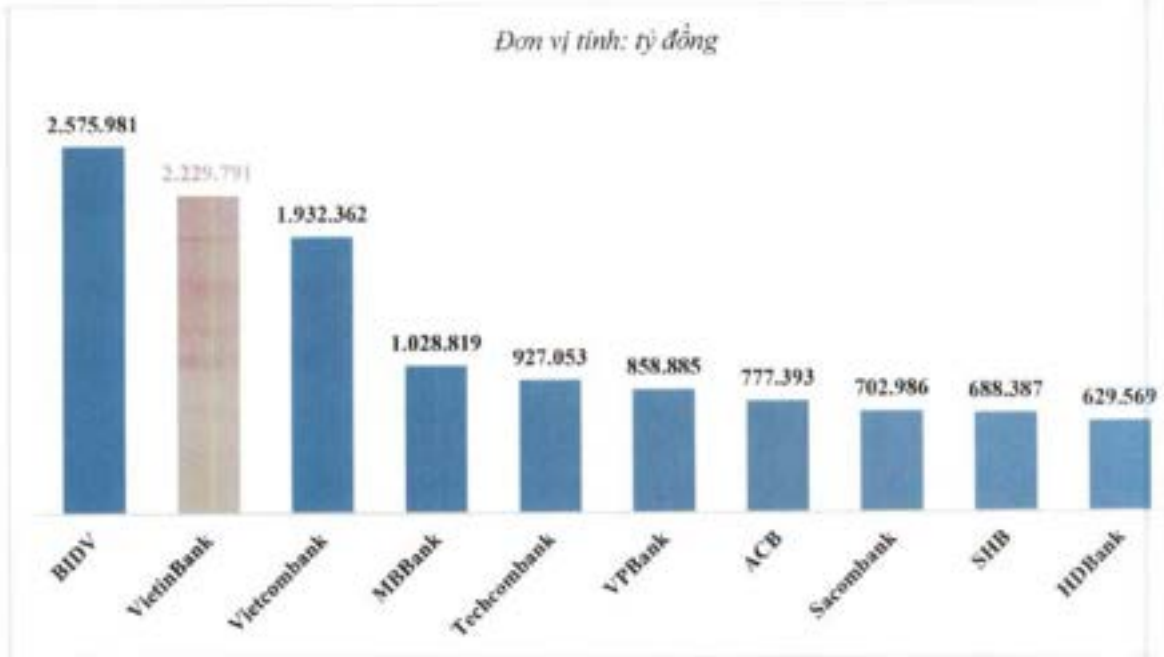
[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

¹ Khách hàng đang hoạt động tại thời điểm báo cáo

8.4.3. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

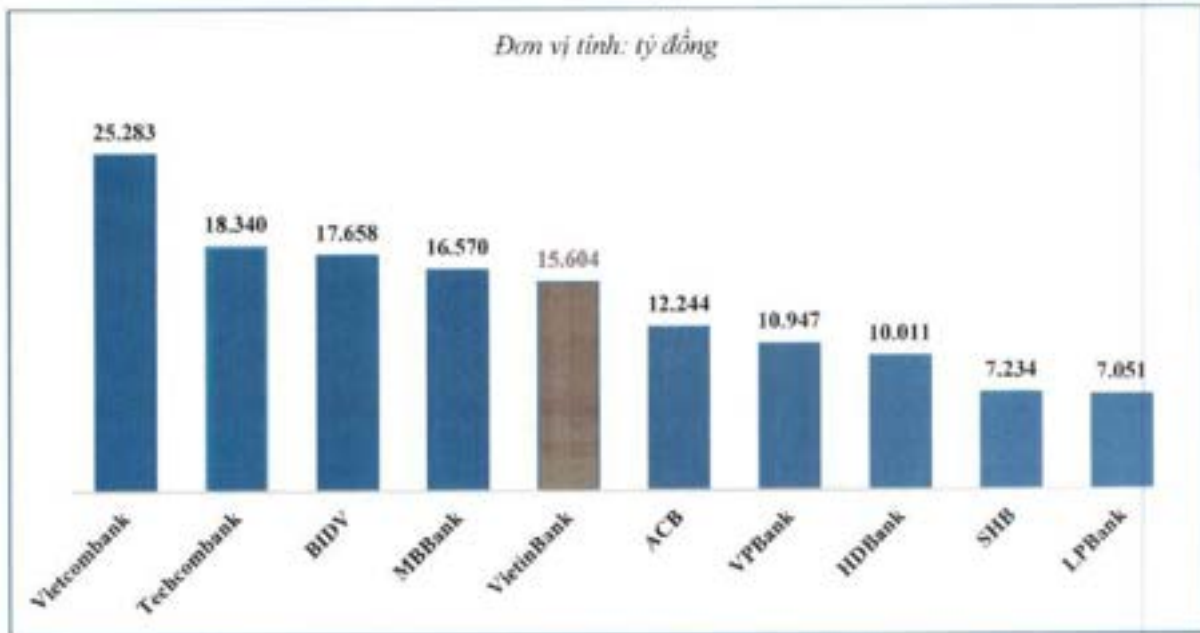
❖ Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành:

Top 10 NHTM niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có tổng tài sản lớn nhất tại thời điểm 30/09/2024



(Nguồn: tổng hợp BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của các ngân hàng)

Top 10 NHTM niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có LNST lớn nhất 9 tháng đầu năm 2024



(Nguồn: tổng hợp BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của các ngân hàng)

VietinBank là một trong số ngân hàng dẫn đầu ngành về quy mô tổng tài sản và lợi nhuận. Tính tới thời điểm 30/09/2024, tổng tài sản của VietinBank lớn thứ hai trong số các NHTM hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, với giá trị là 2.230 nghìn tỷ đồng. Xét về lợi nhuận, VietinBank đứng thứ năm trên thị trường, với giá trị LNST hợp nhất 09 tháng đầu năm 2024 đạt 15.604 tỷ đồng.

❖ So sánh một số chỉ tiêu tài chính của VietinBank với các ngân hàng trong cùng ngành (thời điểm 30/09/2024):

Tiêu chí (Đơn vị: Tỷ đồng)	CTG	BID	VCB	MBB	TCB	VPB
Vốn điều lệ	53.700	57.004	55.891	52.871	70.450	79.339
VCSH	140.986	138.440	190.297	110.023	144.368	142.240
Tiền gửi khách hàng	1.516.890	1.873.725	1.430.071	627.567	494.954	475.782
Cho vay khách hàng (*)	1.569.844	1.914.428	1.366.088	691.233	617.925	619.866
Tổng thu nhập hoạt động	60.623	54.655	50.868	38.850	37.436	44.611
LNST	15.604	17.658	25.283	16.570	18.340	10.947

(Nguồn: BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của các ngân hàng)

Ghi chú: (*) Số liệu cho vay khách hàng đã bao gồm dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Trong số các ngân hàng trên thị trường Việt Nam, VietinBank luôn nằm trong top đầu các ngân hàng có quy mô vốn, tài sản, tiền gửi/cho vay khách hàng và lợi nhuận cao.

❖ Thị phần và khả năng cạnh tranh

Chỉ tiêu hợp nhất (tại 30/09/2024)	Tổng tài sản	Cho vay khách hàng (*)	Tiền gửi của khách hàng
VietinBank (tỷ đồng)	2.229.791	1.569.844	1.516.890
Thị phần của VietinBank (**)	14,05%	14,34%	14,43%

Ghi chú:

(*) Số liệu cho vay khách hàng đã bao gồm dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

(**) Số liệu thị phần được xác định dựa trên số liệu tổng hợp BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của 27 NHTM đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên 3 sàn giao dịch chứng khoán tại Việt Nam là HOSE, HNX và UPCOM tính đến thời điểm 30/09/2024.

8.5. Các dự án phát triển HDKD

Thông tin về các dự án lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình HDKD của Tổ Chức Phát Hành như sau:

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới HDKD của VietinBank
Kênh phân phối	Tăng cường đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ ngân hàng điện tử cho KHCN	Phát triển kênh phân phối tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh
	Tăng cường đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ ngân hàng điện tử cho KHDN	Phát triển kênh phân phối tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh
	Kết nối ERP KHDN lấy VietinBank làm trung tâm thanh toán	Phát triển kênh phân phối tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh
Sản phẩm dịch vụ	Dự án kết nối thanh toán chuyển tiền song phương thời gian thực	Tăng cường chất lượng dịch vụ chuyển tiền, giảm phí thanh toán cho các tổ chức trung gian
	Kết nối thanh toán song phương Krungsri	Tăng cường chất lượng dịch vụ chuyển tiền, giảm phí thanh toán cho các tổ chức trung gian

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới HDKD của VietinBank
	Tài khoản số ngân	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Mô hình thu hồi và xử lý nợ tập trung	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Dự án nhắc nợ tập trung	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Dự án phòng chống rửa tiền AML2	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Giải ngân online	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Bảo lãnh online	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Kết nối cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia	Tăng cường chất lượng dịch vụ
Chuyển đổi Số	Triển khai các sáng kiến Chuyển đổi Số về sản phẩm dịch vụ, tự động hoá quy trình nhằm tăng tốc độ xử lý giao dịch, nâng cao trải nghiệm Khách hàng	Triển khai các sáng kiến Chuyển đổi Số về hạ tầng, sản phẩm dịch vụ, tự động hoá quy trình
Vận hành	Nâng cao chất lượng hoạt động thanh toán	Tăng cường chất lượng dịch vụ, tự động hoá, tăng năng suất lao động
	Triển khai tự động hoá quy trình	Tăng cường tự động hoá, tăng năng suất lao động cho các quy trình có số lượng thao tác thủ công lớn, lặp đi lặp lại
	Triển khai hệ thống Contact Center mới	Triển khai hệ thống chăm sóc KH mới tích hợp các kênh bán, quản lý KH đồng bộ
Hạ tầng CNTT	Triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu mới đồng bộ hiện đại	Tăng cường đảm bảo hạ tầng CNTT vận hành an toàn thông suốt, đáp ứng nhu cầu mở rộng hệ thống ứng dụng mới/ sản phẩm dịch vụ

8.6. Chiến lược kinh doanh

- ❖ **Tầm nhìn:** Trở thành Ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam, đến năm 2030 thuộc Top 20 ngân hàng mạnh nhất Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương; Đến năm 2045 là ngân hàng mạnh nhất và uy tín nhất Việt Nam, hàng đầu Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và uy tín cao trên thế giới.
- ❖ **Sứ mệnh:** Là ngân hàng tiên phong trong phát triển đất nước trên cơ sở mang lại giá trị tối ưu cho khách hàng, cổ đông và người lao động.
- ❖ **Giá trị cốt lõi**
 - (i) **Khách hàng là trung tâm:** Lấy nhu cầu của khách hàng là mục tiêu phục vụ của Ngân hàng. Lắng nghe tiếng nói của khách hàng và chia sẻ với các bên liên quan để đưa ra giải pháp/ tư vấn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đồng thời, đảm bảo an toàn cho khách hàng nội bộ, khách hàng bên ngoài.
 - (ii) **Đổi mới sáng tạo:** Luôn thể hiện sự sáng tạo trong mọi hoạt động; liên tục đổi mới có sự kế thừa để tạo ra những giá trị tốt nhất cho hệ thống, khách hàng và đóng góp vào sự phát triển của đất nước.
 - (iii) **Chính trực:** VietinBank luôn nhất quán trong suy nghĩ và hành động đảm bảo sự tuân

thù, kỷ luật, kỷ cương, trung thực, minh bạch và giữ vững đạo đức nghề nghiệp.

- (iv) **Tôn trọng:** Thể hiện thái độ và hành động lắng nghe, chia sẻ, quan tâm, ghi nhận đối với khách hàng, đối tác, cổ đông, lãnh đạo, đồng nghiệp và tôn trọng bản thân.
- (v) **Trách nhiệm:** Thể hiện tinh thần, thái độ và hành động của toàn hệ thống, của từng bộ phận, từng cán bộ VietinBank có trách nhiệm cao đối với khách hàng, đối tác, cổ đông, lãnh đạo, đồng nghiệp và cho chính thương hiệu của VietinBank. Thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng, xã hội là trách nhiệm, vai trò, vinh dự, và tự hào của VietinBank.

❖ **Triết lý kinh doanh**

- An toàn, hiệu quả và bền vững;
- Trung thành, tận tụy, đoàn kết, đổi mới, trí tuệ, kỷ cương;
- Sự thành công của khách hàng là sự thành công của VietinBank.

❖ **Nguồn vốn và nguồn lực**

Để thực hiện chiến lược đặt ra, VietinBank tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng cường năng lực nguồn vốn và các nguồn lực khác bao gồm nguồn nhân lực, năng lực vận hành và năng lực CNTT. Cụ thể:

- **Đối với năng lực nguồn vốn,** VietinBank thực hiện tăng vốn cấp 1 thông qua việc trình các cơ quan có thẩm quyền cho phép VietinBank (1) Giữ lại lợi nhuận/Chia cổ tức bằng cổ phiếu (2) Tăng vốn điều lệ từ vốn góp bổ sung. Ngoài ra VietinBank tiếp tục triển khai các giải pháp khác để tăng cường năng lực vốn, bao gồm: (i) Phát hành trái phiếu thứ cấp; (ii) Thoái vốn công ty con, công ty liên kết (iii) Tái cơ cấu trái phiếu thứ cấp của TCTD khác thuộc danh mục đầu tư và (iv) Quản lý kiểm soát Tài sản có rủi ro (RWA) chủ động thông qua giao chỉ tiêu hạn mức RWA, điều hành lãi suất theo rủi ro (RBP), triển khai định hướng tín dụng và thúc đẩy kinh doanh theo hướng giảm thiểu chi phí vốn tự có. Trong giai đoạn tới, VietinBank đặt trọng tâm phần đầu nâng cao năng lực vốn thông qua xây dựng và triển khai kế hoạch vốn theo chuẩn mực Basel II, trong đó duy trì tỷ lệ an toàn vốn (CAR) mục tiêu theo quy định hiện hành.
- **Đối với nguồn lực nhân sự:** VietinBank xây dựng chiến lược nhân sự và hoàn thiện mô hình tổ chức nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực cả về số lượng và chất lượng để thực hiện chiến lược và mục tiêu kinh doanh của VietinBank, đảm bảo hiệu quả hoạt động, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như thông lệ quốc tế.
- **Đối với nguồn lực CNTT:** VietinBank thực hiện số hóa toàn diện hoạt động ngân hàng và ứng dụng tự động hóa, hợp tác cùng các công ty Fintech và công nghệ để cung cấp các sản phẩm tài chính công nghệ, nâng cao trải nghiệm khách hàng, phân tích dữ liệu lớn để tự động hóa các hoạt động giao dịch, vận hành, lưu trữ hồ sơ, kiểm kê, lập báo cáo phân tích/quản trị... qua đó tiết giảm chi phí, tăng tốc độ xử lý giao dịch/giải quyết vấn đề, nâng cao NSLD.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

9. Thông tin về cổ đông lớn

Danh sách và thông tin về cổ đông lớn của VietinBank tại thời điểm ngày ký Bản Cáo Bạch này:

Tên cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan đại diện sở hữu Nhà nước)	MUFG Bank, Ltd. (Cổ đông chiến lược)
Năm thành lập	1951	1919
Số GCNDKKD hoặc mã số giao dịch	15/SL	CA6217
Quốc tịch	Việt Nam	Nhật Bản
Địa chỉ trụ sở chính	49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	1-4-5, Marunouchi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan.
Vốn điều lệ/Vốn cổ phần	Không có (vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước)	1.711.958 triệu Yên Nhật
Người đại diện theo pháp luật hoặc tương đương	Bà Nguyễn Thị Hồng Tổng đốc NHNN Việt Nam	Ông Junichi Hanzawa President & CEO
Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ và có quyền biểu quyết của Cổ đông lớn tại VietinBank	3.461.676.283 cổ phần, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 64,46% vốn điều lệ	1.059.477.261 cổ phần, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 19,73% vốn điều lệ
Người đại diện phần vốn hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông lớn tại Vietinbank và Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ và có quyền biểu quyết của những người có liên quan tới Cổ đông lớn tại VietinBank	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Trần Minh Bình, Chủ tịch HĐQT, đại diện 40% vốn Nhà nước tại VietinBank (tương đương với số lượng là 1.384.670.513 cổ phần), tỷ lệ đại diện sở hữu và biểu quyết là 25,78%; - Ông Trần Văn Tấn, Thành viên HĐQT VietinBank, đại diện 30% vốn Nhà nước tại VietinBank (tương đương với số lượng là 1.038.502.885 cổ phần), tỷ lệ đại diện sở hữu và biểu quyết là 19,34%; - Ông Lê Thanh Tùng, Thành viên HĐQT VietinBank, đại diện 30% vốn Nhà nước tại VietinBank (tương đương với số lượng là 1.038.502.885 cổ phần), tỷ lệ đại diện sở hữu và biểu quyết là 19,34%. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Satoshi Watanabe, hiện đang là Đồng Trưởng Ban Khách hàng FDI và Nguồn vốn Quốc tế kiêm Đồng Trưởng phòng Kế hoạch và Quản lý Kinh doanh tại VietinBank, hoặc - Ông Kenki Nishikawa, hiện đang là Đồng Trưởng Phòng Quản lý Rủi ro Tín dụng, Đầu tư, kiêm Đồng Trưởng Phòng Kế hoạch và Quản trị Tài chính, kiêm Đồng Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị Thay đổi tại VietinBank <p>Một trong hai người này đại diện cho toàn bộ vốn của MUFG Bank Ltd tại VietinBank để đảm bảo rằng nếu người này vắng mặt thì người kia sẽ có quyền bỏ phiếu hoặc nêu ý kiến biểu quyết với tư cách cổ đông.</p> <p>Số lượng cổ phần đại diện là</p>

Tên cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan đại diện sở hữu Nhà nước)	MUFG Bank, Ltd. (Cổ đông chiến lược)
		1.059.477.261 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ đại diện sở hữu và biểu quyết là 19,73%.
Lợi ích liên quan đối với VietinBank	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

(Nguồn: VietinBank)

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

10. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng

Tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, thông tin về HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng của VietinBank cụ thể như sau:

10.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Ông Trần Minh Bình	- Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3.	Ông Trần Văn Tản	- Thành viên HĐQT
4.	Ông Lê Thanh Tùng	- Thành viên HĐQT
5.	Ông Nguyễn Thế Huân	- Thành viên HĐQT
6.	Bà Phạm Thị Thanh Hoài	- Thành viên HĐQT
7.	Ông Nguyễn Đức Thành	- Thành viên HĐQT
8.	Ông Nguyễn Việt Dũng	- Thành viên HĐQT
9.	Ông Koji Iriguchi	- Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
10.	Ông Takeo Shimotsu	- Thành viên HĐQT
11.	Ông Cát Quang Dương	- Thành viên độc lập HĐQT

10.1.1. Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Trần Minh Bình**

Ngày sinh: 07/12/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011762154, Ngày cấp: 04/01/2006, Nơi cấp: Công an Hà Nội (theo danh sách chốt của VSDC)
271074000001, Ngày cấp: 20/11/2022, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 1995 đến 1996	Không	Nhân viên kinh doanh, Công ty Goldsun
Từ 1997 đến 12/1998	Không	Nhân viên tư vấn, Công ty Tư vấn Sealine Consultant
Từ 11/1999 đến 07/2002	Nhân viên Phòng Thanh toán quốc tế VietinBank	Không
Từ 08/2002 đến 04/2005	Thư ký Văn phòng Tổng giám đốc VietinBank	Không
Từ 05/2005 đến 12/2007	Phó phòng Dịch vụ Thẻ	Không
Từ 01/2008 đến 08/2010	Giám đốc Trung tâm Thẻ	Không
Từ 08/2010 đến 01/2012	Trưởng Phòng Đầu tư	Thành viên HĐTV VietinBank Leasing

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 01/2012 đến 05/2012	Giám đốc Kinh doanh dịch vụ ngân hàng VietinBank Chi nhánh Nguyễn Trãi	Không
Từ 05/2012 đến 08/2012	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Hà Nội	Không
Từ 09/2012 đến 12/2013	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Hà Nội	Không
Từ 12/2013 đến 05/2014	Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường, kiêm Trưởng phòng Thị trường vốn	Chủ tịch VietinBank Capital; Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào và Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Indovina
Từ 05/2014 đến 01/2015	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	Chủ tịch VietinBank Capital; Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào; Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Indovina
Từ 01/2015 đến 06/2016	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	Chủ tịch VietinBank Capital; Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
Từ 06/2016 đến 01/2017	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
Từ 01/2017 đến 08/2018	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường, kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng	Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
Từ 08/2018 đến 10/2018	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng	Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
Từ 10/2018 đến 12/2018	Quyền Tổng Giám đốc	Không
Từ 12/2018 đến 06/09/2021	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc	Không
Từ 07/09/2021 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 3.468 cổ phiếu, chiếm 0,000065% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu cho NHNN: 1.384.670.513 cổ phiếu, chiếm 25,78% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
2.461,19 triệu đồng	2.485 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

10.1.2. Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Trần Mạnh Trung**
 Ngày sinh: 21/09/1983
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001083005084, Ngày cấp: 22/11/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 01/09/2005 đến 30/04/2011	Cán bộ Quan hệ KHDN, Phòng KHDN vừa và nhỏ, VietinBank - CN Đồng Đa	Không
Từ 05/2011 đến 06/2011	Phó phòng QLRR & Nợ có vấn đề, VietinBank Chi nhánh Đồng Đa	Không
Từ 07/2011 đến 11/2011	Thư ký TGD, Văn phòng VietinBank	Không
Từ 12/2011 đến 05/2014	Thư ký TGD/HDQT, Văn phòng VietinBank	Không
Từ 06/2014 đến 10/2014	Quyền Trưởng Phòng Quản lý HDKD	Không
Từ 10/2014 đến 07/2015	Phó Giám đốc Khối KHDN kiêm Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn, Khối KHDN	Không
Từ 07/2015 đến 05/2022	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Không
Từ 12/05/2022 đến 28/9/2022	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Không
Từ 29/9/2022 đến 16/10/2024	Phó Tổng Giám đốc VietinBank	Không
Từ 17/10/2024 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu, chiếm 0,00000006% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.958,14 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội cho giai đoạn từ 01/01/2022 - 11/05/2022 và Phó Tổng Giám đốc từ 12/05/2022)	1.789 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.3. Ông Trần Văn Tân – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Trần Văn Tân**
 Ngày sinh: 02/11/1968
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 035068000005, Ngày cấp: 09/09/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 12/1990 đến 08/1992	Không	Chuyên viên Phòng Cân đối tiền tệ, Vụ Kinh tế - Kế hoạch, NHNN
Từ 09/1992 đến 11/1998	Không	Chuyên viên Phòng Thị trường và bảo lãnh, Vụ Tín dụng - NHNN
Từ 12/1998 đến 01/2001	Không	Phó Phòng Thị trường và bảo lãnh, Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 02/2001 đến 04/2008	Không	Trưởng Phòng Thị trường và bảo lãnh, Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 05/2008 đến 10/2013	Không	Trưởng Phòng Tín dụng, Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 11/2013 đến 03/2017	Không	Trưởng Phòng Tín dụng ngành nông nghiệp, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN
Từ 04/2017 đến 04/2019	Không	Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN phụ trách Phòng Tín dụng thương mại – dịch vụ và Phòng Tín dụng nông nghiệp
Từ 23/04/2019 đến 04/07/2021	Thành viên HĐQT	Không
Từ 05/07/2021 đến 06/09/2021	Thành viên phụ trách HĐQT	Không
Từ 07/09/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: 1.038.502.885 cổ phiếu, chiếm 19,34% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thu lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.620,70 triệu đồng	1.650 triệu đồng	Không có

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.4. Ông Lê Thanh Tùng – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Lê Thanh Tùng**
 Ngày sinh: 08/09/1978
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001078040200, Ngày cấp: 29/11/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 08/2001 đến 06/2002	Không	Trợ lý kiểm toán viên tại Công ty Kiểm toán Arthur Andersen
Từ 07/2002 đến 09/2002	Không	Trợ lý kiểm toán viên tại Công ty Kiểm toán KPMG
Từ 02/2003 đến 05/2005	Cán bộ Phòng Dịch vụ thẻ và Ngân hàng điện tử	Không
Từ 06/2005 đến 10/2006	Cán bộ Phòng Dịch vụ thẻ	Không
Từ 11/2006 đến 10/2007	Thư ký TGD	Không
Từ 11/2007 đến 09/2008	Thư ký Tổng hợp thuộc HĐQT	Không
Từ 10/2008 đến 01/2010	Phó phòng Tổ chức cán bộ và đào tạo	Không
Từ 02/2010 đến 09/2010	Phó phụ trách Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO	Không
Từ 09/2010 đến 08/2011	Trưởng Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO	Không
Từ 08/2011 đến 01/2013	Trưởng Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO	Thành viên HĐTV VietinBank Leasing
Từ 01/2013 đến 08/2013	Giám đốc Khối QLRR	Thành viên HĐTV VietinBank Leasing
Từ 08/2013 đến 10/2013	Giám đốc Khối QLRR	Chủ tịch HĐTV VietinBank Leasing
Từ 10/2013 đến 05/2014	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối QLRR	Chủ tịch HĐTV VietinBank Leasing
Từ 05/2014 đến 04/2016	Không	Chánh Văn phòng, NHNN
Từ 04/2016 đến 06/2016	Không	Vụ trưởng, Trợ lý Thống đốc NHNN
Từ 06/2016 đến 11/2017	Không	Vụ trưởng, Thư ký Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế Trung ương
Từ 11/2017 đến 02/2021	Không	Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế Trung ương
Từ 02/2021 đến 10/2021	Không	Trợ lý nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế Trung ương
Từ 03/11/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có

- Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: 1.038.502.885 cổ phiếu, chiếm 19,34% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.592,98 triệu đồng	1.631 triệu đồng	Không có

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.5. Ông Nguyễn Thế Huân – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Thế Huân**

Ngày sinh: 19/12/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019074000322, Ngày cấp: 18/12/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành: Luật, Ngôn ngữ, Kinh tế.

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 12/1995 đến 12/2003	Cán bộ tín dụng, Phòng Kinh doanh đối nội, VietinBank – Chi nhánh Ba Đình	Không
Từ 01/2004 đến 08/2004	Cán bộ tín dụng, Phòng KHDN lớn, VietinBank – Chi nhánh Ba Đình	Không
Từ 09/2004 đến 02/2006	Phó Trưởng Phòng, Phòng KHDN lớn, VietinBank Chi nhánh Ba Đình	Không
Từ 03/2006 đến 11/2008	Trưởng Phòng, Phòng KHDN vừa & nhỏ, VietinBank Chi nhánh Ba Đình	Không
Từ 12/2008 đến 08/2009	Phó phòng, Phòng Xây dựng & Quản lý ISO	Không
Từ 09/2009 đến 03/2010	Phó Phòng, Phòng KHCN	Không
Từ 04/2010 đến 06/2011	Phó giám đốc, VietinBank Chi nhánh Bắc Giang	Không
Từ 07/2011 đến 03/2012	Phó trưởng Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ	Không
Từ 04/2012 đến 03/2013	Phó Phòng, Phòng Kiểm toán tuân thủ	Không
Từ 04/2013 đến 03/2015	Phó Phòng, Phòng Kiểm toán nội bộ	Không
Từ 04/2015 đến 03/2019	Trưởng Ban Kiểm soát	Không
Từ 04/2019 đến nay	Thành viên HĐQT	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.825,81 triệu đồng	1.869 triệu đồng	Không có

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.6. Bà Phạm Thị Thanh Hoài – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Phạm Thị Thanh Hoài**
 Ngày sinh: 29/10/1978
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019178000338, Ngày cấp: 22/12/2021, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 03/2001 đến 07/2001	Không	Cán bộ tư vấn, Công ty tư vấn tài chính kế toán kiểm toán Việt Nam
Từ 08/2001 đến 12/2002	Không	Cán bộ Ngân hàng TMCP Hàng Hải
Từ 02/2003 đến 10/2003	Nhân viên, Phòng Tín dụng trung dài hạn và Quản lý dự án	Không
Từ 11/2003 đến 10/2008	Nhân viên, Phòng Chế độ tín dụng, Đầu tư	Không
Từ 11/2008 đến 10/2009	Phó Phòng Chế độ Tín dụng, Đầu tư	Không
Từ 10/2009 đến 02/2010	Phó Phòng Đầu tư	Không
Từ 02/2010 đến 08/2010	Phó phụ trách Phòng Đầu tư	Không
Từ 08/2010 đến 01/2012	Phó Phòng Đầu tư	Không
Từ 01/2012 đến 03/2013	Phó phụ trách Phòng Đầu tư	Không
Từ 04/2013 đến 04/2014	Trưởng Phòng Kinh doanh vốn	Không
Từ 05/2014 đến 05/2016	Trưởng Phòng Kinh doanh vốn – Khối Kinh doanh vốn và thị trường	Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing
Từ 05/2016 đến 04/2019	Trưởng Phòng KHDN FDI và Nguồn vốn quốc tế - Khối KHDN	Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing (đảm nhiệm chức vụ đến tháng 11/2019)
Từ 04/2019 đến 10/2021	Thành viên HĐQT	Không
Từ 06/10/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 131 cổ phiếu, chiếm 0,000002% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: (i) Huỳnh Ngọc Mai (Cháu ruột): 4.022 cổ phiếu, chiếm 0,000075% vốn điều lệ; (ii) Huỳnh Nhật Minh (Cháu ruột): 100 cổ phiếu, chiếm 0,000002% vốn điều lệ.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.592,98 triệu đồng	1.631 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.7. Ông Nguyễn Đức Thành – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Đức Thành**

Ngày sinh: 08/09/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011070000015, Ngày cấp: 24/4/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 11/1993 đến 12/1998	Không	Chuyên viên Vụ Châu Phi-Tây Á-Nam Á, Bộ Thương mại cũ (nay là Bộ Công thương)
Từ 12/1998 đến 03/2002	Không	Tùy viên Thương mại - Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ả Rập - Ai Cập, Bộ Thương mại cũ (nay là Bộ Công thương)
Từ 04/2002 đến 10/2002	Không	Chuyên viên Vụ Châu Phi-Tây Á-Nam Á, Bộ Thương mại cũ (nay là Bộ Công thương)
Từ 11/2002 đến 08/2007	Không	Phó Vụ trưởng – Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương)
Từ 04/2007 đến 08/2007	Không	Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh kiêm Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương)
Từ 08/2007 đến 01/2010	Không	Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh – Bộ Công Thương
Từ 02/2010 đến 08/2012	Trưởng Phòng Định chế tài chính	Không

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 08/2012 đến 04/2014	Phó Tổng giám đốc	(i) Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Bảo hiểm nhân thọ VietinBank – Aviva (được bổ nhiệm từ tháng 02/2013) (ii) Chủ tịch HĐQT Công ty Chuyển tiền toàn cầu Ngân hàng Công thương Việt Nam
Từ 03/2014 đến 07/2018	Phó Tổng giám đốc, kiêm đồng Giám đốc Chi nhánh VietinBank tại Đức	Không
Từ 07/2018 đến 08/2018	Phó Tổng Giám đốc	Không
Từ 08/2018 đến 12/2018	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường	Không
Từ 12/2018 đến 11/2021	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường	Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào (đảm nhiệm chức vụ đến tháng 10/2021)
Từ 11/2021 đến 04/2022	Phó Tổng Giám đốc	Không
Từ 29/04/2022 đến nay	Thành viên HĐQT	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Hoàng Việt Phương (Vợ): 7 cổ phiếu, chiếm 0,00000013% vốn điều lệ.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.987,11 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Phó Tổng Giám đốc cho giai đoạn từ 01/01/2022 - 28/04/2022 và Thành viên HĐQT từ 29/04/2022)	2.064 triệu đồng	Không có

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

10.1.8. Ông Nguyễn Việt Dũng – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Việt Dũng**
 Ngày sinh: 11/12/1986
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001086030751, Ngày cấp: 13/08/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh QLHC về TTXH
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kinh doanh quốc tế
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 02/2013 đến 08/2014	Không	Chuyên viên, phòng lãi suất Vụ Chính sách tiền tệ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 09/2014 đến 02/2016	Không	Thư ký Phó Thống đốc – Chuyên viên phòng Thư ký, Văn phòng Ngân hàng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
Từ 02/2016 đến 11/2020	Không	Thư ký Phó Thống đốc – Hàm Phó Trưởng phòng, Văn phòng Ngân hàng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
Từ 11/2020 đến 02/2022	Không	Thư ký Thống đốc – Hàm Phó Trưởng phòng, Văn phòng Ngân hàng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
Từ 03/2022 đến 16/10/2024	Không	Thư ký Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Từ 17/10/2024 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Nhân sự	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
0 đồng (về làm việc tại VietinBank từ 10/2024)	0 đồng (về làm việc tại VietinBank từ 10/2024)	Không có

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

10.1.9. Ông Koji Iriguchi – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Koji Iriguchi**
 Ngày sinh: 11/04/1974
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: TR3481984, Ngày cấp: 30/06/2016, Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản
 Quốc tịch: Nhật Bản
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Luật, Đại học Meiji, Tokyo, Nhật Bản
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 04/1998 đến 10/2000	Không	Cán bộ Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng The Sanwa Bank, Ltd., Chi nhánh Hatchobori Tokyo, Nhật Bản
Từ 10/2000 đến 10/2001	Không	Cán bộ Phân tích tín dụng doanh nghiệp, Ngân hàng The Sanwa Bank, Ltd., Phòng Tín dụng Doanh nghiệp Tokyo, Nhật Bản
Từ 10/2001 đến 11/2003	Không	Cán bộ Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng UFJ Bank, Ltd., Chi nhánh Shinjuku Tokyo, Nhật Bản
Từ 11/2003 đến 10/2004	Không	Cán bộ Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng UFJ Bank, Ltd., Phòng Ngân hàng doanh nghiệp số 2, Tokyo, Nhật Bản
Từ 10/2004 đến 12/2005	Không	Trưởng phòng Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng UFJ Bank, Ltd., Phòng Ngân hàng doanh nghiệp số 2, Tokyo, Nhật Bản
Từ 01/2006 đến 07/2010	Không	Trưởng phòng Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Phòng Ngân hàng doanh nghiệp số 2, Tokyo, Nhật Bản (MUFG Bank, Ltd.)
Từ 07/2010 đến 02/2013	Không	Trưởng phòng Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Chi nhánh New York, New York, Hoa Kỳ
Từ 02/2013 đến 04/2015	Không	Giám đốc Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Chi nhánh New York, New York, Hoa Kỳ
Từ 04/2015 đến 04/2018	Không	Giám đốc Kế hoạch kinh doanh toàn cầu, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu, Tokyo, Nhật Bản
Từ 05/2018 đến 04/2022	Không	Giám đốc điều hành Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Phòng Ngân hàng doanh nghiệp số 10, Tokyo, Nhật Bản
Từ 05/2022 đến 06/2023	Đồng Trưởng phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch Tài chính (từ ngày 01/05/2022 – 22/05/2022) VietinBank; Đồng Trưởng phòng Kế hoạch và Quản trị tài chính kiêm Đồng Trưởng ban Chiến lược và Quản trị thay đổi (từ ngày	Không

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
	23/05/2022 đến 06/2023) VietinBank	
Từ 02/06/2023 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc VietinBank	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu cho MUFG: Không có (*).
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
Hưởng thù lao theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa VietinBank và MUFG Bank, Ltd., (**)		Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

Ghi chú:

(*) Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, đại diện vốn của cổ đông lớn, MUFG Bank, Ltd., là:

- Ông Satoshi Watanabe: Đồng Trưởng Ban Khách hàng FDI và Nguồn vốn Quốc tế kiêm Đồng Trưởng phòng Kế hoạch và Quản lý Kinh doanh.
- Ông Kenki Nishikawa: Đồng Trưởng Phòng Quản lý Rủi ro Tín dụng, Đầu tư, kiêm Đồng Trưởng Phòng Kế hoạch và Quản trị Tài chính, kiêm Đồng Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị Thay đổi.

(**) Ông Koji Iriguchi không nhận thù lao/thu nhập trực tiếp từ VietinBank. Bên chi trả thù lao/thu nhập cho ông Koji Iriguchi là MUFG Bank, Ltd., căn cứ theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa MUFG Bank, Ltd., và VietinBank.

Các thành viên do MUFG đề cử nhận thù lao và tiền lương từ VietinBank năm 2022 là 386 triệu đồng và tại năm 2023 là 441 triệu đồng. VietinBank thực hiện thanh toán và chuyển thù lao và tiền lương cho các thành viên do MUFG đề cử thông qua MUFG, MUFG tự phân bổ số tiền cho từng thành viên.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

10.1.10. Ông Takeo Shimotsu – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Takeo Shimotsu**
 Ngày sinh: 27/11/1979
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: TT5435685, Ngày cấp: 16/02/2024, Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản.
 Quốc tịch: Nhật Bản
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân, chuyên ngành Luật, Trường Đại học Keio, Nhật Bản; MBA (Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh), Trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 04/2002 đến 05/2005	Không	Cán bộ, Ngân hàng UFJ Bank, Ltd., Yanagibashi CBO, Aichi, Nhật Bản
Từ 05/2005 đến 09/2006	Không	Cán bộ, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Phòng Tín dụng Quốc tế, Tokyo, Nhật Bản
Từ 10/2006 đến 07/2009	Không	Cán bộ Quản lý Danh mục đầu tư, Cán bộ liên lạc toàn cầu, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Nhóm ngân hàng Doanh nghiệp, Chicago, Hoa Kỳ
Từ 08/2009 đến 05/2011	Không	Sinh viên Đại học Nam California University Park, Los Angeles, California, Hoa Kỳ
Từ 05/2011 đến 10/2015	Không	Phó trưởng phòng, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Phòng Nhân sự toàn cầu, Bộ phận Nhân sự, Tokyo, Nhật Bản
Từ 11/2015 đến 05/2019	Không	Giám đốc Ngân hàng MUFG Union Bank N.A., Bộ phận Kế hoạch doanh nghiệp của Châu Mỹ, New York, Hoa Kỳ
Từ 05/2019 đến 10/2021	Không	Giám đốc Ngân hàng MUFG Bank Ltd., Phòng Ngân hàng doanh nghiệp số 3, Tokyo, Nhật Bản
Tháng 10/2021 đến 26/04/2024	Không	Giám đốc điều hành, Trưởng nhóm kế hoạch, Ngân hàng MUFG Bank Ltd., Nhóm kế hoạch trong Bộ phận Nhân sự, Tokyo, Nhật Bản
Từ 27/04/2024 đến nay	Thành viên HĐQT	Giám đốc điều hành Trưởng nhóm kế hoạch, Ngân hàng MUFG Bank Ltd., Nhóm kế hoạch trong Bộ phận Nhân sự, Tokyo, Nhật Bản

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu cho MUFG: Không có^(*).
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản		Lợi ích khác
Năm 2022 (triệu đồng)	Năm 2023 (triệu đồng)	Cổ tức
Hưởng thù lao theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa VietinBank và MUFG Bank, Ltd., (**)		Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

Ghi chú:

(*) Tại thời điểm lập Báo Cáo Bạch này, đại diện vốn của cổ đông lớn, MUFG Bank, Ltd., là:

- Ông Satoshi Watanabe: Đồng Trưởng Ban Khách hàng FDI và Nguồn vốn Quốc tế kiêm Đồng Trưởng phòng Kế hoạch và Quản lý Kinh doanh.
- Ông Kenki Nishikawa: Đồng Trưởng Phòng Quản lý Rủi ro Tín dụng, Đầu tư, kiêm Đồng Trưởng Phòng Kế hoạch và Quản trị Tài chính, kiêm Đồng Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị Thay đổi.

(**) Ông Takeo Shimotsu không nhận thù lao/thu nhập trực tiếp từ VietinBank. Bên chi trả thù lao/thu nhập cho ông Takeo Shimotsu là MUFG Bank, Ltd., căn cứ theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa MUFG Bank, Ltd., và VietinBank.

Các thành viên do MUFG đề cử nhận thù lao và tiền lương từ VietinBank năm 2022 là 386 triệu đồng và tại năm 2023 là 441 triệu đồng. VietinBank thực hiện thanh toán và chuyển thù lao và tiền lương cho các thành viên do MUFG đề cử thông qua MUFG, MUFG tự phân bổ số tiền cho từng thành viên.

10.1.11. Ông Cát Quang Dương – Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên: **Cát Quang Dương**
Ngày sinh: 25/08/1959
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 044059002508, Ngày cấp: 26/09/2022, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính, tín dụng và lưu thông tiền tệ
Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 08/1978 đến 06/1982	Không	Chiến sỹ và hạ sỹ quan Quân khu 3, BTM Tổng cục hậu cần
Từ 06/1982 đến 02/1986	Không	Sinh viên Đại học Kinh tế quốc dân
Từ 03/1986 đến 02/1993	Không	Chuyên viên Chi nhánh NHNN HN, từ 1988 là Ngân hàng Nông nghiệp
Từ 03/1993 đến 11/1994	Không	Chuyên viên Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 12/1994 đến 05/1999	Không	Phó trưởng phòng Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 06/1999 đến 01/2008	Không	Trưởng phòng Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 02/2008 đến 12/2016	Không	Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 01/2017 đến 07/2018	Ủy viên HĐQT	Không
Từ 08/2018 đến 10/2018	Ủy viên HĐQT phụ trách	Không
Từ 11/2018 đến 04/2019	Ủy viên HĐQT	Không
Từ 04/2019 đến 08/2019	Cố vấn HĐQT	Không
Từ 09/2019 đến 26/04/2024	Không	Hưu trí

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 27/04/2024 đến nay	Thành viên độc lập HĐQT	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Nguyễn Thị Bích Hương (Vợ): 34.534 cổ phiếu, chiếm 0,0006% vốn điều lệ

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
0 đồng (về làm việc tại VietinBank từ 04/2024)	0 đồng (về làm việc tại VietinBank từ 04/2024)	Không có

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

10.2. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Bà Lê Anh Hà	- Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Bà Nguyễn Thị Anh Thư	- Thành viên
3.	Bà Phạm Thị Thơm	- Thành viên

Bà Lê Anh Hà – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **Lê Anh Hà**
Ngày sinh: 02/11/1973
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001173018920, Ngày cấp: 21/01/2019, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công
Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 02/1995 đến 06/1995	Không	Cán bộ tín dụng, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Nội
Từ 07/1995 đến 10/2003	Cán bộ tín dụng	Không
Từ 11/2003 đến 03/2005	Phó Phòng Quản lý tín dụng	Không
Từ 03/2005 đến 02/2006	Trưởng Phòng Quản lý và khai thác nguồn vốn	Không
Từ 03/2006 đến 10/2009	Trưởng Phòng QLRR tín dụng, đầu tư	Không
Từ 10/2009 đến 12/2011	Trưởng Phòng KHCN	Không
Từ 01/2012 đến 07/2013	Phó Giám đốc Trường Đào tạo & Phát triển nguồn nhân lực VietinBank	Không
Từ 07/2013 đến 06/2014	Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ	Không
Từ 07/2014 đến 04/2019	Phó Giám đốc Khối QLRR kiêm Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ	Không
Từ 23/04/2019 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 4.476 cổ phiếu, chiếm 0,000083% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.588,50 triệu đồng	1.626 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.2.1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Thị Anh Thư**
Ngày sinh: 24/05/1976
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001176003755, Ngày cấp: 08/08/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành: Ngân hàng; Tiếng Anh
Thạc sỹ Quản trị điều hành cao cấp Executive MBA
Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 11/1998 đến 12/2003	Cán bộ Phòng Kinh doanh, VietinBank – Chi nhánh Hoàn Kiếm	Không
Từ 01/2004 đến 05/2005	Phó Phòng Tổng hợp – Tiếp thị, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	Không
Từ 06/2005 đến 09/2006	Trưởng Phòng Tổng hợp – Tiếp thị, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	Không
Từ 10/2006 đến 12/2006	Trưởng Phòng QLRR, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	Không
Từ 01/2007 đến 05/2012	Trưởng Phòng KHDN lớn, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	Không
Từ 05/2012 đến 12/2012	Phó Phòng Kiểm toán tuân thủ	Không
Từ 01/2013 đến 06/2014	Phó Phòng Kiểm soát giải ngân	Không
Từ 07/2014 đến 01/2015	Phó Phòng Phê duyệt tín dụng	Không
Từ 02/2015 đến 07/2015	Phó Phòng QLRR Tín dụng, Khối QLRR	Không
Từ 08/2015 đến 03/2019	Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ	Không
Từ 04/2019 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	Không
Từ 02/2023 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, kiêm Trưởng Kiểm toán nội bộ	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 1.493 cổ phiếu, chiếm 0,000028% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.173,86 triệu đồng	1.264 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.2.2. Bà Phạm Thị Thơm – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: **Phạm Thị Thơm**
Ngày sinh: 05/02/1969
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037169000304, Ngày cấp: 31/12/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 03/1991 đến 01/1992	Không	Chuyên viên hành chính, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
Từ 02/1992 đến 09/2001	Không	Chuyên viên Kế toán, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
Từ 10/2001 đến 09/2003	Không	Phó phòng Kế toán, Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Nội
Từ 10/2003 đến 12/2005	Không	Trưởng phòng Kế toán, Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Nội
Từ 01/2006 đến 09/2006	Không	Chuyên viên phòng Chế độ, Vụ Kế toán – Tài chính, NHNN
Từ 10/2006 đến 12/2008	Không	Phó phòng Chế độ, Vụ Kế toán – Tài chính, NHNN
Từ 01/2009 đến 07/2009	Không	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính – Kế toán, NHNN
Từ 07/2009 đến 04/2019	Thành viên Ban Kiểm soát	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính – Kế toán, NHNN
Từ 04/2019 đến 04/2021	Không	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính – Kế toán, NHNN
Từ 16/04/2021 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Phạm Thị Tâm (Anh trai): 13 cổ phiếu, chiếm 0,0000002% vốn điều lệ.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
914,63 triệu đồng	965 triệu đồng	Không có

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

10.3. Ban Điều hành và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2.	Ông Đỗ Thanh Sơn	- Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Trần Công Quỳnh Lâm	- Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Nguyễn Đình Vinh	- Phó Tổng Giám đốc
5.	Bà Lê Như Hoa	- Phó Tổng Giám đốc
6.	Ông Koji Iriguchi	- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
7.	Ông Lê Duy Hải	- Phó Tổng Giám đốc
8.	Ông Nguyễn Hải Hưng	- Kế toán trưởng

10.3.1. Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đã được trình bày tại Mục 10.1.2 ở trên)

10.3.2. Ông Đỗ Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Đỗ Thanh Sơn**
Ngày sinh: 23/02/1976
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 285211999, Ngày cấp: 09/09/2009, Nơi cấp: Công An Tỉnh Bình Phước (theo Danh sách cổ đông của VSDC)
070076006868, Ngày cấp: 06/10/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Đại học, chuyên ngành Kế toán kiểm toán; Tiến sĩ, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng
Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 01/07/1998 đến 30/06/1999	Không	Cán bộ thanh tra, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Bình Phước
Từ 01/07/1999 đến 31/07/2000	Nhân viên QHKK, Phòng KHDN, VietinBank – Chi nhánh Bình Phước	Không
Từ 01/08/2000 đến 31/10/2003	Phó phòng Khách hàng doanh nghiệp, VietinBank – Chi nhánh Bình Phước	Không
Từ 01/11/2003 đến 05/01/2010	Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp, VietinBank – Chi nhánh Bình Phước	Không
Từ 06/01/2010 đến 05/12/2010	Phó giám đốc VietinBank – Chi nhánh Bình Phước	Không
Từ 06/12/2010 đến 20/11/2011	Phó giám đốc VietinBank – Chi nhánh 11 TP Hồ Chí Minh	Không
Từ 21/11/2011 đến 02/04/2015	Giám đốc VietinBank – Chi nhánh 11 TP Hồ Chí Minh	Không

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 03/04/2015 đến 05/05/2015	Không	Người đại diện Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương;
Từ 06/05/2015 đến 09/10/2022	Không	Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương.
Từ 10/11/2022 đến 31/08/2023	Phó Tổng Giám đốc	Không
Từ 01/09/2023 đến 16/10/2024	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành	Không
Từ 17/10/2024 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 125 cổ phiếu, chiếm 0,0000023% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Đỗ Thị Thanh Thùy (Em gái): 3.000 cổ phiếu, chiếm 0,00006% vốn điều lệ.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
420,26 triệu đồng (về làm việc tại VietinBank từ 10/11/2022)	2.033 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.3. Ông Trần Công Quỳnh Lân – Phó Tổng Giám đốc

Trần Công Quỳnh Lân

Họ và tên:

Ngày sinh: 16/01/1979

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 072079008888, Ngày cấp: 17/04/2023, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành CNTT

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 02/2001 đến 04/2003	Không	Chuyên viên cao cấp Phân tích hệ thống, Ngân hàng OCBC Singapore

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 04/2003 đến 04/2005	Không	Trợ lý giám đốc, Ngân hàng OCBC Singapore
Từ 04/2005 đến 04/2008	Không	Trợ lý Phó Chủ tịch, Ngân hàng OCBC Singapore
Từ 04/2008 đến 04/2012	Không	Phó Chủ tịch (Vice President) CNTT, Ngân hàng bán lẻ (Quản lý kênh phân phối điện tử và đầu tư), Ngân hàng OCBC Singapore
Từ 05/2012 đến 03/2015	Giám đốc Trung tâm CNTT	Không
Từ 03/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm CNTT	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thu lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
2.262,02 triệu đồng	2.236 triệu đồng	Không có

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.4. Ông Nguyễn Đình Vinh – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Đình Vinh**
Ngày sinh: 30/09/1980
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 040080000057, Ngày cấp: 09/12/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh
Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 12/2002 đến 12/2005	Cán bộ Tín dụng, Phòng Kinh doanh, VietinBank – Chi nhánh Đồng Đa	Không
Từ 01/2006 đến 12/2009	Chuyên viên Phòng KHDN lớn	Không
Từ 12/2009 đến 06/2010	Phó phòng KHDN lớn	Không
Từ 06/2010 đến 11/2011	Phó phụ trách Phòng KHDN lớn	Không
Từ 11/2011 đến 07/2012	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Quang Trung	Không

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 07/2012 đến 10/2013	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Hải Dương	Không
Từ 10/2013 đến 06/2014	Trưởng phòng Quản lý Nợ có vấn đề, Khối QLRR	Không
Từ 07/2014 đến 07/2015	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Không
Từ 07/2015 đến 11/2018	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối KHDN	Chủ tịch HĐQT Công ty chuyên tiền toán cầu VietinBank
Từ 11/2018 đến 09/2019	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối QLRR	Chủ tịch HĐQT Công ty chuyên tiền toán cầu VietinBank
Từ 03/09/2019 đến nay	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối QLRR và kiêm Trưởng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO)	Chủ tịch HĐQT Công ty chuyên tiền toán cầu VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.920,96 triệu đồng	1.977 triệu đồng	Không có

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.5. Bà Lê Như Hoa – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Lê Như Hoa**
 Ngày sinh: 23/11/1969
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 026169001195, Ngày cấp: 08/12/2021, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính và Kinh doanh quốc tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 05/1986 đến 02/1988	Không	Nhân viên, NHNN Vĩnh Lạc - Vĩnh Phúc
Từ 03/1990 đến 07/1991	Nhân viên kế toán, VietinBank - Chi nhánh Vĩnh Phú	Không
Từ 07/1991 đến 09/1991	Kiểm ngân, VietinBank - Chi nhánh Vĩnh Phú	Không

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 09/1991 đến 08/1994	Nhân viên kế toán, VietinBank - Chi nhánh Vinh Phú	Không
Từ 09/1994 đến 06/1995	Cán bộ Kế toán, VietinBank - Chi nhánh Phúc Yên	Không
Từ 07/1995 đến 12/1996	Kiểm soát viên, VietinBank - Chi nhánh Phúc Yên	Không
Từ 01/1997 đến 05/1997	Phó phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	Không
Từ 06/1997 đến 09/2002	Phó phụ trách Phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	Không
Từ 10/2002 đến 02/2005	Phó phòng Kinh doanh, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	Không
Từ 03/2005 đến 03/2010	Trưởng phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	Không
Từ 03/2010 đến 06/2011	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Không
Từ 06/2011 đến 07/2014	Phó Giám đốc VietinBank Thành phố Hà Nội	Không
Từ 07/2014 đến 08/2016	Trưởng phòng Quản lý Kế toán tài chính	Không
Từ 08/2016 đến 06/2019	Phó Tổng Giám đốc	Không
Từ 07/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 39.937 cổ phiếu, chiếm 0,000744% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: (i) Lê Sơn Xuân (Bố đẻ): 407 cổ phiếu, chiếm 0,000008% vốn điều lệ; (ii) Lê Thanh Mai (Chị gái): 24.817 cổ phiếu, chiếm 0,000462% vốn điều lệ.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.767,94 triệu đồng	1.832 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.6. Ông Koji Iriguchi – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (đã được trình bày tại Mục 10.1.9 ở trên)

10.3.7. Ông Lê Duy Hải – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Lê Duy Hải**
Ngày sinh: 06/01/1977
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025077000292, Ngày cấp: 04/8/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Anh.
Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 01/07/2004 đến 31/08/2005	Không	Quản lý bán hàng, New World Fashion Group
Từ 01/09/2005 đến 31/10/2006	Không	Phó giám đốc, Công ty TNHH Quốc tế DT
Từ 01/2007 đến 09/2008	Cán bộ Phòng Đầu tư	Không
Từ 10/2008 đến 06/2010	Thư ký Ban thư ký HĐQT	Không
Từ 07/2010 đến 02/2011	Phó phòng KHDN lớn	Không
Từ 02/2011 đến 12/2011	Phó phụ trách Phòng KHDN lớn	Không
Từ 01/2012 đến 06/2013	Trưởng phòng KHDN lớn	Không
Từ 06/2013 đến 05/2014	Phó Giám đốc Khối KHDN	Không
Từ 06/2014 đến 11/2018	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Ba Đình	Không
Từ 11/2018 đến 05/2022	Giám đốc Khối KHDN	Không
Từ 20/02/2019 đến 08/05/2022	Giám đốc Khối KHDN	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Indovina
Từ 09/05/2022 đến 04/10/2022	Phó Tổng Giám đốc	Không
Từ 05/10/2022 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 22.348 cổ phiếu, chiếm 0,000416% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.726,30 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp cho giai đoạn từ 01/01/2022 - 08/05/2022 và Phó Tổng Giám đốc từ 09/05/2022)	1.654 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với VietinBank: Ông Lê Duy Hải có một khoản vay tại VietinBank với số dư nợ gốc là 7.625 triệu đồng tại thời điểm 30/09/2024.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.8. Ông Nguyễn Hải Hưng – Kế toán trưởng

Họ và tên: **Nguyễn Hải Hưng**
 Ngày sinh: 13/12/1972
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034072005082, Ngày cấp: 24/05/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 04/1991 đến 06/2001	Nhân viên Phòng Kế toán, VietinBank - Chi nhánh Thái Bình	Không
Từ 07/2001 đến 03/2007	Nhân viên Phòng Kế toán Thanh toán	Không
Từ 04/2007 đến 05/2008	Phó Phòng Kế toán Thanh toán VND	Không
Từ 06/2008 đến 09/2009	Phó phụ trách Phòng Kế toán Thanh toán VND	Không
Từ 10/2009 đến 05/2011	Trưởng Phòng Kế toán Thanh toán VND	Không
Từ 06/2011 đến nay	Kế toán trưởng	Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 30/09/2024), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 27.816 cổ phiếu, chiếm 0,000518% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Trần Thanh Phương (Vợ): 4.131 cổ phiếu, chiếm 0,000077% vốn điều lệ.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2022	Năm 2023	Cổ tức
1.869,16 triệu đồng	1.927 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

11. Chính sách trả cổ tức

Theo Điều lệ của VietinBank, chính sách phân phối lợi nhuận và trả cổ tức như sau:

- Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của VietinBank được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cổ tức được chia theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT. VietinBank chỉ trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ VietinBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VietinBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ khác đến hạn (nếu có).

Tình hình trả cổ tức của VietinBank trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

Hình thức trả cổ tức	Cổ tức năm 2023 (*)	Cổ tức năm 2022	Cổ tức năm 2021 (**)
Cổ tức bằng tiền mặt	Tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2023 do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (VietinBank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền 13.926.955 triệu đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 27/04/2024).	Tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2022 do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (VietinBank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền 11.521.154 triệu đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023 ngày 21/04/2023).	Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2021 do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (VietinBank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền 9.624.338 triệu đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 ngày 29/04/2022. Đồng thời, ĐHĐCĐ thường niên 2023 ngày 21/04/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016, phương án này hiện đang được trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt).
Cổ tức bằng cổ phiếu			

Ghi chú:

(*) Trong năm 2023, VietinBank đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2020. Phương án phát hành được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023, các Nghị quyết HĐQT và văn bản số 7558/NHNN-TTGSNH ngày 28/09/2023 của NHNN với tỷ lệ thực hiện quyền là 11,7415%. Số lượng cổ phiếu đã phân phối là 564.241.139 cổ phiếu, tương đương 5.642.411.390.000 đồng.

(**): Trong năm 2021, VietinBank đã thực hiện 02 đợt chi trả cổ tức như sau:

- *Cổ tức bằng cổ phiếu*: VietinBank phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ theo quy định của các năm 2017, 2018 và phần lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ theo quy định và chia cổ tức bằng tiền mặt của năm 2019. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/11/2020, các Nghị quyết HĐQT và văn bản số 4142/NHNN-TTGSNH ngày 11/06/2021 của NHNN với tỷ lệ thực hiện quyền là 29,0695%. Số lượng cổ phiếu đã phân phối là 1.082.346.053 cổ phiếu, tương đương 10.823.460.530.000 đồng.
- *Cổ tức bằng tiền mặt*: Được thực hiện theo Nghị quyết HĐQT số 472/NQ-HĐQT-NHCT.1 ngày 01/12/2021 với tỷ lệ thực hiện quyền là 8%, tương đương 3.844,6 tỷ đồng.

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Các trái phiếu do VietinBank phát hành trong 03 năm liên tục (từ năm 2021 đến năm 2023) và đến thời điểm hiện tại đều đã được VietinBank thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi trái phiếu, bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của các trái phiếu.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, tổng số dư trái phiếu do VietinBank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 45.857,020 tỷ đồng (tính theo mệnh giá). Trong đó:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 16.367,020 tỷ đồng, chiếm 35,69% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn;
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 29.490 tỷ đồng, chiếm 64,31% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, VietinBank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

13.2. Những cam kết nhưng chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết nhưng chưa thực hiện khác của VietinBank như sau:

Khoản mục (Đơn vị: Tỷ đồng)	Hợp nhất				Công ty mẹ			
	31/12/2022 (*)	31/12/2023	30/06/2024	30/09/2024	31/12/2022 (*)	31/12/2023	30/06/2024	30/09/2024
<i>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</i>	159.586	166.974	152.289	171.709	159.558	166.941	152.269	171.657
Cam kết bảo lãnh vay vốn	7.692	8.785	8.144	14.368	7.692	8.785	8.144	14.368
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	73.681	55.987	48.707	58.005	73.682	55.973	48.706	57.996
Cam kết bảo lãnh khác (thanh toán, thực hiện hợp đồng, dự thầu và khác)	78.213	102.202	95.438	99.336	78.184	102.183	95.419	99.293
<i>Các cam kết đưa ra</i>	313.461	794.941	886.630	838.123	310.605	794.459	886.136	838.123

Khoản mục (Đơn vị: Tỷ đồng)	Hợp nhất				Công ty mẹ			
	31/12/2022 (*)	31/12/2023	30/06/2024	30/09/2024	31/12/2022 (*)	31/12/2023	30/06/2024	30/09/2024
Cam kết giao dịch hối đoái	260.356	726.236	812.149	762.839	258.305	725.754	811.655	762.839
Các cam kết khác	53.105	68.705	74.481	75.284	52.300	68.705	74.481	75.284
Tổng cộng	473.047	961.915	1.038.919	1.009.832	470.163	961.400	1.038.405	1.009.780

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất và riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất và riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: () Số liệu tại thời điểm 31/12/2022 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2023 được kiểm toán của VietinBank. VietinBank thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 được kiểm toán theo ý kiến của KTNN tại Công văn số 297/KTNN-TH ngày 29/12/2023 của KTNN.*

Tổ Chức Phát Hành không có các cam kết khác có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành như các hợp đồng thuê sử dụng đất hay các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngoài các thông tin về nghĩa vụ tiềm ẩn đã nêu tại Mục IV.13.2 ở trên, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có phát sinh vụ việc tranh chấp, kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán và dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]



V. KẾT QUẢ HĐKD, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả HĐKD

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về HĐKD của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

1.1.1. Các chỉ tiêu về kết quả HĐKD

Kết quả HĐKD Hợp nhất

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2022 (*)	Năm 2023	% tăng (giảm) 2023/2022	6 tháng đầu năm 2024	9 tháng đầu năm 2024
Tổng giá trị tài sản	1.808.811	2.032.614	12,4%	2.161.436	2.229.791
VCSH	108.316	125.872	16,2%	135.973	140.986
Thu nhập lãi thuần	47.792	52.957	10,8%	30.513	46.091
Tổng thu nhập hoạt động	64.118	70.548	10,0%	38.706	60.623
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	44.922	50.105	11,5%	28.826	44.647
LNTT	21.132	24.990	18,3%	12.960	19.513
LNST	16.984	20.045	18,0%	10.412	15.604
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ túc (**)	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Kết quả HĐKD Công ty mẹ

Chỉ tiêu riêng (Tỷ đồng)	Năm 2022 (*)	Năm 2023	% tăng (giảm) 2023/2022	6 tháng đầu năm 2024	9 tháng đầu năm 2024
Tổng tài sản	1.793.621	2.011.258	12,1%	2.138.205	2.205.844
VCSH	104.625	121.752	16,4%	131.212	136.350
Thu nhập lãi thuần	46.850	51.768	10,5%	29.877	45.151
Tổng thu nhập hoạt động	62.338	68.376	9,7%	36.981	58.002
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	44.262	49.186	11,1%	27.863	43.613
LNTT	20.538	24.194	17,8%	12.204	18.719
LNST	16.528	19.457	17,7%	9.766	14.901

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Ghi chú:

(*): Số liệu năm 2022 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2023 được kiểm toán của VietinBank. VietinBank thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 được kiểm toán theo ý kiến của KTNN tại Công văn số 297/KTNN-TH ngày 29/12/2023 của KTNN.

(**): Theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên 2022, VietinBank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021 từ toàn bộ lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ năm 2021, số tiền 9.624 tỷ đồng. Tại nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023, ĐHĐCĐ đã thông qua tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi

nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016 (phương án đang trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Ngoài ra, cũng theo Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCD ngày 21/04/2023 của ĐHĐCD thường niên 2023, VietinBank sẽ chia cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu tương ứng với số tiền 11.521 tỷ đồng. Theo Nghị quyết ĐHĐCD thường niên 2024, VietinBank sẽ chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu tương ứng với số tiền 13.927 tỷ đồng. Phương án trả cổ tức chính thức sẽ được quyết định trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm lập Báo Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2022, 2023 do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Kết thúc năm 2023, bằng nỗ lực vượt trội, VietinBank đã triển khai hiệu quả các chủ điểm kinh doanh trọng tâm, hoàn thành kế hoạch ĐHĐCD, thể hiện qua các kết quả tăng trưởng ấn tượng. Tổng tài sản của VietinBank không chỉ tăng về quy mô mà còn luôn đảm bảo nâng cao chất lượng tài sản. Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo an toàn thanh khoản, tín dụng tăng trưởng mạnh đi đôi với kiểm soát chặt chẽ rủi ro. Bên cạnh đó, các chỉ số an toàn, tỷ lệ nợ xấu và bao phủ nợ xấu tiếp tục được cải thiện theo hướng an toàn, bền vững. VietinBank luôn kiên định và nhất quán trong việc xây dựng một bảng tổng kết tài sản lành mạnh, có tính thanh khoản và an toàn vốn cao, đáp ứng đầy đủ các quy định của NHNN. Cụ thể kết quả thực hiện một số chỉ tiêu hợp nhất năm 2023 như sau:

- Tổng tài sản của VietinBank đến ngày 31/12/2023 đạt 2,033 triệu tỷ đồng, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2022. Đây là năm đầu tiên Tổng tài sản của VietinBank vượt qua mức 2 triệu tỷ đồng;
- VCSH của Ngân hàng tăng 16,2% so với năm 2022 và đạt 126 nghìn tỷ đồng;
- Dư nợ tín dụng cuối kỳ đạt 1,478 triệu tỷ đồng tăng 15,5% so với cuối năm 2022. Tăng trưởng tín dụng của VietinBank luôn cao hơn mức tăng trưởng bình quân chung của toàn ngành, đồng thời tuân thủ hạn mức tăng trưởng của NHNN. VietinBank luôn chủ động tăng trưởng dư nợ tín dụng với kỷ luật chặt chẽ, đảm bảo hài hòa mục tiêu quản lý rủi ro gắn với tăng trưởng bền vững;
- Hiệu quả HĐKD ngày càng được cải thiện. Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng đạt 50,105 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với cuối năm 2022 và đạt mức tăng cao nhất từ trước đến nay. **LNTT riêng lẻ** năm 2023 đạt 24,194 nghìn tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2022, hoàn thành 108% kế hoạch ĐHĐCD giao. **LNTT hợp nhất** năm 2023 đạt 24,990 nghìn tỷ đồng, tăng 18,3% so với năm 2022.

Đến 30/09/2024, các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hợp nhất của VietinBank đều tăng so với cùng kỳ năm 2023. Tổng tài sản hợp nhất của VietinBank đạt 2.230 nghìn tỷ đồng, tăng gần 421 nghìn tỷ (23,27%) so với thời điểm cuối năm 2023; VCSH đạt gần 141 nghìn tỷ đồng, tăng gần 33 nghìn tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2023 (30,16%). VCSH tăng chủ yếu đến từ khoản LNST chưa phân phối (tăng hơn 15 nghìn tỷ, tương đương mức tăng 35,65% so với thời điểm cuối năm 2023). Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng 6 tháng đầu năm 2024 hợp nhất đạt 44,6 nghìn tỷ đồng, LNST đạt 15,6 nghìn tỷ đồng, đứng thứ năm trên thị trường.

1.1.2. Các chỉ tiêu khác

a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2022 ^(*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	3.060	2,9%	4.198	3,2%	2.399	3,9%	4.032	4,4%
Thu nhập lãi cho vay KH	92.897	88,8%	117.728	88,7%	53.430	87,5%	80.300	87,3%
Thu lãi từ chứng khoán nợ	6.810	6,5%	8.029	6,1%	3.457	5,7%	5.107	5,5%

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	873	0,8%	1.352	1,0%	909	1,5%	1.286	1,4%
Thu nhập lãi cho thuê TC	373	0,4%	554	0,4%	244	0,4%	356	0,4%
Thu khác từ HĐ tín dụng	651	0,6%	811	0,6%	650	1,0%	934	1,0%
Tổng cộng	104.664	100%	132.672	100%	61.089	100%	92.015	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng (Tỷ đồng)	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	3.021	2,9%	4.315	3,3%	2.457	4,1%	4.124	4,6%
Thu nhập lãi cho vay KH	92.361	89,3%	116.784	89,2%	52.934	87,9%	79.554	87,7%
Thu lãi từ chứng khoán nợ	6.499	6,3%	7.728	5,9%	3.296	5,5%	4.846	5,3%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	872	0,8%	1.351	1,0%	909	1,5%	1.284	1,4%
Thu khác từ HĐ tín dụng	633	0,6%	785	0,6%	634	1,0%	914	1,0%
Tổng cộng	103.386	100%	130.963	100%	60.230	100%	90.722	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

b) Tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	47.792	74,5%	52.957	75,1%	30.513	78,8%	46.091	76,0%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.862	9,1%	7.114	10,1%	3.665	9,5%	5.466	9,0%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.556	5,6%	4.248	6,0%	2.530	6,5%	3.139	5,2%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-112	-0,2%	293	0,4%	63	0,2%	79	0,1%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-30	0,0%	-154	-0,2%	-140	-0,3%	-341	-0,5%
Lãi thuần từ hoạt động khác	6.538	10,2%	5.803	8,2%	1.865	4,8%	5.828	9,6%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	512	0,8%	287	0,4%	210	0,5%	361	0,6%

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tổng cộng	64.118	100%	70.548	100%	38.706	100%	60.623	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Tổng thu nhập hoạt động (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng (Tỷ đồng)	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	46.850	73,2%	51.768	73,7%	29.877	80,8%	45.151	77,8%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.022	8,1%	5.908	8,7%	2.820	7,6%	4.069	7,0%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.581	5,7%	4.263	6,2%	2.503	6,8%	3.123	5,4%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-40	-0,1%	-4	0,0%	1	0,0%	2	0,0%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-38	-0,1%	-19	0,0%	-105	-0,3%	-295	-0,5%
Lãi thuần từ hoạt động khác	6.423	10,3%	5.832	8,5%	1.882	5,1%	5.906	10,2%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	540	0,9%	628	0,9%	3	0,0%	46	0,1%
Tổng cộng	62.338	100%	68.376	100%	36.981	100%	58.002	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

c) Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	220	1,1%	25	0,1%	13	0,1%	23	0,1%
Chi cho nhân viên	11.087	57,8%	11.636	56,9%	5.834	59,1%	9.242	57,8%
Chi về tài sản	2.692	14,0%	2.715	13,3%	1.255	12,7%	1.941	12,2%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	4.227	22,0%	4.909	24,0%	2.127	21,5%	3.267	20,5%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	880	4,6%	986	4,8%	541	5,5%	828	5,2%
Chi phí dự	88	0,5%	172	0,9%	111	1,1%	676	4,2%

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
phòng								
Tổng cộng	19.194	100%	20.443	100%	9.881	100%	15.977	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	213	1,2%	18	0,1%	11	0,1%	18	0,1%
Chi cho nhân viên	10.382	57,4%	10.913	56,9%	5.390	59,1%	8.616	59,9%
Chi về tài sản	2.622	14,5%	2.630	13,7%	1.205	13,2%	1.869	13,0%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	3.992	22,1%	4.597	24,0%	1.973	21,7%	3.061	21,3%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	877	4,9%	983	5,1%	539	5,9%	825	5,7%
Chi phí dự phòng	-10	-0,1%	49	0,2%	0	0,0%	0	0,0%
Tổng cộng	18.076	100%	19.190	100%	9.118	100%	14.389	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

d) Báo cáo thay đổi VCSH

Báo cáo thay đổi VCSH (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Vốn của TCTD	57.869	53,5%	63.511	50,5%	63.511	46,7%	63.511	45,1%
+ Vốn điều lệ	48.058	44,4%	53.700	42,7%	53.700	39,5%	53.700	38,1%
+ Thặng dư Vốn cổ phần	8.975	8,3%	8.975	7,1%	8.975	6,6%	8.975	6,4%
+ Vốn khác	836	0,8%	836	0,7%	836	0,6%	836	0,6%
Quỹ của TCTD	16.075	14,8%	19.044	15,1%	19.071	14,0%	19.077	13,5%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	121	0,1%	87	0,1%	183	0,1%	36	0,0%

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
LNST chưa phân phối	33.513	30,9%	42.369	33,6%	52.285	38,5%	57.472	40,8%
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	739	0,7%	861	0,7%	924	0,7%	891	0,6%
Tổng cộng	108.317	100%	125.872	100%	135.974	100%	140.987	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Báo cáo thay đổi VCSH (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng	Năm 2022 (*)		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Vốn của TCTD	57.028	54,5%	62.670	51,5%	62.670	47,8%	62.670	46,0%
+ Vốn điều lệ	48.058	45,9%	53.700	44,1%	53.700	40,9%	53.700	39,4%
+ Thặng dư Vốn có phần	8.970	8,6%	8.970	7,4%	8.970	6,8%	8.970	6,6%
Quỹ của TCTD	15.690	15,0%	18.618	15,3%	18.618	14,2%	18.618	13,6%
LNST chưa phân phối	31.908	30,5%	40.464	33,2%	49.924	38,0%	55.062	40,4%
Tổng cộng	104.626	100%	121.752	100%	131.212	100%	136.350	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: () Số liệu năm 2022 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2023 được kiểm toán của VietinBank. VietinBank thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 được kiểm toán theo ý kiến của KTNN tại Công văn số 297/KTNN-TH ngày 29/12/2023 của KTNN.*

1.1.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập:

- ✓ **Đối với Báo cáo tài chính năm 2022**, Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam với tư cách đơn vị kiểm toán có ý kiến như sau: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng/hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng/hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động riêng/hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng/hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng/hợp nhất.
- ✓ **Đối với báo cáo tài chính năm 2023**, Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam với tư cách đơn vị kiểm toán có ý kiến như sau: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng/hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng/hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động riêng/hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng/hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng/hợp nhất.
- ✓ **Đối với báo cáo tài chính bán niên 2024**, Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam với tư cách đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính có ý kiến như sau: Căn cứ trên kết quả soát

xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng/hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng/hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động riêng/hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng/hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng/hợp nhất giữa niên độ.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến HĐKD của Tổ Chức Phát Hành

✓ *Những nhân tố chính tác động đến tình hình HĐKD của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đang kỳ chào bán:*

Năm 2022, tiến trình phục hồi sau đại dịch COVID-19 của thế giới đã đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, tình hình kinh tế toàn cầu và khu vực có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường. Nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ xảy ra như xung đột quân sự tại Nga – Ucraina, lạm phát cao kỷ lục tại nhiều quốc gia, thiên tai kéo dài trên diện rộng tại nhiều khu vực... khiến nhiều quốc gia đã ngay lập tức có những biện pháp, hành động để hạn chế ảnh hưởng bất lợi của tình hình vĩ mô thế giới như điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt, áp dụng mọi biện pháp để đảm bảo an ninh năng lượng ..., từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam.

Trong bối cảnh nhiều nền kinh tế thế giới suy giảm tăng trưởng, kinh tế Việt Nam đã có bước phục hồi mạnh mẽ, đạt nhiều kết quả tích cực và toàn diện. Tăng trưởng GDP năm 2022 đạt 8,02% là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây và vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6 – 6,5%, nền tảng vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định.

Đóng góp tích cực vào thành tựu của nền kinh tế, NHNN đã cân đối các mục tiêu kinh tế vĩ mô trọng tâm và triển khai đồng bộ, linh hoạt các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, ổn định tỷ giá, kiểm chế lạm phát, bảo đảm an toàn hoạt động cho hệ thống tài chính. Dự nợ tín dụng toàn ngành năm 2022 tăng khoảng 14,2% đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế. Đồng thời, NHNN tiếp tục định hướng, chỉ đạo các NHTM sử dụng chi phí hợp lý, chú trọng chuyển đổi số, nỗ lực giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau giai đoạn dịch bệnh kéo dài, đồng thời chủ động, tích cực triển khai các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

Năm 2022, bất chấp những khó khăn vĩ mô của thế giới và Việt Nam như trên, VietinBank đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, đi đầu trong việc thực thi các chính sách, định hướng của Đảng và Nhà nước, nỗ lực đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tái cấu trúc toàn diện hoạt động theo hướng chuyển đổi mạnh mẽ hồ hình tăng trưởng, chuyển dịch nhanh cơ cấu thu nhập, triển khai chiến lược khách hàng là trung tâm, xác định phương thức cạnh tranh theo hướng chú trọng phát triển giải pháp ngân hàng tài chính hiện đại, nâng cao năng lực tư vấn, chất lượng dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng. Theo đó, VietinBank đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kế hoạch DHDCĐ giao với những kết quả ấn tượng trong năm 2022, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản hợp nhất của VietinBank đạt 1,81 triệu tỷ đồng, tăng 18,1% so với năm 2021. Dự nợ tín dụng hợp nhất đạt 1,28 triệu tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2021; tỷ trọng dự nợ KHCN và KHDN vừa và nhỏ tiếp tục tăng trưởng giúp phân tán RRTD và nâng cao khả năng sinh lời của danh mục tín dụng ... LNTT hợp nhất đạt 21.132 tỷ đồng, tăng 20,1% so với năm 2021.
- Năm 2022 VietinBank tiếp tục chủ động tiết giảm chi phí và quản lý tốt chất lượng tài sản, tạo điều kiện tăng trưởng tín dụng và các SPDV ngân hàng hiện đại, triển khai các chương trình ưu đãi lãi suất cho vay, giúp khách hàng tiếp cận được nguồn vốn tín dụng và các SPDV ngân hàng với chi phí thấp, đáp ứng tối ưu nhu cầu tài chính của nền kinh tế. VietinBank định hướng tăng trưởng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các ngành nghề, doanh nghiệp có lợi thế và tiềm năng phát triển, thuộc đối tượng được Chính phủ, NHNN ưu tiên khuyến khích; Phân

bổ nguồn lực vào các khu vực kinh tế trọng điểm, đồng hành cùng các vùng và các địa phương để thúc đẩy kinh tế vùng, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước; Kiểm soát chặt tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

- VietinBank đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tập trung phát triển nguồn lao động chất lượng cao cho các nghiệp vụ cốt lõi; chủ động trong nhận diện và đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ nhân tài (VietinBank Top 500). Ứng dụng công nghệ gia tăng tự động hóa thúc đẩy năng suất lao động, thay đổi phương thức làm việc linh hoạt ứng dụng công nghệ, đặc biệt trong giai đoạn yêu cầu giãn cách do dịch bệnh. Hoạt động quản trị tài chính được nâng cao, phân bổ nguồn lực tài chính bài bản và hiệu quả. Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động được kiểm soát.

Năm 2023, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Xung đột Nga - Ukraine tiếp diễn, trong khi xung đột mới bùng phát ở Trung Đông, Biển Đỏ trong các tháng cuối năm. Tình trạng thời tiết cực đoan diễn ra ở nhiều nơi, hạn hán kéo dài trên phạm vi rộng, bão lũ, thiên tai ở các quốc gia làm cho sản xuất và tiêu dùng lương thực mất cân đối. Thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động. Lạm phát tiếp tục neo ở mức cao, tăng trưởng thương mại yếu và niềm tin người tiêu dùng chậm phục hồi. Hệ thống tài chính, ngân hàng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro sau sự đổ vỡ của một số ngân hàng tại Mỹ và Thụy Sĩ. Kinh tế Trung Quốc mở cửa trở lại nhưng phục hồi không như kỳ vọng.

Tại Việt Nam, tăng trưởng GDP cả năm đạt 5,05%, thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra từ đầu năm (khoảng 6,5%). Trong năm qua, NHNN có 04 lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành với tổng mức giảm từ 0,5 - 2%/năm, đồng thời chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và nền kinh tế phục hồi sản xuất, kinh doanh. Việc giảm lãi suất điều hành tạo điều kiện để các ngân hàng thương mại giảm lãi suất huy động, từ đó giảm lãi suất cho vay. Tính đến cuối tháng 12/2023, mặt bằng lãi suất cho vay toàn hệ thống giảm từ 1 - 2% so với đầu năm. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn tín dụng với chi phí lãi vay thấp hơn để mở rộng sản xuất, kinh doanh. Tín dụng năm 2023 tăng 13,71% với sự bật tăng mạnh mẽ trong tháng 12/2023 chủ yếu đến từ tăng trưởng tín dụng của khách hàng tổ chức. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn thấp hơn so với mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 14 - 15% đề ra cho năm 2023.

Năm 2023, dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ thị trường trong nước và quốc tế, hoạt động kinh doanh của VietinBank vẫn tiếp tục đạt được những kết quả tích cực:

- Tổng tài sản hợp nhất của VietinBank lần đầu tiên vượt mốc 2 triệu tỷ đồng, đạt 2,033 triệu tỷ đồng, tăng 12,4% so với năm 2022. Cơ cấu nguồn vốn huy động tại 31/12/2023 (tổng nợ phải trả) hợp nhất đạt 1.907 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2022. Trong đó, các khoản nợ Chính phủ và NHNN giảm mạnh 79,2% trong bối cảnh tiền gửi khách hàng và thanh khoản thị trường tiền tệ liên ngân hàng dồi dào. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 đạt 24,990 nghìn tỷ đồng, tăng 18,3% so với năm 2022, hoàn thành mục tiêu kế hoạch ĐHCĐ thường niên 2023 giao trên cơ sở đảm bảo các chỉ tiêu an toàn hoạt động.
- Đồng thời, hướng tới mục tiêu đưa VietinBank trở thành ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực tín dụng xanh, tài trợ bền vững tại VietinBank, Ngân hàng chú trọng phát triển bền vững, triển khai các chương trình tài trợ vốn trong lĩnh vực năng lượng xanh, xuất khẩu xanh và công trình xanh; tiến hành ký kết thỏa thuận hợp tác với Bộ Tài nguyên và Môi trường, ký kết thỏa thuận với Ngân hàng MUFG quy mô huy động lên tới 1 tỷ USD tại COP 28. Kết thúc năm 2023, tỷ trọng tài trợ dự án xanh trong tổng dư nợ tín dụng của Ngân hàng đạt 3,2%, với gần 1.000 khách hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng trong các lĩnh vực phát triển bền vững.
- ✓ *Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả HDKD của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất*

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 được dự báo giảm so với các dự báo trước đây. Các rủi ro cản trở đà tăng trưởng kinh tế thế giới vẫn đang hiện hữu và một số xu hướng mới xuất hiện như căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực trên thế giới; Tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt để chống lạm phát, chính sách hỗ trợ tái khóa thu hẹp dần trong bối cảnh nợ công có dấu hiệu tăng cao. Tác động trễ của việc thắt chặt cung tiền ở một số ngân hàng trung ương có thể nhận thấy rõ ở các nền kinh tế phát triển, với tốc độ tăng trưởng trung bình chậm lại, được dự báo khoảng 1% vào năm 2024 (Nguồn: IMF); Cạnh tranh gay gắt giữa Mỹ và các đồng minh với Trung Quốc được dự báo gia tăng trong thời gian tới. Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới cũng có nhiều yếu tố tích cực như một số động lực tăng trưởng mới xuất hiện của kinh tế thế giới trong giai đoạn này đặc biệt là xu hướng chuyển đổi xanh và liên kết kinh tế sau đại dịch COVID-19 tiếp tục được thúc đẩy. Ngoài ra, sự phát triển nhanh của chuyển đổi số nhờ Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang tiếp diễn sẽ tạo ra những đột phá mới hỗ trợ đà tăng trưởng của kinh tế toàn cầu. Lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ giảm dần, từ 8,7% năm 2022, 6,9% năm 2023 xuống còn 5,8% năm 2024 (Nguồn: IMF). Theo nhận định của các chuyên gia, áp lực giá cả trên thế giới sẽ giảm bớt khi các quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, giá năng lượng giảm, cùng với thị trường lao động mạnh.

Trong nước, kinh tế Việt Nam năm 2024 được dự báo tăng trưởng phục hồi tốt hơn so với năm 2023. Theo ông Andrea Coppola, chuyên gia kinh tế trưởng của Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam, sau khi trải qua giai đoạn giảm tốc trong năm 2023, nền kinh tế Việt Nam đang có một số tín hiệu phục hồi vào đầu năm 2024. Xuất khẩu đang phục hồi, tiêu dùng và đầu tư tư nhân trong nước cũng trên đà tăng dần. Xuất khẩu theo giá so sánh dự kiến tăng 3,5% vào năm 2024, phản ánh nhu cầu toàn cầu dần cải thiện. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 06-6,5%; tốc độ tăng CPI bình quân 04 - 4,5%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 4,8% - 5,3%; tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đạt 26,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 69%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%.... Cùng với đó, lĩnh vực tài chính của Việt Nam cũng được dự báo tích cực hơn.

Đối với chính sách tiền tệ, năm 2024, NHNN sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác. Qua đó, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát mục tiêu năm 2024 bình quân khoảng 4-4,5%, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng. Định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2024 khoảng 15%.

Tỷ giá mặc dù còn chịu áp lực lớn trước khi FED quyết định giảm lãi suất nhưng sẽ hạ nhiệt dần từ cuối quý 2/2024, với mức tăng khoảng 2,5-3% trong năm 2024. Dự báo áp lực tỷ giá sẽ giảm dần từ này đến cuối năm 2024 cũng như đầu năm tới khi chênh lệch lãi suất VND và USD thu hẹp trong bối cảnh Fed có thể bắt đầu hạ lãi suất (trong tháng 09/2024 và có thể thêm một lần nữa cuối năm 2024), cung - cầu ngoại tệ được cân đối và thị trường vàng ổn định hơn.

Thanh khoản thị trường được kỳ vọng có sự cải thiện tích cực. Tăng trưởng lợi nhuận của các định chế tài chính năm 2024 được dự báo sẽ ở mức cao hơn năm 2023...

Hết 09 tháng năm 2024, GDP cả nước ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng trưởng tích cực, cho thấy Việt Nam đã thích ứng nhanh, kịp thời với những biến động của kinh tế thế giới cũng như những khó khăn về kinh tế trong nước và các thiệt hại do thiên tai, bão lũ gây ra. Lạm phát 09 tháng năm 2024 tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước, được kiểm soát dưới mục tiêu Quốc hội đề ra (từ 4 - 4,5%).

VietinBank cần tiếp tục chú trọng đẩy mạnh huy động vốn, đặc biệt là các nguồn vốn có chi phí thấp, nâng cao chất lượng danh mục tín dụng, cải thiện tỷ lệ tài sản đảm bảo, đồng thời thúc đẩy các đầu thu nhập ngoài lãi để đảm bảo mục tiêu hiệu quả lợi nhuận cả năm 2024 và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của ngân hàng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

a) Tình hình công nợ

VietinBank thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Công nợ các khoản phải thu (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng	31/12/2022 (*)	31/12/2023	% tăng/giảm 2023 so với 2022	30/06/2024	30/09/2024
Các khoản phải thu	65.994	41.455	-37,2%	36.348	30.800
Các khoản lãi, phí phải thu	12.399	14.762	19,1%	12.967	12.709
Tài sản cố khác	3.322	3.484	4,9%	3.445	3.437
Các khoản dự phòng rủi ro khác	-62	-107	-	-107	-107
Tổng cộng	81.653	59.594	-27,0%	52.653	46.839

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Công nợ các khoản phải thu (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng	31/12/2022 (*)	31/12/2023	% tăng/giảm 2023 so với 2022	30/06/2024	30/09/2024
Các khoản phải thu	65.208	40.263	-38,3%	34.997	28.884
Các khoản lãi, phí phải thu	12.130	14.360	18,4%	12.665	12.393
Tài sản cố khác	2.845	2.893	1,7%	2.844	2.836
Các khoản dự phòng rủi ro khác	-30	-79	-	-79	-79
Tổng cộng	80.153	57.437	-28,3%	50.427	44.034

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Công nợ các khoản phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng	31/12/2022 (*)	31/12/2023	% tăng/giảm 2023 so với 2022	30/06/2024	30/09/2024
Các khoản lãi, phí phải trả	21.588	27.999	29,7%	22.421	21.278
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	-	0	0
Các khoản phải trả và công nợ khác	20.720	22.137	6,8%	21.501	20.097
Dự phòng rủi ro khác	1.039	1.401	34,8%	1.580	2.515
Tổng cộng	43.347	51.537	18,9%	45.502	43.890

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên 2024 được soát xét và BCTC hợp nhất quý III/2024 tự lập của VietinBank)

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Công nợ các khoản phải trả (Công ty mẹ)

<i>Đơn vị: Tỷ đồng</i>	31/12/2022 (*)	31/12/2023	% tăng/giảm 2023 so với 2022	30/06/2024	30/09/2024
Các khoản lãi, phí phải trả	21.180	27.958	32,0%	22.358	21.230
Các khoản phải trả và công nợ khác	18.405	16.885	-8,3%	15.913	14.553
Tổng cộng	39.585	44.843	13,3%	38.271	35.783

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên 2024 được soát xét và BCTC riêng quý III/2024 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: (*) Số liệu tại thời điểm 31/12/2022 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2023 được kiểm toán của VietinBank. VietinBank thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 được kiểm toán theo ý kiến của KTNN tại Công văn số 297/KTNN-TH ngày 29/12/2023 của KTNN.

b) Trái phiếu chưa đáo hạn

Tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, tổng số dư trái phiếu do VietinBank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn 45.857,020 tỷ đồng theo mệnh giá. Toàn bộ trái phiếu chưa đáo hạn của VietinBank đều là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (trái phiếu tăng vốn), cụ thể như sau:

STT	Tên trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá	Số lượng trái phiếu (TP)	Giá trị mệnh giá (tỷ đồng)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Lãi suất TP
I	Trái phiếu phát hành ra công chúng				163.670.200	16.367,020		
1	Năm 2020	30/07/2020	10 năm	100.000 đồng/TP	35.000.000	3.500,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1%
2	Năm 2020	24/09/2020	10 năm	100.000 đồng/TP	12.824.500	1.282,450	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1%
3	Năm 2021	18/11/2021	10 năm	100.000 đồng/TP	34.922.000	3.492,200	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1%
4	Năm 2023	20/07/2023	8 năm	100.000 đồng/TP	20.000.000	2.000,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
5	Năm 2023	20/07/2023	10 năm	100.000 đồng/TP	30.000.000	3.000,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,3%
6	Năm 2023	01/11/2023	8 năm	100.000 đồng/TP	15.000.000	1.500,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
7	Năm 2023	01/11/2023	10 năm	100.000 đồng/TP	15.923.700	1.592,370	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,3%
II	Trái phiếu phát hành riêng lẻ				208.500	29.490,000		
1	Năm 2015	26/06/2015	10 năm 1 ngày	01 tỷ đồng/TP	450	450,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	7,4% cho 5 năm đầu và 7,9% cho các năm còn lại
2	Năm 2018	21/06/2018	15 năm	01 tỷ đồng/TP	180	180,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+0,8%

		01/11/2018	15 năm/01 tỷ đồng/TP	100	100,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,1%
3	Năm 2019	30/07/2019	15 năm/01 tỷ đồng/TP	50	50,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 8,2%
4	Năm 2020	22/05/2020	15 năm/01 tỷ đồng/TP	50	50,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
		08/07/2020	15 năm/01 tỷ đồng/TP	500	500,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,85%
		04/08/2020	15 năm/01 tỷ đồng/TP	50	50,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,85%
		04/08/2020	15 năm/01 tỷ đồng/TP	50	50,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,85%
5	Năm 2021	10/05/2021	15 năm/01 tỷ đồng/TP	85	85,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,7%
		28/07/2021	15 năm/01 tỷ đồng/TP	700	700,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,75%
			15 năm/01 tỷ đồng/TP	50	50,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,7%
		29/07/2021	15 năm/01 tỷ đồng/TP	100	100,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,7%
			10 năm/01 tỷ đồng/TP	1.000	1.000,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1%
		17/09/2021	15 năm/01 tỷ đồng/TP	50	50,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,7%
		14/10/2021	15 năm/01 tỷ đồng/TP	50	50,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,7%
29/11/2021	15 năm/01 tỷ đồng/TP	140	140,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%		
6	Năm 2022	03/06/2022	15 năm/01 tỷ đồng/TP	100	100,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
		24/06/2022	15 năm/01 tỷ đồng/TP	200	200,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,8%
		29/06/2022	8 năm/01 tỷ đồng/TP	1.200	1.200,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%
		07/07/2022	8 năm/01 tỷ đồng/TP	195	195,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%
		19/07/2022	8 năm/01 tỷ đồng/TP	50	50,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%
		21/07/2022	15 năm/01 tỷ đồng/TP	185	185,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,8%
		26/07/2022	8 năm/01 tỷ đồng/TP	70	70,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%
		28/07/2022	15 năm/01 tỷ đồng/TP	40	40,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,8%
		02/08/2022	8 năm/01 tỷ đồng/TP	50	50,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%
		19/08/2022	15 năm/01 tỷ đồng/TP	100	100,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,9%
		23/08/2022	8 năm/01 tỷ đồng/TP	230	230,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +0,9%
		30/08/2022	15 năm/01 tỷ đồng/TP	100	100,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +1,2%
		08/09/2022	10 năm/01 tỷ đồng/TP	90	90,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,8%
		15/09/2022	8 năm/01 tỷ đồng/TP	3.000	3.000,000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +1,1%

7	Năm 2023	29/06/2023	10 năm	100 triệu đồng/TP	5.000	500.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,6%
		11/07/2023	10 năm	100 triệu đồng/TP	1.000	100.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,5%
		27/07/2023	15 năm	100 triệu đồng/TP	4.000	400.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
		31/07/2023	15 năm	100 triệu đồng/TP	10.150	1.015.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,7%
		21/08/2023	15 năm	01 tỷ đồng/TP	385	385.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,5%
		28/09/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	20.000	2.000.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,3%
		10/11/2023	10 năm	100 triệu đồng/TP	4.500	450.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 7,1%
		23/11/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	1.000	100.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC +1,3%
		30/11/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	3.000	300.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,2%
		06/12/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	4.000	400.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,2%
		29/12/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	8.000	800.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,2%
		29/12/2023	8 năm	100 triệu đồng/TP	24.000	2.400.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,2%
		29/12/2023	10 năm	100 triệu đồng/TP	10.000	1.000.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,2%
		8	Năm 2024	05/07/2024	10 năm	100 triệu đồng/TP	30.000	3.000.000
09/07/2024	15 năm			100 triệu đồng/TP	10.000	1.000.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
11/07/2024	8 năm			100 triệu đồng/TP	4.000	400.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,2%
17/07/2024	15 năm			100 triệu đồng/TP	2.300	230.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
24/07/2024	10 năm			100 triệu đồng/TP	3.200	320.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 1,4%
02/08/2024	8 năm			100 triệu đồng/TP	1.500	150.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
06/08/2024	15 năm			100 triệu đồng/TP	1.000	100.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
15/08/2024	8 năm			100 triệu đồng/TP	2.500	250.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,1%
20/08/2024	8 năm			100 triệu đồng/TP	10.000	1.000.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,2%
23/08/2024	15 năm			100 triệu đồng/TP	1.250	125.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
10/09/2024	15 năm			100 triệu đồng/TP	8.500	850	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
11/09/2024	10 năm			100 triệu đồng/TP	20.000	2.000	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+ 1,4%
15/10/2024	15 năm			100 triệu đồng/TP	9.000	900	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%

	28/10/2024	15 năm	100 triệu đồng/TP	1.000	100	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSCD 6,5%
Tổng cộng (= I + II)				163.878.700	45.857.020		

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú: "LSTC" là lãi suất tham chiếu, là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm có nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) của 4 ngân hàng tại Việt Nam: VietinBank, Vietcombank, BIDV và Agribank; "LSCD" là lãi suất cố định, áp dụng trong suốt thời hạn trái phiếu.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn nói trên, VietinBank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành đã được VietinBank thực hiện kê khai và thanh toán cho các cơ quan thuế đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước (Hợp nhất)

Chỉ tiêu (Đơn vị: Tỷ đồng)	Số đã nộp trong kỳ					
	Năm 2022 (*)	% tăng/giảm 2022 so với 2021	Năm 2023	% tăng/giảm 2023 so với 2022	6 tháng năm 2024	9 tháng năm 2024
a) Các khoản phải thu						
Thuế TNDN	2	-	1	-50,0%	3	46
Thuế GTGT	0	-	3	-	5	4
Các loại thuế khác	0	-	-	-	1	0
Tổng	2	-	4	100,0%	9	50
b) Các khoản phải trả						
Thuế GTGT	1.022	56,1%	768	-24,9%	76	84
Thuế TNDN	1.909	-52,3%	4.790	150,9%	1.352	1.384
Các loại thuế khác	1.084	13,3%	1.278	17,9%	88	98
Tổng	4.015	-28,5%	6.836	70,3%	1.516	1.566

(Nguồn: VietinBank)

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu (Đơn vị: Tỷ đồng)	Số đã nộp trong kỳ					
	Năm 2022 (*)	% tăng/giảm 2022 so với 2021	Năm 2023	% tăng/giảm so với 2022	6 tháng năm 2024	9 tháng năm 2024
Thuế GTGT	903	66,0%	651	-27,9%	67	75
Thuế TNDN	1.731	-55,0%	4.624	167,1%	1.285	1.357
Các loại thuế khác	974	13,7%	1.171	20,2%	73	84
Tổng	3.608	-31,2%	6.446	78,7%	1.425	1.516

(Nguồn: VietinBank)

d) Trích lập các quỹ

VietinBank tuân thủ và thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được VietinBank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ LNST của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% LNST, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% LNST;
- Quỹ thưởng Ban Điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của ĐHĐCĐ.

Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất của VietinBank:

STT	Chỉ tiêu (Đơn vị: Tỷ đồng)	Năm 2023 (*)	Năm 2022 (**)
1	LNST riêng lẻ	19.457	16.379
2	Điều chỉnh do thay đổi lợi nhuận năm trước	3	-
3	Lợi nhuận phân phối [=(1)-(2)]	19.454	-
4	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	973	819
5	Trích quỹ dự phòng tài chính	1.945	1.638
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.609	2.315
7	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	13.927	11.521
8	Chia cổ tức bằng tiền mặt/cổ phiếu	VietinBank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, số tiền 13.927	VietinBank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, số tiền 11.521 tỷ đồng
9	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và chia cổ tức (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)	0	0

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú:

(*) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của VietinBank thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT VietinBank: (i) Quyết định và thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 chính thức trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; (ii) Quyết định mức tạm trích lập các quỹ trong năm 2024 từ nguồn lợi nhuận riêng lẻ sau thuế năm 2023 với mức trích lập tối đa theo quy định hiện hành.

(**) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của VietinBank thông qua tại Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT VietinBank: (i) Quyết định và thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 chính thức trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; (ii) Quyết định mức tạm trích lập các quỹ trong năm 2023 từ nguồn lợi nhuận riêng lẻ sau thuế năm 2022 với mức trích lập tối đa theo quy định hiện hành.

e) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2024, kinh tế Việt Nam được dự báo có nhiều thuận lợi song cũng phải đối mặt với không ít thách thức. Bên cạnh đó, với triển vọng vẫn còn khá âm ảm của kinh tế thế giới có thể có gây tác động tiêu cực đến HĐKD của ngành ngân hàng nói chung và VietinBank nói riêng.

Thời gian qua, mặt bằng lãi suất đang ở mức thấp, tuy nhiên tăng trưởng tín dụng chỉ được thúc đẩy chủ yếu bởi phân khúc doanh nghiệp, trong khi đó cho vay bán lẻ chưa có dấu hiệu phục hồi do chi tiêu và nhu cầu tiêu dùng yếu hơn và khách hàng bán lẻ cũng nhạy cảm hơn trước tác động của suy thoái kinh tế. Đồng thời, môi trường lãi suất thấp trong nước có thể sẽ không được duy trì lâu do ảnh

hường của môi trường quốc tế lãi suất cao.

Dù có nhiều chính sách hỗ trợ từ Nhà nước, chính phủ và NHNN, chất lượng tài sản của nhiều Ngân hàng năm 2023 vẫn xấu hơn so với năm 2022 tuy nhiên có thể được cải thiện trong năm 2024 do tỷ lệ nợ xấu mới sẽ chậm lại và chi phí tín dụng được kiểm soát trong năm 2024.

Bám sát chỉ đạo của Chính Phủ và NHNN, từ năm 2023 đến nay, VietinBank đã tiên phong thực thi có hiệu quả chính sách tiền tệ, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Tín dụng tập trung vào sản xuất kinh doanh, nhất là lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính Phủ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, gia tăng khả năng tiếp cận vốn của người dân, doanh nghiệp... Ngoài ra, để hạn chế, giảm thiểu tác động xấu có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, VietinBank đã và đang tích cực đồng hành cùng với khách hàng, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như ưu đãi lãi suất, cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ... giúp khách hàng, doanh nghiệp ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, VietinBank sẽ phải triển khai các biện pháp, chính sách giảm lãi suất cho khách hàng; gia hạn và kéo dài thời gian thu hồi, xử lý nợ; chủ động trích lập dự phòng bổ sung các khoản vay. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng và thu hẹp.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Công ty mẹ			
	31/12/2022 ⁽¹⁾	31/12/2023	30/06/2024	30/09/2024	31/12/2022 ⁽¹⁾	31/12/2023	30/06/2024	30/09/2024
Chỉ tiêu về vốn								
+ Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	48.058	53.700	53.700	53.700	48.058	53.700	53.700	53.700
+ Vốn tự có (Tỷ đồng)	145.453	169.574	181.733	191.633	142.100	166.271	178.158	187.964
+ Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (**)	8,99%	9,31%	9,54%	9,85%	8,91%	9,28%	9,50%	9,79%
Chất lượng tài sản								
+ Tỷ lệ nợ quá hạn / Tổng dư nợ	3,59%	2,68%	3,01%	2,88%	3,60%	2,67%	2,98%	2,87%
+ Tỷ lệ nợ xấu / Tổng dư nợ	1,24%	1,13%	1,57%	1,45%	1,24%	1,12%	1,55%	1,43%
+ (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các TCTD khác) / Tổng tài sản	71,57%	73,50%	73,49%	72,49%	71,47%	73,45%	73,47%	72,49%
+ Tài sản có sinh lời / Tổng tài sản có nội bảng	95,60%	97,31%	97,83%	98,45%	95,53%	97,25%	97,79%	98,46%
Khả năng thanh khoản (***)								
+ Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	n/a	n/a	n/a	n/a	15,07%	16,32%	16,21%	15,10%
+ Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn	n/a	n/a	n/a	n/a	25,67%	20,41%	21,87%	21,67%
+ Tỷ lệ dư nợ cho vay / Tổng tiền gửi (LDR)	n/a	n/a	n/a	n/a	81,85%	80,62%	83,59%	82,24%
Kết quả HDKD (****)								
+ Tỷ lệ LNTT / VCSH bình quân	20,91%	21,34%	19,80%	19,50%	21,06%	21,38%	19,30%	19,34%
+ Tỷ lệ LNTT / Tổng tài sản bình quân	1,26%	1,30%	1,24%	1,22%	1,24%	1,20%	1,18%	1,18%
+ Thu nhập lãi cùn biên (NIM)	2,98%	2,86%	2,98%	2,95%	2,96%	2,82%	2,95%	2,92%
+ ROA	0,94%	0,99%	0,96%	0,93%	0,98%	0,97%	0,91%	0,90%

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Công ty mẹ			
	31/12/2022 (*)	31/12/2023	30/06/2024	30/09/2024	31/12/2022 (*)	31/12/2023	30/06/2024	30/09/2024
+ ROAA	1,02%	1,04%	0,99%	0,98%	1,00%	1,02%	0,94%	0,94%
+ ROE	15,67%	15,92%	15,31%	14,76%	15,77%	15,98%	14,89%	14,57%
+ ROAE	16,81%	17,12%	15,91%	15,59%	16,95%	17,19%	15,44%	15,40%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng/cổ phiếu)	3.518	3.706	1.923	2.896	3.433	3.623	1.819	2.775
+ Thu nhập dịch vụ / Tổng thu nhập	18,23%	17,56%	16,20%	15,50%	13,41%	13,90%	12,39%	11,66%
+ Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ / LNTT	28,84%	28,47%	28,28%	28,01%	24,51%	24,42%	23,11%	21,74%

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú:

(*) Số liệu tại thời điểm 31/12/2022 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2023 được kiểm toán. VietinBank thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 được kiểm toán theo ý kiến của KTN tại Công văn số 297/KTNN-TH ngày 29/12/2023 của KTN.

(**) Kể từ ngày 01/01/2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (tối thiểu là 8%). Trước năm 2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (tối thiểu là 9%).

(***) Các tỷ lệ về khả năng thanh khoản của VietinBank được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và chỉ được tính số liệu Công ty mẹ.

(****) Các chỉ tiêu LNTT / VCSH bình quân, LNTT / Tổng tài sản bình quân, ROA, ROAA, ROE, ROAE được xác định theo quy định hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 107 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

n/a: Không áp dụng

➤ **Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.**

3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là Tổ Chức Kiểm Toán, thực hiện kiểm toán các BCTC riêng và hợp nhất năm 2022 và 2023, soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên 2024 của VietinBank. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán sau khi thực hiện kiểm toán/soát xét đối với các BCTC này là ý kiến chấp thuận toàn phần.

- Theo ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán, các BCTC riêng và hợp nhất năm 2022, 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của VietinBank (và các công ty con) vào ngày kết thúc năm tài chính năm 2022, 2023, cũng như kết quả HĐKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC riêng và hợp nhất.
- Theo ý kiến của Tổ chức thực hiện soát xét các BCTC bán niên 2024, không thấy có vấn đề gì khiến Tổ chức thực hiện soát xét BCTC cho rằng báo cáo tài chính riêng/hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng/hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động riêng/hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng/hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng/hợp nhất giữa niên độ.

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

Không áp dụng.

VietinBank và Trái Phiếu VietinBank đăng ký chào bán ra công chúng đợt này không thuộc trường hợp phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành (tại Điểm g, Khoản 3, Điều 15 Luật Chứng khoán và Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán), vì lý do như sau:

- Tổng giá trị trái phiếu theo mệnh giá mà VietinBank đã huy động trong 12 tháng gần nhất (từ 19/11/2023 đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này) là 15.425 tỷ đồng. Mặc dù giá trị này lớn hơn quy định là 500 tỷ đồng, tuy nhiên, giá trị này so với VCSH của VietinBank (theo BCTC hợp nhất bán niên 2024 soát xét là 135.973 tỷ đồng và theo BCTC riêng lẻ bán niên 2024 soát xét là 131.212 tỷ đồng) chỉ chiếm lần lượt 11,34% và 11,76% VCSH, thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 50%;
- Tổng dư nợ trái phiếu theo mệnh giá tính đến thời điểm đăng ký chào bán (tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này) là 45.857,020 tỷ đồng, chiếm 33,73% VCSH của VietinBank theo BCTC hợp nhất bán niên 2024 soát xét và chiếm 34,95% VCSH của VietinBank theo BCTC riêng lẻ bán niên 2024 soát xét, thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 100%.

Như vậy, theo các quy định nêu trên, VietinBank và trái phiếu đăng ký chào bán ra công chúng năm 2024 của VietinBank không thuộc trường hợp phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

5.1. Các chỉ tiêu của Kế hoạch kinh doanh năm 2024 dự kiến của VietinBank

Các chỉ tiêu của Kế hoạch kinh doanh năm 2024 dự kiến của VietinBank

Chỉ tiêu (Công ty mẹ)	Năm 2023	Năm 2024	
		Kế hoạch (*)	% tăng/giảm so với năm 2023
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	156.879	151.949	-3,14%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	19.457	21.040	8.14%
Tỷ lệ LNST trên Tổng doanh thu (%)	12,40%	13,85%	1,45%
Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân (%)	17,2%	15,7%	-1,50%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2023 Tỷ lệ chi trả cổ tức và cơ cấu chi trả cổ tức (tiền mặt, cổ phiếu) thực hiện theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.		

(Nguồn: VietinBank)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024 (*)
1	Tổng tài sản	Tăng trưởng từ 8% - 10%
2	Dư nợ tín dụng	Thực hiện theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN phê duyệt và định hướng chính sách điều hành tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ
3	Nguồn vốn huy động	Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN
4	Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng	<1,8%

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024 (*)
5	Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ	26.300 tỷ đồng
6	Các tỷ lệ an toàn hoạt động	Tuân thủ quy định của NHNN

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 27/04/2024 của VietinBank và Nghị quyết HĐQT số 381/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 09/10/2024)

Ghi chú: () Các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của VietinBank sẽ được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và theo phê duyệt của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.*

5.2. Các căn cứ để đạt Kế hoạch kinh doanh năm 2024 nêu trên:

Để bảo đảm đạt được các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2024 đề ra, Ban Điều hành của VietinBank xác định một số giải pháp chủ đạo dự kiến được áp dụng như sau:

- Thứ nhất, tổ chức triển khai các giải pháp về tiền tệ, tín dụng, ngoại hối, thực hiện triển khai phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu theo định hướng chỉ đạo của Chính phủ và NHNN.
- Thứ hai, tiếp tục tăng trưởng quy mô dư nợ bền vững, tăng tỷ trọng các sản phẩm có hiệu quả cao và rủi ro trong hạn mức quy định, đa dạng hóa khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính ngân hàng cho nền kinh tế.
- Thứ ba, quản trị hiệu quả cân đối vốn, đảm bảo an toàn thanh khoản; đặc biệt chú trọng tăng trưởng nguồn CASA và các nguồn vốn có chi phí thấp.
- Thứ tư, tăng tỷ trọng thu ngoài lãi, cải thiện mạnh mẽ, toàn diện chất lượng SPDV.
- Thứ năm, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, số hóa trong mọi mặt hoạt động, bám sát kế hoạch chuyển đổi số Ngành Ngân hàng theo định hướng của Chính phủ và NHNN tại QĐ 810/QĐ-NHNN. Triển khai chương trình Chuyển đổi số Project X01 hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng số hàng đầu Việt Nam, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng trải nghiệm của khách hàng.
- Thứ sáu, đẩy mạnh công tác thu hồi và xử lý nợ xấu. Tập trung nguồn lực với nỗ lực cao nhất, áp dụng toàn diện và linh hoạt, đồng bộ các biện pháp để đẩy nhanh tiến độ thu hồi nợ xấu, nợ XLRR, trực tiếp nâng cao đóng góp vào hiệu quả của hệ thống.
- Thứ bảy, nâng cao hiệu quả QTRR, bảo đảm sự tuân thủ, an toàn trong hoạt động, phát triển kinh doanh gắn liền với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.
- Thứ tám, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính, quản trị, nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động; ưu tiên đánh nguồn lực ngân sách cho các hoạt động thúc đẩy HĐKD, các chi phí hỗ trợ chuyển đổi số của Ngân hàng, tiếp tục kiểm soát tốc độ tăng của chi phí thấp hơn tốc độ tăng thu nhập.
- Thứ chín, kiện toàn mô hình tổ chức mạng lưới, nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực.

5.3. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024

Kế hoạch doanh thu/thu nhập và lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, HĐKD có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khá quan hiện nay của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu/thu nhập và lợi nhuận năm 2024 của VietinBank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và HĐKD của ngành ngân hàng.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ các HĐKD của mình (bao gồm nhưng không giới hạn dòng tiền lãi thu được từ các khoản giải ngân/cho vay dự kiến bằng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu này) và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, bảo đảm đủ để thanh toán các khoản nợ lãi và gốc đúng hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và trái phiếu đang kỳ chào bán.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng HĐKD của VietinBank – một Ngân hàng có vị thế và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu/thu nhập, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi trái phiếu của VietinBank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả HĐKD của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của VietinBank.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

VietinBank chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tới, các đợt chào bán trái phiếu cụ thể của mỗi năm tiếp theo sẽ được HĐQT VietinBank xem xét, thông qua căn cứ vào tình hình cân đối vốn của VietinBank và tình hình thị trường.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Dưới đây là các thông tin chi tiết về trái phiếu chào bán ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành và các điều khoản và điều kiện của trái phiếu chào bán. Một số nội dung chính của các điều khoản và điều kiện của trái phiếu này sẽ được đưa vào Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu bằng cách ghi tham chiếu tại mặt sau của Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu.

Trái phiếu được điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện theo các nội dung quy định dưới đây (sau đây được gọi chung là “**Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu**”). Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, người sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây gọi là “**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 (sau đây gọi tắt là “**Luật Các Tổ Chức Tín Dụng**”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây gọi tắt là “**Luật Chứng Khoán**”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 16/2021/TT-NHNN ngày 10/11/2021 của NHNN quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp;
- Quyết định số 649/QĐ-NHNN ngày 15/04/2021 của NHNN về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực hoạt động tiền tệ thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank;
- Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024 của ĐHĐCĐ thường niên 2024, trong đó thông qua việc niêm yết các trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2024 của VietinBank trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc các đợt chào bán.
- Nghị quyết số 240/NQ-HĐQT-NHCT- VPHĐQT1 ngày 03/07/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2024 của VietinBank;
- Quyết định số 2894/QĐ-TGD-NHCT-KDVTT2 ngày 19/11/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc điều chỉnh, bổ sung chi tiết Phương án phát hành, phương án trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024 của VietinBank;
- Các văn bản, tài liệu khác có liên quan.

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

2.1. Định nghĩa

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa được sử dụng, trình bày trong văn bản này và trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này sẽ có ý nghĩa như sau:

- “**Trái Phiếu**” có nghĩa là **Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm** (gồm các mã trái phiếu: CTG2432T/01

và CTG2432T2/02) và **Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 năm** (gồm các mã trái phiếu: CTG2434T2/01 và CTG2434T2/02) có tên gọi đầy đủ và được quy định và điều chỉnh bởi Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu nêu trong Bản Cáo Bạch này.

- **“Tổ Chức Phát Hành”** hoặc **“VietinBank”** có nghĩa là Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam.
- **“Tổ Chức Tư Vấn/Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu”, “Đại Lý Thanh Toán”, “Đại Lý Đăng Ký”, “Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết”** có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- **“Thành Viên Lưu Ký”** là các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được VSDC chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.
- **“Người Sở Hữu Trái Phiếu”** hoặc **“Trái Chủ”** là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (phù hợp với Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan) mua, nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, đã được đăng ký và có tên trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Lý Đăng Ký quản lý (nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC) hoặc do VSDC quản lý (nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC).
- **“Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu”** là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.
- **“Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu”** là Hợp đồng số 01/2024/TVTP/VIETINBANK SECURITIES-VIETINBANK ngày 02/08/2024 được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán và Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết.
- **“Ngày Làm Việc”** là bất kỳ ngày nào trừ các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ, tết tại Việt Nam và bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quy định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
- **“Ngày Phát Hành Trái Phiếu”** là một Ngày Làm Việc theo công bố chính thức của Tổ Chức Phát Hành, là ngày mà toàn bộ số tiền đặt mua Trái Phiếu của đợt chào bán được chuyển vào Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu theo quy định của Tổ Chức Phát Hành tại **Điều Kiện 22** dưới đây. Ngày Phát Hành Trái Phiếu là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- **“Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu”** là:
 - (i) Ngày tròn 08 (tám) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu CTG2432T2/01 và CTG2432T2/02;
 - (ii) Ngày tròn 10 (mười) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu CTG2434T2/01 và CTG2434T2/02.
- **“Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu”** là:
 - (i) Ngày tròn 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu CTG2432T2/01 và CTG2432T2/02;
 - (ii) Ngày tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu CTG2434T2/01 và CTG2434T2/02.
- **“Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu”** là mỗi ngày tròn sáu (06) tháng kể từ ngày phát hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu.
- **“Ngày Chốt Danh Sách”** là:
 - (i) Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc ngày đến hạn khác hoặc ngày thực hiện quyền, nghĩa vụ khác đối với Trái Phiếu và liên quan tới Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu;

(ii) Ngày được ấn định theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký hoặc theo quy định của VSDC hoặc HNX để thực hiện việc đăng ký, đăng ký niêm yết hoặc thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác đối với và liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- **“Ngân Hàng Tham Chiếu”** là bốn (04) ngân hàng tại Việt Nam bao gồm:

- (i) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank),
- (ii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV),
- (iii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank),
- (iv) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).

- **“Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu”** là trang thông tin điện tử chính thức (website chính thức) của Ngân Hàng Tham Chiếu đăng tải về mức lãi suất được sử dụng để xác định Lãi Suất Tham Chiếu, cụ thể:

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: www.vietinbank.vn
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: www.bidv.com.vn
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: www.vietcombank.com.vn
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam: www.agribank.com.vn.

Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất địa chỉ website chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu nêu trên không tồn tại do đã thay đổi, Đại Lý Thanh Toán thông báo cho Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thông báo cho Đại Lý Thanh Toán địa chỉ website chính thức mới bằng văn bản ngay trong Ngày Xác Định Lãi Suất để Đại Lý Thanh Toán xác định lãi suất áp dụng theo địa chỉ website chính thức mới.

- **“Ngày Xác Định Lãi Suất”** là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Lâm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

- **“Kỳ Tính Lãi”** hoặc **“Kỳ Thanh Toán Lãi”** là sáu (06) tháng một lần, kể từ và bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi liền sau hoặc cho đến và không bao gồm Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác đối với Kỳ Tính Lãi cuối cùng của Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

- **“Ngày Bắt Đầu Tính Lãi”** là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc ngày tròn sáu (06) tháng kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

- **“Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu”** là hội nghị giữa những Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc giữa những Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành. Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức theo hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập như hội nghị qua điện thoại, video hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- **“Trái phiếu đang lưu hành”** là Trái Phiếu đã được phát hành nhưng chưa được hoàn trả tiền gốc; hoặc chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

- **“Đồng Việt Nam”** hoặc **“VND”** hoặc **“VNĐ”** là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.

- **“UBCKNN”** là Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

- **“VSDC”** là Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam.

- **“HNX”** là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (một công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam).

Ngoài ra, những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng Khoán và các văn bản quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán; Luật Doanh Nghiệp; Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và các văn bản pháp luật khác liên quan (nếu có).

2.2. Nguyên tắc diễn giải

Cụm từ **“Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu”** sẽ có nghĩa là đề cập đến toàn bộ Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu mà không phải đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào

của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu. Các tiêu đề của bất kỳ Điều Kiện nào chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều Kiện đó.

3. TÊN GỌI VÀ MÃ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN

Các Trái Phiếu do VietinBank chào bán ra công chúng có tên gọi và mã như sau:

STT	Tên trái phiếu	Mã trái phiếu	
		Đợt 1	Đợt 2
1	Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 Năm	CTG2432T2/01	CTG2432T2/02
2	Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 Năm	CTG2434T2/01	CTG2434T2/02

Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm (gồm các mã trái phiếu: CTG2432T2/01 và CTG2432T2/02) và **Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 năm** (gồm các mã trái phiếu: CTG2434T2/01 và CTG2434T2/02) sau đây được gọi chung là "**Trái Phiếu**", nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số các Trái Phiếu này.

4. LOẠI TRÁI PHIẾU VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÁP LÝ CỦA TRÁI PHIẾU

4.1. Loại trái phiếu

Các Trái Phiếu là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2. Đặc điểm pháp lý của trái phiếu

- Các Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam, dưới hình thức bút toán ghi sổ.
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp).
- Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

5. MỆNH GIÁ

Các Trái Phiếu có mệnh giá là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/01 (một) Trái Phiếu.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

6. TỔNG SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN THEO MỆNH GIÁ

TT	Mã trái phiếu	Tổng số lượng trái phiếu chào bán (Trái phiếu)	Tổng giá trị trái phiếu chào bán (Tỷ đồng)
Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 1			
1	CTG2432T2/01	30.000.000	3.000
2	CTG2434T2/01	10.000.000	1.000
Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 2			
1	CTG2432T2/02	30.000.000	3.000
2	CTG2434T2/02	10.000.000	1.000
Tổng cộng		80.000.000	8.000

Trường hợp Đợt 1 chưa phát hành hết khối lượng chào bán như dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được chuyển qua Đợt 2 tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu.

7. KỶ HẠN (THỜI HẠN) TRÁI PHIẾU

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn
1	CTG2432T2/01 và CTG2432T2/02	8 năm
2	CTG2434T2/01 và CTG2434T2/02	10 năm

8. LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU

8.1. Lãi Suất Trái Phiếu

Lãi suất của các Trái Phiếu ("**Lãi Suất Trái Phiếu**") là lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh theo định kỳ), áp dụng cho toàn bộ thời hạn của Trái Phiếu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm) và được xác định theo công thức như sau:

- **Lãi Suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm:** = **Lãi Suất Tham Chiếu + 1,05%/năm.**
- **Lãi Suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 năm:** = **Lãi Suất Tham Chiếu + 1,15%/năm.**

Trong đó:

"**Lãi Suất Tham Chiếu**": là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân (cụ thể: nếu chữ số thập phân thứ ba bằng hoặc lớn hơn 5 thì số được làm tròn lên, nếu chữ số thập phân thứ ba nhỏ hơn 5 thì số được làm tròn xuống).

"**Ngày Xác Định Lãi Suất**" là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Lâm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

8.2. Xác định Lãi Suất Tham Chiếu:

- (a) Trường hợp một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên Trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất đó. Khi đó, Đại Lý Thanh Toán sẽ in bằng chứng để chứng minh việc Trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động hoặc không công bố lãi suất nêu trên.
- (b) Trường hợp Trang thông tin điện tử chính thức của tất cả Ngân hàng Tham Chiếu đều không hoạt động hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Đại Lý Thanh Toán sẽ in bằng chứng để chứng minh việc Trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động hoặc không công bố lãi suất nêu trên, đồng thời Đại Lý Thanh Toán có trách nhiệm thay thế bằng cách lấy xác nhận lãi suất tại Ngày Xác Định Lãi Suất bằng văn bản từ các Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Thành phố Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở Giao dịch);
- (c) Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương chỉ được áp dụng khi Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố mức lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên. Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương là mức lãi suất của kỳ hạn tính bằng tháng gần với kỳ hạn 12 tháng nhất. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có nhiều mức lãi suất của kỳ hạn tương đương thì áp dụng mức lãi suất của kỳ hạn tương đương ngắn hơn;
- (d) Trường hợp mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu được phân chia theo khu vực thì Đại Lý Thanh Toán sẽ áp dụng lãi suất khu vực theo thứ tự ưu tiên: lãi suất tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao Dịch. Trường hợp không có lãi suất áp dụng tại ba khu vực nêu trên, Đại Lý Thanh Toán thông báo đến Tổ Chức Phát Hành để Tổ Chức Phát Hành lựa chọn cách thức, phương án lựa chọn lãi suất để Đại Lý Thanh Toán áp dụng. Để làm rõ, Đại Lý Thanh Toán sẽ được sử dụng cách thức, phương án lựa chọn lãi suất này để áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi sau trong trường hợp phát sinh các tình huống tương tự mà không cần xin ý kiến Tổ Chức Phát Hành.
- (e) Đại Lý Thanh Toán thực hiện xác định lãi suất tại Ngày Xác Định Lãi Suất và gửi thông báo đến Tổ Chức Phát Hành, đồng thời Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Thanh Toán sẽ thông báo kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu trên trang thông tin điện tử chính thức (website chính thức) của mình theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu vào Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và ít nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo;
- (f) Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu của Đại Lý Thanh Toán sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng;
- (g) Trong trường hợp pháp luật quy định áp dụng trần lãi suất có hiệu lực bắt buộc đối với Trái Phiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi bất kỳ thì Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đó là mức lãi suất được xác định theo công thức quy định tại **Điều Kiện 8.1** (nếu mức lãi suất áp dụng theo công thức này chưa vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định), hoặc là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật (nếu mức lãi suất được xác định theo công thức quy định tại **Điều Kiện 8.1** này vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định).

9. KỶ HẠN TRẢ LÃI, TRẢ GỐC TRÁI PHIẾU

9.1. Kỳ hạn trả lãi

(a) Kỳ hạn trả lãi:

- (i) Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ sáu (06) tháng một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu.
- (ii) Nếu Tổ Chức Phát Hành thực hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu thì Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu cuối cùng sẽ là Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và vào ngày này:
 - Tiền lãi năm thứ ba (03) sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu CTG2432T2/01 và CTG2432T2/02; hoặc
 - Tiền lãi năm thứ năm (05) sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu CTG2434T2/01 và CTG2434T2/02.
- (iii) Nếu Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và/hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là Ngày Làm Việc thì ngày chuyển tiền thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.

(b) Tiền lãi:

- (i) Mỗi Trái Phiếu sẽ được tính lãi kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành Trái Phiếu, và không được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu, hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc ngày đến hạn khác phù hợp với quy định của pháp luật và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành.
- (ii) Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán mà không phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng tại Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán khoản tiền gốc của Trái Phiếu đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ ngày phát sinh việc chậm trả gốc cho đến và không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán.
- (iii) Nếu khoản tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán (ngoại trừ trường hợp quy định tại **Điều Kiện 9.1 (c)** dưới đây) không phù hợp với các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền lãi Trái Phiếu chậm trả sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo mức Lãi Suất Trái Phiếu của Kỳ Tính Lãi phát sinh khoản lãi không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ ngày phát sinh việc trả lãi không đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó cho đến và không bao gồm ngày số tiền lãi đó được thanh toán đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (iv) Lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán theo quy định tại đoạn (ii) và (iii) trên đây sẽ do bên gây ra lỗi chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm phối hợp ngay lập tức với Tổ Chức Phát Hành để rà soát và đưa ra biện pháp xử lý khắc phục tình trạng đó.
- (v) Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và/hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu và/hoặc ngày đến hạn khác mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành, thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành giữ hộ và không được hưởng lãi. Trong trường hợp này, chậm nhất vào Ngày Làm Việc kế tiếp, Tổ Chức Phát Hành phối hợp với Người Sở Hữu Trái Phiếu để thống nhất các biện pháp xử lý.
- (vi) Nguyên tắc xác định tiền lãi Trái Phiếu:

$$\begin{array}{r}
 \text{Tiền lãi được} \\
 \text{hưởng}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{r}
 \text{Mệnh giá} \\
 \text{Trái Phiếu} \\
 \text{năm giữ}
 \end{array}
 \times
 \begin{array}{r}
 \text{Lãi Suất Trái} \\
 \text{Phiếu áp} \\
 \text{dụng trong} \\
 \text{Kỳ Thanh} \\
 \text{Toán Lãi đó}
 \end{array}
 \times
 \frac{\begin{array}{r}
 \text{Số ngày thực tế của} \\
 \text{Kỳ Tính Lãi hoặc số} \\
 \text{Ngày thực tế năm giữ} \\
 \text{Trái Phiếu trong Kỳ} \\
 \text{Thanh Toán Lãi đó}
 \end{array}}{365}$$

(c) Ngày thanh toán tiền lãi:

- (i) Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán**"). Việc tạm ngừng thanh toán lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền lãi là "**Kỳ Tạm Ngừng**" thanh toán tiền lãi đó.
- (ii) Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày chậm thanh toán cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán).
- (iii) Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán là Lãi Suất Trái Phiếu của Kỳ Tạm Ngừng thanh toán đó (mức lãi suất này không thay đổi trong suốt giai đoạn tạm ngừng thanh toán tiền lãi), số tiền lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh toán được tính trên cơ sở số ngày thực tế chậm trả trong kỳ và trên cơ sở một năm có 365 ngày.

9.2. Kỳ hạn trả gốc

- (a) Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu.
- (b) Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu.
- (c) Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo thỏa thuận hoặc theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu khác, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả vào ngày thực hiện mua lại trước hạn tương ứng.

10. GIÁ CHÀO BÁN

Giá chào bán là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/01 (một) Trái Phiếu.

11. THỨ TỰ ƯU TIÊN THANH TOÁN TRÁI PHIẾU TRONG TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC PHÁT HÀNH MẤT KHẢ NĂNG TRẢ NỢ HOẶC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hoặc mất khả năng trả nợ hoặc chấm dứt hoạt động hoặc phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

12.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Quyền Sở Hữu với Trái Phiếu: Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hoặc trong Sổ đăng ký Trái Phiếu sẽ được coi là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện. *Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC*, Đại lý Đăng Ký thực hiện lập, lưu giữ và cập nhật Sổ đăng ký Trái Phiếu ghi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu. *Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC*, việc lập, cập nhật và lưu giữ Sổ đăng ký Trái Phiếu và nội dung Sổ đăng ký Trái Phiếu sẽ theo quy định có liên quan của pháp luật và quy chế của VSDC.
- (b) Được thanh toán đầy đủ các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm cả tiền lãi và gốc, và các khoản tiền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của VSDC; các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu (*trong phạm vi các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu không xung đột với các quy định của pháp luật có liên quan và quy định của VSDC*).
- (c) Được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu ("**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**") đối với việc đăng ký sở hữu Trái Phiếu của mình và trích lục Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- (d) Được thông báo về Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu tại Ngày Thanh Toán Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc để thực hiện thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSDC và niêm yết Trái Phiếu tại HNX thông qua hình thức thông báo đăng trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc trang thông tin điện tử chính thức của VSDC (*sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC*).
- (e) Được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật. *Để tránh nhầm lẫn*, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật hiện hành nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm (cầm cố) tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định hiện hành của Tổ Chức Phát Hành:
 - (i) *Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC*, mọi giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu phải được đăng ký trong Sổ đăng ký Trái Phiếu (bao gồm tên, số lượng Trái Phiếu, các thông tin của Trái Phiếu sở hữu, tài khoản nhận lãi và gốc Trái Phiếu và các thông tin khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu) do Đại Lý Đăng Ký lập, duy trì và quản lý.
 - (ii) *Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC*, các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện tại Thành Viên Lưu Ký của VSDC và tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của VSDC.
 - (iii) *Để làm rõ*, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được thực hiện các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, thay đổi thông tin Trái Phiếu kể từ thời điểm Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSDC theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành cho đến ngày VSDC cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành.
- (f) Được tham dự, biểu quyết tại Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến, biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu;
- (g) Được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và/hoặc Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng);
- (h) Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại **Điều Kiện 18** dưới đây;

- (i) Các quyền khác theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu, Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu.

Việc thay đổi, sửa đổi các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu nói trên được hiểu là sẽ làm thay đổi, sửa đổi Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu. Trên cơ sở bảo đảm tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành có thể tự mình sửa đổi Các Điều Khoản và Điều Khoản Trái Phiếu để xử lý bất kỳ lỗi hoặc sai sót rõ ràng nào tại Các Điều Khoản và Điều Khoản Trái Phiếu nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan mà không cần chấp thuận của Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là bất kỳ lỗi hoặc sai sót như vậy đều phải được thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán (đối với trường hợp các sửa đổi ảnh hưởng đến nội dung công việc của Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán). Trường hợp việc thay đổi, sửa đổi Các Điều Khoản và Điều Khoản Trái Phiếu về quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu có nội dung liên quan đến **Các Vấn Đề Trọng Yếu** theo quy định tại đoạn (iii) của **Điều Khoản 25.3** thì việc thay đổi, sửa đổi này phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận theo quy định tại **Điều Khoản 25**.

12.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Nộp thuế và/hoặc phí, lệ phí (nếu có) phát sinh từ các khoản thu nhập, các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và các nghĩa vụ nộp thuế, phí, lệ phí khác (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- (b) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành/Tổ Chức Tư vấn Niêm Yết hoặc theo các quy định tại Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu liên quan tới việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu.
- (c) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận lại 100% khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán của Trái Phiếu do mình sở hữu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu.

12.3. Các quyền và nghĩa vụ khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu này, quy định của Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán và các văn kiện Trái Phiếu khác (nếu có).

13. CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM

Không có, vì Trái Phiếu chào bán là loại trái phiếu không có tài sản bảo đảm.

14. ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ

14.1. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC

Đại Lý Đăng Ký thực hiện:

- (a) Lập, lưu giữ và cập nhật Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu ghi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu; cấp hoặc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu;
- (b) Thực hiện xác nhận các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu.
- (c) Thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSDC hoặc đăng ký niêm yết Trái Phiếu tại HNX; hoặc thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác đối với và liên quan tới Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu, và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- (d) Các công việc khác được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu..

Để làm rõ, trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại Đại Lý Đăng Ký theo quy định tại Các Điều

Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

14.2. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành sẽ chấm dứt việc chỉ định Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu. Việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc tại Điểm 14.1 nêu trên sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và VSDC.

Các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, quy định của VSDC và quy định của Thành Viên Lưu Ký. Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cần thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán, lưu ký Trái Phiếu tại một trong các Thành Viên Lưu Ký của VSDC để được VSDC xác nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định.

15. ĐẠI LÝ THANH TOÁN VÀ VIỆC THANH TOÁN LÃI TRÁI PHIẾU

Việc thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu sẽ được thực hiện bởi Tổ Chức Phát Hành (Thông qua Đại Lý Thanh Toán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và/hoặc VSDC), bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của VSDC và quy định của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Thanh Toán.

15.1. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC

Việc thanh toán gốc/lãi Trái Phiếu và các công việc liên quan khác sẽ do Đại Lý Thanh Toán thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện. Đại Lý Thanh Toán sẽ:

- (a) Tính toán, xác định tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn khác theo thỏa thuận phù hợp với Các Điều Kiện của Trái Phiếu và gửi Danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ chức Phát Hành theo nội dung và thời hạn quy định tại Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm chuyển số tiền thanh toán gốc/lãi Trái Phiếu về Tài Khoản Thanh Toán của Đại Lý Thanh Toán để Đại Lý Thanh Toán thực hiện việc chuyển tiền thanh toán tiền lãi và gốc Trái Phiếu từ Tài Khoản Thanh Toán vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu tương ứng phù hợp với quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu và quy định của pháp luật.
- (b) Tính toán, xác định tiền thuế thu nhập cá nhân phải trả đối với thu nhập từ lãi Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế liên quan đến thuế thu nhập cá nhân của Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- (c) Các công việc khác được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu.

15.2. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC

Việc thanh toán gốc/lãi Trái Phiếu và các công việc liên quan khác sẽ do Đại Lý Thanh Toán và VSDC thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện, cụ thể như sau:

- *Đối với trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và chưa thực hiện lưu ký Trái Phiếu tại các Thành Viên Lưu Ký của VSDC:*
 - + Tổ Chức Phát Hành chuyển số tiền lãi và gốc phải thanh toán sau khi khấu trừ thuế thu nhập cá nhân vào tài khoản của Đại Lý Thanh Toán, đồng thời gửi danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa thực hiện lưu ký Trái Phiếu cho Đại Lý Thanh Toán.
 - + Đại Lý Thanh Toán sẽ thực hiện chuyển tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu và/hoặc các khoản tiền khác phát sinh khi đến hạn liên quan tới Trái Phiếu vào tài khoản nhận tiền gốc/lãi Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Chi tiết nội dung công việc theo quy định tại Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu.

- *Đối với trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và đã thực hiện lưu ký Trái Phiếu tại các Thành Viên Lưu Ký của VSDC: Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện chuyển tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu và/hoặc các khoản tiền khác phát sinh khi đến hạn liên quan tới Trái Phiếu sang tài khoản của VSDC để VSDC thực hiện phân bổ các khoản tiền này về từng Thành Viên Lưu Ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký chứng khoán và thực hiện lưu ký Trái Phiếu. Người Sở Hữu Trái Phiếu đã lưu ký Trái Phiếu sẽ nhận các khoản tiền này ở tài khoản lưu ký chứng khoán mở tại Thành Viên Lưu Ký.*

16. VIỆC CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, THAY ĐỔI THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

- **Cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu:**
 - *Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC: Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu do bị rách, hỏng, mất, thất lạc... hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu rút chứng khoán thì thực hiện thủ tục cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại Đại Lý Đăng Ký.*
 - *Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC: Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Thành Viên Lưu Ký của VSDC và có yêu cầu cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu do bị rách, hỏng, mất, thất lạc... thì thực hiện thủ tục cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại Tổ Chức Phát Hành.*
- **Thay đổi thông tin Người Sở Hữu Trái Phiếu (bao gồm thông tin về số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu/GCNDKKD/GCNDKDN, họ tên, địa chỉ liên hệ...):**
 - *Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC: Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục thay đổi thông tin sở hữu Trái Phiếu tại Đại Lý Đăng Ký.*
 - *Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC:*
 - + *Nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và đã lưu ký Trái Phiếu tại Thành Viên Lưu Ký của VSDC, Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục thay đổi thông tin sở hữu Trái Phiếu tại Thành Viên Lưu Ký.*
 - + *Nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và chưa lưu ký Trái Phiếu tại Thành Viên Lưu Ký của VSDC, Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục thay đổi thông tin sở hữu Trái Phiếu tại Tổ Chức Phát Hành.*

17. VIỆC MUA LẠI TRÁI PHIẾU TRƯỚC HẠN

Trên cơ sở bảo đảm tuân thủ, phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn đảm bảo an toàn theo quy định của NHNN) và sau khi Trái Phiếu đã chính thức được niêm yết, việc mua lại Trái Phiếu trước hạn của Tổ Chức Phát Hành được quy định như sau:

17.1. Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu

- Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán (nếu có). Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu đó cho Tổ Chức Phát Hành và nhận lại 100% khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán của Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành.
- Vì mục đích mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại và tổ chức thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn theo đúng quy định của HNX, VSDC và theo quy định của pháp luật hiện hành. Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người



Sở Hữu Trái Phiếu như đã được ghi nhận trong Sổ đăng ký Trái Phiếu hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó (với trường hợp chưa lưu ký chứng khoán tại Thành Viên Lưu Ký của VSDC) hoặc vào tài khoản lưu ký chứng khoán mở tại Thành Viên Lưu Ký (với trường hợp đã lưu ký Trái Phiếu tại Thành Viên Lưu Ký của VSDC).

17.2. Mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận

Không ảnh hưởng đến **Điều Kiện 17.1** trên đây, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất kỳ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.

17.3. Mua lại Trái Phiếu khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm

Tổ Chức Phát Hành phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm phù hợp với quy định tại **Điều Kiện 18** dưới đây.

18. SỰ KIỆN VI PHẠM

18.1. Sự Kiện Vi Phạm

Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được coi là một sự kiện vi phạm ("**Sự Kiện Vi Phạm**"):

- (a) *Không Thanh Toán*: nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bất kỳ khoản tiền gốc và/hoặc tiền lãi của bất kỳ Trái Phiếu nào đến hạn (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại **Điều Kiện 9.1(c)**) mà việc không thanh toán đó không được khắc phục trong thời hạn 30 (Ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn tương ứng, thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khởi kiện đến tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để yêu cầu Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ thanh toán;
- (b) *Mất Khả Năng Thanh Toán*: nếu Tổ Chức Phát Hành bị mất khả năng thanh toán hoặc lâm vào tình trạng khác làm phát sinh yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật về phá sản và tình trạng này không chấm dứt hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc, thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu tòa án có thẩm quyền của Việt Nam mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành (nếu pháp luật về phá sản có liên quan cho phép);
- (c) *Phá Sản, Giải Thể*: nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không), và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.

18.2. Biện pháp khắc phục Sự Kiện Vi Phạm

Khi xảy ra bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào và Tổ Chức Phát Hành không khắc phục được Sự Kiện Vi Phạm đó trước khi chấm dứt thời hạn khắc phục theo quy định tại **Điều Kiện 18.1** trên đây hoặc thời hạn khắc phục khác (nếu có), ngoài các quyền, thẩm quyền và biện pháp khắc phục mà pháp luật cho phép, bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào phát hiện Sự Kiện Vi Phạm đều có thể gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu khác và các bên liên quan khác (nếu có) để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn. Trong trường hợp này, tất cả tiền gốc, tiền lãi lũy kế và các khoản tiền khác (nếu có) theo Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức. Tổ Chức Phát Hành phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán và các khoản tiền khác (nếu có) theo Trái Phiếu tính đến ngày mua lại. Để làm rõ, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp) theo quy định tại **Điều Kiện 11**.

19. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI

- (a) Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối và chào bán Trái Phiếu trực tiếp cho nhà đầu tư thông qua các Chi nhánh và Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành trên toàn quốc.
- (b) Việc phân phối Trái Phiếu chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành (i) nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp và (ii) thực hiện việc công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử *hoặc* báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định của pháp luật và trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành.
- (c) Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Trái Phiếu một cách công khai, công bằng và bảo đảm thời hạn đăng ký mua cho nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian phân phối và chào bán Trái Phiếu dự kiến tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, phù hợp với quy định của pháp luật.
- (d) Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.
- (e) Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi nhà đầu tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà nhà đầu tư đó đăng ký mua.

20. ĐĂNG KÝ MUA TRÁI PHIẾU

- (a) **Đối tượng được đăng ký mua:** Là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài, phù hợp với Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.
- (b) **Số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu của nhà đầu tư:** là 100 (một trăm) Trái Phiếu, tương đương 10.000.000 (mười triệu) đồng theo mệnh giá Trái Phiếu. *Để tránh hiểu lầm*, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu tối thiểu là 100 (một trăm) Trái Phiếu hoặc bội số của 100 (một trăm) Trái Phiếu.
- (c) **Thời hạn đăng ký mua:** tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, theo quy định của pháp luật. Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức và nêu chi tiết tại Bản thông báo phát hành Trái Phiếu ra công chúng.
- (d) **Phương thức đăng ký mua và thanh toán tiền mua Trái Phiếu:**
 - Trong thời hạn đăng ký đặt mua được quy định bởi Tổ Chức Phát Hành, nhà đầu tư thực hiện đăng ký mua Trái Phiếu trong phạm vi số lượng Trái Phiếu chào bán và phải đáp ứng yêu cầu về số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu do Tổ Chức Phát Hành quy định.
 - Thời gian muộn nhất để nhà đầu tư thực hiện đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu là vào ngày kết thúc đợt chào bán do Tổ Chức Phát Hành công bố tại Bản thông báo phát hành.
 - *Để tránh hiểu lầm*, việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu theo hướng dẫn của Tổ Chức Phát Hành tại các Thông báo chào bán có liên quan. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị.
- (e) **Thời gian và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu:** Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu hoặc tổng khối lượng đăng ký đặt mua Trái Phiếu vượt quá khối lượng Trái Phiếu chào bán, thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu như sau:
 - Thời gian: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc đợt chào bán và UBCKNN ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả

chào bán).

- Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đặt mua Trái Phiếu ghi tại Giấy đề nghị đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận tiền mặt tại địa điểm mà người đặt mua Trái Phiếu đăng ký và nộp tiền mua (chỉ đối với trường hợp không có tài khoản ngân hàng).

21. THỜI GIAN CHÀO BÁN VÀ LỊCH TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI TRÁI PHIẾU

Trái Phiếu sẽ được chào bán và phân phối cho các nhà đầu tư sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp. Thời gian chào bán và lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu như sau:

21.1. Thời gian chào bán dự kiến

Tổ Chức Phát Hành dự kiến chào bán Trái Phiếu sau khi có được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp. Thời gian chào bán cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố tại Bản thông báo phát hành theo quy định pháp luật.

STT	Mã trái phiếu	Thời gian dự kiến chào bán trái phiếu	Ghi chú
Trái phiếu chào bán ra công chúng Đợt 1			
1	CTG2432T2/01	Dự kiến phát hành trong Quý 4/2024 – Quý 1/2025	Trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng có hiệu lực
2	CTG2434T2/01		
Trái phiếu chào bán ra công chúng Đợt 2			
1	CTG2432T2/02	Dự kiến phát hành trong Quý 1/2025 – Quý 3/2025	Thời gian chào bán của Đợt 2 không được kéo dài quá 90 (chín mươi) ngày. Khoảng cách giữa Đợt 1 và Đợt 2 không quá 12 (mười hai) tháng.
2	CTG2434T2/02		

21.2. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Sau khi giấy chứng nhận chào bán Trái phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện phân phối Trái Phiếu trong thời gian tối thiểu 20 (hai mươi) ngày và tối đa không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực. Lịch trình phân phối chính thức theo Bản thông báo phát hành của từng đợt.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng như sau:

21.2.1. Lịch trình dự kiến phân phối Trái phiếu Đợt 1:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng	T	
2	Công bố thông tin về đợt chào bán Trái Phiếu Đợt 1 ra	T1	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng

	công chúng		ký chào bán có hiệu lực
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 1	Từ T1 đến T1+45	Đây là thời gian phân phối dự kiến. Lịch trình phân phối Trái Phiếu Đợt 1 cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng và theo tình hình thực tế nhưng đảm bảo thời gian tối thiểu 20 (hai mươi) ngày.
3.1	Thời gian bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 1 và bắt đầu nhận tiền mua Trái Phiếu Đợt 1.	T1	
3.2	Thời gian cuối cùng nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu Đợt 1	T1+45	
4	Báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu Đợt 1	Từ T1+45 đến T1+55	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
5	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán	Từ T1+55 đến T1+58	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả chào bán
6	Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục cấp và chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho nhà đầu tư; đồng thời hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu	Từ T1+58 đến T1+88	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

21.2.2. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 2

Sau khi kết thúc Đợt 1 và trên cơ sở kế hoạch phát hành Đợt 2, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kế hoạch phát hành và cập nhật các thông tin thay đổi của Tổ Chức Phát Hành ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư so với Bản Cáo Bạch này (nếu có). Trường hợp có thay đổi thông tin quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản xin điều chỉnh thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin điều chỉnh trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành cho các Nhà đầu tư được biết. Khoảng cách giữa Đợt 2 và Đợt 1 không quá 12 (mười hai) tháng và việc chào bán Trái Phiếu Đợt 2 chỉ được thực hiện sau khi (i) Tổ Chức Phát Hành nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp tục chào bán Đợt 2 và (ii) công bố Thông Báo Phát Hành Đợt 2 ra công chúng.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 2 như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu đợt 2	T'	
2	Công bố thông tin về đợt chào bán Trái Phiếu Đợt 2 ra công chúng	T2	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày UBCKNN cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu đợt 2
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 2	Từ T2 đến T2+45	Đây là thời gian phân phối dự kiến. Lịch trình phân phối Trái Phiếu Đợt 2 cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 2 nhưng đảm bảo thời gian tối thiểu 20 (hai mươi) ngày.
3.1	Thời gian bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 2 và bắt đầu nhận tiền mua Trái Phiếu Đợt 2.	T2	
3.2	Thời gian cuối cùng nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu Đợt 2	T2+45	
4	Báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu Đợt 2	Từ T2+45 đến T2+55	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
5	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán	Từ T2+55 đến T2+58	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả chào bán
6	Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục cấp và chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho nhà đầu tư; đồng thời hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu	Từ T2+58 đến T2+88	Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán



21.3. Thời gian phân phối Trái Phiếu và thời hạn nộp tiền mua Trái Phiếu của nhà đầu tư

Thời gian phân phối Trái Phiếu và thời hạn đăng ký, nộp tiền mua Trái Phiếu của nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày và tối đa không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Thời hạn cụ thể để nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chi tiết tại Bản thông báo phát hành, trong đó ngày cuối cùng để nhà đầu tư nộp tiền mua Trái Phiếu là ngày kết thúc đợt chào bán.

21.4. Thời gian chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho nhà đầu tư

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Tổ Chức Phát Hành sẽ chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho người mua Trái Phiếu tại các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành, nơi mà nhà đầu tư đã đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu.

22. TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA TRÁI PHIẾU

- Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Số tài khoản: 1220003125
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

23. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Theo quy định tại Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 17/05/2021), NHNN không còn quy định TCTD phải nộp hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng.

Như vậy, áp dụng Thông tư 01/2021/TT-NHNN, TCTD nói chung và VietinBank nói riêng không phải xin NHNN chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra công chúng.

24. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Phần trình bày về các loại thuế có liên quan này dựa trên các quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau thời điểm phát hành Bản Cáo bạch này. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư và người mua Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia thuế về các loại thuế có liên quan đến việc sở hữu và Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

24.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân

(a) Đối với thu nhập nhận được từ lãi trái phiếu do các tổ chức trong nước phát hành:

Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, thu nhập từ lãi trái phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ sẽ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(b) Đối với thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu:

Căn cứ Khoản 9 và 10, Điều 2, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán chịu mức thuế suất 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần áp dụng đối với cả cá nhân cư trú

tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(c) Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng trái phiếu:

Căn cứ Điều 16 và Điều 23 văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BTC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định khác, thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng trái phiếu chịu mức thuế suất 10% thu nhập tính thuế áp dụng đối với cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

24.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

(a) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam (gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), thì theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động SXKD của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

(b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài (gồm các doanh nghiệp và tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, còn được gọi là nhà thầu nước ngoài hay nhà thầu phụ nước ngoài) thì theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính:

- (i) Doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ lãi trái phiếu sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 5% trên lãi nhận được.
- (ii) Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu của doanh nghiệp nước ngoài sẽ phải chịu mức thuế suất 0,1% trên tổng giá trị trái phiếu chuyển nhượng.

24.3. Thuế Giá Trị Gia Tăng

Hiện tại, lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng trái phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

24.4. Khấu trừ Thuế

Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC: Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí, lệ phí nào (“**Thuế**”) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Việc khấu trừ Thuế liên quan đến giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC: Việc khấu trừ Thuế sẽ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và quy định của VSDC.

25. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

25.1. Hoàn trả

Trừ khi được mua lại trước hạn và/hoặc bị hủy bỏ theo các quy định của Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu này, các Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán (nếu có) vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu.

25.2. Hủy bỏ

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn theo quy định tại Điều Khoản 18

hoặc được thanh toán vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại.

Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

25.3. Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

Việc đưa ra quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu sẽ theo quyết định của Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu như quy định dưới đây:

(i) Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được triệu tập bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu) nắm giữ ít nhất 20% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó. Việc triệu tập được thực hiện với thông báo bằng văn bản gửi tới tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành trước ít nhất 05 (năm) Ngày Lâm Việc.

- Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký chứng khoán tại VSDC và niêm yết tại HNX, sau khi xác định thẩm quyền triệu tập hợp lệ thì Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu) nắm giữ ít nhất 20% tổng mệnh giá Trái Phiếu triệu tập hội nghị phối hợp với Đại Lý Đăng Ký tiến hành xác định thời điểm khóa sổ và Ngày Chốt Danh Sách để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị.

Các bên cùng làm việc hoặc trên cơ sở thông báo của người có thẩm quyền triệu tập hợp để xác định thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị để gửi thông báo đến Người Sở Hữu, Tổ Chức Phát Hành (Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị). Người có thẩm quyền triệu tập hợp sẽ gửi Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành dưới dạng một trong các hình thức sau đây: (1) văn bản giấy về địa chỉ của Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành; (2) thư điện tử, fax, thông báo trực tuyến (online) qua hệ thống giao dịch của Tổ Chức Phát Hành; (3) thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành hoặc (4) bất kỳ hình thức thông báo nào khác được pháp luật cho phép.

Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức theo hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập như hội nghị qua điện thoại, video hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký chứng khoán tại VSDC và niêm yết tại HNX, việc triệu tập hợp và chốt danh sách tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện theo quy định của VSDC, HNX và quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

(ii) Ngoại trừ các trường hợp quy định tại **Điểm (iii) của Điều Kiện 25.3** dưới đây, số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện cho ít nhất 51% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó.

(iii) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung (1) thay đổi Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu, hoặc (2) thay đổi bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu ngoại trừ **Điều Kiện 9.1(a) và 9.1(c)** ở trên, hoặc (3) giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền gốc, hoặc (4) thay đổi Lãi Suất, hoặc (5) thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu, hoặc (6) thay đổi yêu cầu về số đại biểu cần thiết để tổ chức Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (7) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu về từng vấn đề (những vấn đề nêu từ mục (1) đến mục (7) gọi chung là "**Các Vấn Đề Trọng Yếu**"), thì số đại biểu cần thiết để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó, hoặc bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 51% theo tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm triệu tập lại cuộc họp đó.

(iv) Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được một hoặc nhiều Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của những Người Sở Hữu Trái

Phiếu tham dự cuộc họp thông qua và biểu quyết tại Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp Hội nghị hay không), với điều kiện là bất kỳ sự thay đổi nào về Các Vấn Đề Trọng Yếu phải được sự chấp thuận của (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu/đại diện sở hữu 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

- (v) Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu tại **Điểm (i) của Điều Khoản 25.3** và khi được thông qua sẽ có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến (trường hợp Trái Phiếu chưa đăng ký tại VSDC) hoặc danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do VSDC gửi (trường hợp đã đăng ký Trái Phiếu tại VSDC) và (2) phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua (đối với Các Vấn Đề Trọng Yếu, phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua).
- (vi) Để tránh hiểu nhầm, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua theo quy định tại **Điều Khoản 25.3** này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận (trừ các nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).
- (vii) Không phụ thuộc vào các quy định tại các **Điểm (i), (ii), (iii), (iv), (v) và (vi) Điều Khoản 25.3** nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó. Trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua (Đối với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành).

25.4. Thông báo

Mọi thông báo gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành hoặc VSDC hoặc HNX hoặc Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, hoặc giao trực tiếp tận tay, hoặc gửi chuyển phát qua tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, hoặc gửi qua fax/qua đường thư điện tử (đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức – nếu có nhu cầu) đến địa chỉ và/hoặc số fax quy định tại Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc dữ liệu tương tự được quản lý bởi VSDC (tùy trường hợp áp dụng) tại thời điểm gửi thông báo.

25.5. Địa chỉ đăng ký:

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu này được ghi dưới đây:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: 024. 3941 8868 Fax: 024. 3941 1032
- Website: www.vietinbank.vn
- Người nhận: Trưởng Phòng Thị trường vốn.

26. THÔNG TIN VỀ CÁC CAM KẾT

Tổ Chức Phát Hành cam kết việc phát hành Trái Phiếu ra công chúng có đầy đủ sự chấp thuận và cấp phép cần thiết của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tổ Chức Phát Hành cam kết với nhà đầu tư sẽ thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của mình, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết dưới đây:

26.1. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

VietinBank cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, cụ thể như sau:

(a) Cam kết về điều kiện phát hành

VietinBank cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán, bao gồm các điều kiện dưới đây:

- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 30 (ba mươi) tỷ đồng, tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;
- HDKD của năm liền trước năm đăng ký chào bán có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 (một) năm;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng được Cấp có thẩm quyền thông qua;
- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều khác;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
- Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Có tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của đợt chào bán;
- Có cam kết thực hiện niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.

(b) Cam kết về nghĩa vụ thanh toán

VietinBank cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư và bảo đảm việc thanh toán được thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch này, trong đó:

- Tiền lãi Trái Phiếu: được trả định kỳ sáu (06) tháng một lần vào ngày thanh toán lãi Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu.
- Tiền gốc Trái Phiếu: được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc vào ngày mua lại trước hạn theo thỏa thuận, hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu.

(c) Cam kết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

VietinBank cam kết bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với và liên quan tới Trái Phiếu (bao gồm các quyền như: chuyển nhượng, bán, cho tặng, để lại thừa kế Trái Phiếu; sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác) theo đúng Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch này, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

26.2. Cam kết thực hiện niêm yết Trái Phiếu

- VietinBank có văn bản cam kết của HĐQT về việc triển khai niêm yết Trái Phiếu trên HNX sau khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng;
- Cam kết việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật và sau đó sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chứng nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành nhằm đảm bảo đủ điều kiện niêm yết và giao dịch tại HNX;
- Kế hoạch niêm yết Trái Phiếu ra công chúng dự kiến sẽ được VietinBank thực hiện theo trình tự, thủ tục đã được pháp luật quy định, cụ thể:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu	T
2	Hoàn thiện và nộp hồ sơ đăng ký, niêm yết Trái phiếu tại VSDC và HNX (theo quy định pháp luật là trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu)	T + 30
3	HNX ban hành quyết định chấp thuận việc niêm yết (theo quy định pháp luật, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, HNX có quyết định chấp thuận việc niêm yết)	(T + 30) + 30
4	Thực hiện các thủ tục niêm yết và đưa Trái Phiếu vào giao dịch, sau khi HNX có quyết định chấp thuận việc niêm yết và giao dịch Trái Phiếu (theo quy định pháp luật, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày được chấp thuận việc niêm yết, Tổ chức đăng ký niêm yết phải đưa Trái Phiếu vào giao dịch)	[(T + 30) + 30] + 90

26.3. Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

Ngoài các cam kết ở trên, VietinBank cam kết thực hiện nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về các điều kiện khác như sau:

- Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo đúng mục đích đã nêu tại Bản Cáo Bạch này;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;
- Tuân thủ nghĩa vụ về công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật;
- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ và điều kiện khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được thể hiện trong Bản Cáo Bạch này và theo các quy định của pháp luật khác có liên quan.

27. LUẬT ĐIỀU CHỈNH

Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết tranh chấp.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2024 của Tổ Chức Phát Hành là để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế.

2. Phương án khả thi

Tổ Chức Phát Hành chào bán Trái Phiếu không phải nhằm mục đích huy động vốn để thực hiện

các dự án đầu tư do Tổ Chức Phát Hành làm chủ đầu tư.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2024, sau khi đã khấu trừ các khoản phí, chi phí có liên quan, dự kiến sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế đối với các ngành nghề, lĩnh vực dự kiến được liệt kê dưới đây, trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của Tổ Chức Phát Hành:

Stt	Tên ngành	Kế hoạch sử dụng vốn (tỷ đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
I	Đợt 1	4.000	
1	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt	2.000	Quý IV/2024 – Quý II/2025
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.000	
3	Ngành khác	1.000	
II	Đợt 2	4.000	
1	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt	2.000	Quý I/2025 - Quý IV/2025
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.000	
3	Ngành khác	1.000	
	Tổng cộng	8.000	

(Số tiền thực tế giải ngân với từng lĩnh vực, ngành nghề phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu chào bán thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế. Trường hợp số tiền thực tế giải ngân Đợt 1 chưa hết như dự kiến thì phần giải ngân chưa hết sẽ được chuyển qua Đợt 2 tương ứng theo từng mục đích/từng ngành)

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng vốn thu được từ chào bán Trái Phiếu để giải ngân/cho vay đối với các ngành nghề, lĩnh vực nêu trên. Mức độ sử dụng vốn sẽ căn cứ theo tiến độ giải ngân cụ thể của từng ngành nghề, lĩnh vực nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như dự kiến, Tổ Chức Phát Hành sẽ xem xét giải ngân/cho vay theo thứ tự mục đích ưu tiên như sau:

- Ưu tiên bố trí vốn giải ngân/cho vay vào các ngành nghề, lĩnh vực tiềm năng được Chính phủ và NHNN khuyến khích phát triển, có quy mô và tỷ trọng vốn giải ngân lớn trong tổng danh mục nói trên, nhằm bảo đảm đáp ứng, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng của Tổ Chức Phát Hành;
- Các ngành nghề, lĩnh vực có nhu cầu vốn cấp bách đáp ứng các điều kiện giải ngân vốn của Tổ Chức Phát Hành và bảo đảm mục tiêu tăng trưởng tín dụng của Tổ Chức Phát Hành;
- Các ngành nghề, lĩnh vực khác đã đáp ứng đầy đủ hồ sơ, thủ tục cấp phép và sẵn sàng triển khai thực hiện.

Ngoài ra, nếu trường hợp số tiền dự kiến thu được từ chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, Tổ Chức Phát Hành có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn thông qua các

kênh huy động vốn khác như: huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác... phù hợp với quy định của pháp luật, nhằm bảo đảm và đáp ứng tối đa nhu cầu giải ngân/cho vay đối với từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của Tổ Chức Phát Hành.

2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ HDKD, bao gồm nhưng không giới hạn dòng tiền lãi thu được từ các khoản giải ngân/cho vay dự kiến bằng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu này và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, bảo đảm đủ để thanh toán các khoản nợ lãi và gốc đúng hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu dự kiến chào bán.

Chi tiết Kế hoạch trả nợ cụ thể như sau:

Nội dung	Thời gian trả nợ	Nguồn trả nợ
Kế hoạch trả lãi Trái Phiếu	vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu	Là dòng tiền lãi thu được từ các khoản giải ngân/ cho vay dự kiến bằng nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư, với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh hàng năm của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.
Kế hoạch trả gốc Trái Phiếu	vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu <i>hoặc</i> Ngày mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận <i>hoặc</i> Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu.	Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng nguồn tiền (i) huy động vốn từ nền kinh tế; (ii) lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và (iii) dòng tiền thu nợ từ các khoản giải ngân.

Dự kiến nguồn thu dự phóng từ các khoản giải ngân/cho vay từ nguồn vốn thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024 của VietinBank được dùng để thanh toán các khoản gốc, lãi Trái Phiếu như sau:

Đợt 1:

Đơn vị: Tỷ đồng

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dự nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc+ lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Kỳ 1 Năm 1	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 1	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 2	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 2	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 3	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 3	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 4	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 4	6%	4.000	120	0	120	4.000

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dự nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc+ lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Kỳ 1 Năm 5	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 5	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 6	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 6	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 7	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 7	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 8	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 8	6%	4.000	120	3.000	3.120	1.000
Kỳ 1 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 1 Năm 10	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 10	6%	1.000	30	1.000	1.030	0

Đợt 2:

Đơn vị: Tỷ đồng

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dự nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc+ lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Kỳ 1 Năm 1	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 1	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 2	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 2	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 3	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 3	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 4	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 4	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 5	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 5	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 6	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 6	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 7	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 7	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 8	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 8	6%	4.000	120	3.000	3.120	1.000

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dự nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc+ lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Kỳ 1 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 1 Năm 10	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 10	6%	1.000	30	1.000	1.030	0

(Trường hợp Đợt 1 chưa bán hết được số lượng Trái Phiếu theo dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được chuyển qua Đợt 2 tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu. Dư nợ đầu kỳ có thể thay đổi theo số lượng Trái Phiếu phát hành thực tế của mỗi Đợt)

Các giả định như sau:

- Kỳ thu nợ dự kiến kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu của mỗi Đợt;
- Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay giả định là 6%/năm và không thay đổi trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu. Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay thực tế được xác định theo chính sách cho vay của VietinBank tại từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Trái Phiếu không được mua lại trước hạn và được lưu hành đến Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu.

Dự kiến kế hoạch thanh toán nợ của Tổ Chức Phát Hành như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu		Mã Trái Phiếu			
		CTG2432T2/01	CTG2434T2/01	CTG2432T2/02	CTG2434T2/02
Dự kiến thời gian phát hành		Dự kiến phát hành trong Quý 4/2024	Dự kiến phát hành trong Quý 4/2024	Dự kiến phát hành trong Quý 1/2025	Dự kiến phát hành trong Quý 1/2025
Giá trị Trái Phiếu dự kiến phát hành thành công		3.000	1.000	3.000	1.000
Năm 2025	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 1	85,95	29,15	0	0
	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 2	85,95	29,15	85,95	29,15
	Tổng cộng	171,9	58,3	85,95	29,15
Năm 2026	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 1	85,95	29,15	85,95	29,15
	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 2	85,95	29,15	85,95	29,15
	Tổng cộng	171,9	58,3	171,9	58,3
Năm 2027	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 1	85,95	29,15	85,95	29,15

	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 2	85,95	29,15	85,95	29,15
	Tổng cộng	171,9	58,3	171,9	58,3
Năm 2028	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 1	85,95	29,15	85,95	29,15
	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 2	85,95	29,15	85,95	29,15
	Tổng cộng	171,9	58,3	171,9	58,3
Năm 2029	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 1	85,95	29,15	85,95	29,15
	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 2	85,95	29,15	85,95	29,15
	Tổng cộng	171,9	58,3	171,9	58,3
Năm 2030	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 1	85,95	29,15	85,95	29,15
	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 2	85,95	29,15	85,95	29,15
	Tổng cộng	171,9	58,3	171,9	58,3
Năm 2031	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 1	85,95	29,15	85,95	29,15
	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 2	85,95	29,15	85,95	29,15
	Tổng cộng	171,9	58,3	171,9	58,3
Năm 2032	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 1	85,95	29,15	85,95	29,15
	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 2	85,95	29,15	85,95	29,15
	Gốc Trái Phiếu	3.000,0	0	0	0
	Tổng cộng	3.171,9	58,3	171,9	58,3
Năm 2033	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 1	0	29,15	85,95	29,15
	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 2	0	29,15	0	29,15
	Gốc Trái Phiếu	0	0	3.000	0
	Tổng cộng	0	58,3	3.085,95	58,3
Năm 2034	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 1	0	29,15	0	29,15
	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 2	0	29,15	0	29,15
	Gốc Trái Phiếu	0	1.000	0	0

	Tổng cộng	0	1.058,3	0	58,3
Năm 2035	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 1	0	0	0	29,15
	Dự kiến Lãi Trái Phiếu lần 2	0	0	0	0
	Gốc Trái Phiếu	0	0	0	1.000
	Tổng cộng	0	0	0	1.029,15

Thời hạn thanh toán:

- Tiền gốc Trái Phiếu: Trừ khi được mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu
- Tiền lãi Trái Phiếu: Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ sáu (06) tháng một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu là mỗi ngày tròn sáu (06) tháng kể từ ngày phát hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu

Nguồn trả nợ gốc, lãi Trái Phiếu: Tại Mục 2 Phần VIII Bản Công Bố Thông Tin này.

Chi tiết phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu như trên được xây dựng dựa trên các giả định sau:

- Trái Phiếu không được mua lại trước hạn và được lưu hành đến Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu.
- Lãi Suất Tham Chiếu (bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (gồm 4 Ngân hàng: VietinBank, BIDV, Vietcombank và Agribank) là 4,68%/năm. Lãi suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 Năm là 5,73%/năm; Lãi suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 10 Năm là 5,83%/năm. Giả định lãi suất không thay đổi trong suốt kỳ hạn của Trái Phiếu.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán

(i) **Tổ Chức Bảo Lành Phát Hành hoặc Đại Lý Phân Phối:** Không có.

(ii) **Tổ Chức Tư Vấn:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771

Fax: 024. 3974 1760

Website: www.cts.vn

(iii) **Tổ Chức Kiểm Toán:**

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024. 7105 0000 Fax: 024. 6288 5678 Website: www.deloitte.com/vn

2. Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn về đợt chào bán

Trên cơ sở các thông tin thu thập được từ Tổ Chức Phát Hành, với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam có một số ý kiến, nhận định như sau:

Tổng khối lượng Trái Phiếu chào bán ra công chúng năm 2024 của VietinBank là 8.000 tỷ đồng theo mệnh giá, bằng 14,90% vốn điều lệ của VietinBank tại thời điểm 30/09/2024. Khối lượng Trái Phiếu của đợt chào bán này cũng gần tương đương với khối lượng trái phiếu mà Vietinbank đã bán thành công ra công chúng trong năm 2023 (là 8.092,37 tỷ đồng), phù hợp với quy mô hoạt động của VietinBank trên thị trường. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán năm 2024 sẽ được VietinBank sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, thực hiện cho vay nền kinh tế, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN. Mục đích, phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán đã được HĐQT VietinBank thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên cạnh các rủi ro đã được đề cập trong Bản Cáo Bạch này, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đánh giá việc gia tăng nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán này là cần thiết và phù hợp với nhu cầu, mục đích sử dụng của VietinBank, đồng thời là yếu tố quan trọng bảo đảm mục tiêu tăng vốn cấp 2 và tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên các thông tin chúng tôi thu thập và đánh giá trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của Trái Phiếu được chào bán và tính chắc chắn của những số liệu trong kế hoạch sử dụng vốn của VietinBank, cũng như sự thành công của đợt phát hành. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo.

3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có. Vì trong đợt chào bán này, VietinBank đã ký Hợp đồng dịch vụ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu - thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu của VietinBank. Do vậy, VietinBank không sử dụng hay thuê dịch vụ tư vấn của bất kỳ chuyên gia nào khác cho đợt chào bán này.

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Ngoài các thông tin về rủi ro, các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, các cam kết đưa ra nhưng chưa thực hiện, những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành đã được trình bày một cách công khai, minh bạch và đầy đủ trong Bản Cáo Bạch này, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành nhận thấy không có thông tin quan trọng nào khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư. Các nhà đầu tư cần có những đánh giá khách quan và tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng và nhận định một cách đầy đủ các nhân tố rủi ro trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN MINH BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TRẦN MẠNH TRUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HẢI HƯNG

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC 


PHẠM NGỌC HIỆP

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VietinBank.
 2. **Phụ lục II:** Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank và các Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động.
 3. **Phụ lục III:** Điều lệ Tổ chức và hoạt động của VietinBank.
 4. **Phụ lục IV:**
 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 240/NQ-HDQT-NHCT-VPHDQT1 ngày 03/07/2024;
 - Quyết định Tổng Giám đốc số 2894/QĐ-TGD-NHCT-KDVTT2 ngày 19/11/2024.
 5. **Phụ lục V:**
 - BCTC riêng và hợp nhất năm 2022 và năm 2023 (đã kiểm toán) của VietinBank;
 - BCTC riêng và hợp nhất bán niên 2024 được soát xét của VietinBank;
 - BCTC riêng và hợp nhất Quý III/2024 tự lập của VietinBank.
 6. **Phụ lục VI:** Cam kết thực hiện nghĩa vụ của VietinBank đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác theo quy định pháp luật.
-